



ISSN: 1859 - 042X
Số 9
2017

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

CHUNG TAY THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Những vướng mắc, bất cập trong giải quyết bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Bàn về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Bảo vệ môi trường

Tặng thưởng kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường - Kinh nghiệm của Việt Nam



BỘ SẢN PHẨM CHO CHƯƠNG TRÌNH

CANH TÁC LÚA THÔNG MINH

THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

13 TỈNH ĐBSCL



TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THANH THỦY

Địa chỉ: Thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Giám đốc: Ông Lê Đình Thanh Sơn - Điện thoại: 0210 3877005



**Chào mừng Kỷ niệm
63 năm Ngày giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017**



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP
Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

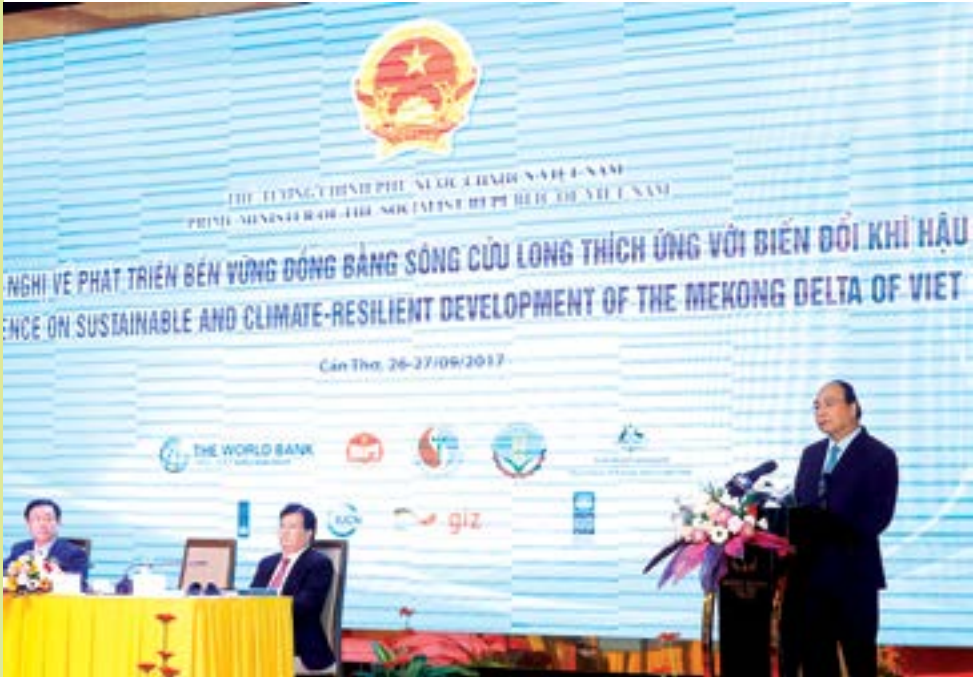
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: **Nguyễn Việt Hưng**
Bìa: Hội nghị về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH
Ảnh: **TTXVN**
Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 9/2017

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [5] ● Chung tay thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu
- [7] ● Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn 2017: Chủ động khắc phục khó khăn, thách thức về môi trường tại khu vực nông thôn
- [8] ● Tăng cường công tác phối hợp trong công tác quản lý tài nguyên và BVMT
- [9] ● Thử nghiệm thành công phương pháp tẩy độc dioxin trong đất bằng công nghệ vi sinh



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [10] NGUYỄN THU HÀ: Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
- [13] HÀ THU: Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung về quy chuẩn xử lý nước thải y tế
- [14] PHẠM VĂN LỢI: Những vướng mắc, bất cập trong giải quyết bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường
- [16] PHAN XUÂN HẢO: Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040
- [18] NGUYỄN YẾN: Chi cục Bảo vệ môi trường Nghệ An: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực môi trường



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [20] VŨ NGỌC LÂN: Từ di tích Phủ Chủ tịch nghĩ về môi trường trong các khu di tích lịch sử về Bác Hồ
- [22] LÊ THU HOA: Bàn về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Bảo vệ môi trường
- [26] LÊ HOÀNG LAN: Cần xem xét vấn đề phục hồi và cải thiện đa dạng sinh học khi chuyển mục đích sử dụng rừng

TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [28] PHẠM VĂN SƠN: Tăng cường công tác ứng phó sự cố môi trường ở Việt Nam
- [30] TRẦN ĐỨC HẠ: Lựa chọn công nghệ và giải pháp thiết kế các công trình xử lý nước thải bệnh viện



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [35] NGUYỄN THẾ CHINH: Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường – Kinh nghiệm của Việt Nam
- [37] TRẦN QUỐC THÁI: Ngành Xây dựng từng bước triển khai theo tiêu chuẩn đô thị bền vững
- [39] TRƯƠNG SỸ VINH, NGUYỄN THÙY VÂN: Xây dựng Bộ tiêu chí bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [43] VŨ ĐÌNH KIÊN: Công ty CP Thiên Nam: Tiên phong sản xuất cát nhân tạo, giúp giải quyết bài toán môi trường và đáp ứng nhu cầu xây dựng
- [49] LINH HUỆ: Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn: Hơn 20 năm tạo thương hiệu, hội nhập và phát triển bền vững



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [51] ĐẶNG HUY HUỖNH: Cộng đồng là chủ thể bảo tồn đa dạng sinh học
- [52] PHƯƠNG TÂM: Phát huy hiệu quả từ các mô hình cộng đồng dân cư bảo vệ môi trường tại Quảng Trị
- [54] NGUYỄN VĂN CƯỜNG: Vườn Quốc gia Cát Bà: Bảo tồn hiệu quả các loài động, thực vật quý hiếm, đặc hữu
- [56] HOA VŨ: Khu Bảo tồn Sao la Thừa Thiên - Huế: Điểm dừng chân lý tưởng của các loài động vật hoang dã
- [57] TRẦN THU TRANG: Bảo tồn và phát triển cây quế Trà My ở Quảng Nam
- [59] NGUYỄN MINH DUY: Sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải khí nhà kính - Hướng đi mới cho sản xuất lúa gạo Thái Bình
- [60] NGUYỄN XUÂN HÒA, ĐINH THỊ THANH: Cộng đồng dân tộc Sán Diu: Phát triển sinh kế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [62] THU QUỲNH: Quyền “được sống” của các dòng sông



Bộ sản phẩm **PHÂN BÓN PHÚ MỸ**
chất lượng cao, đầy đủ dưỡng chất

giúp cây trồng chống chịu thời tiết
khắc nghiệt để **Cho mùa bội thu**



SẢN PHẨM CỦA
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ (PVFCCo)

www.dpm.vn



BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Địa chỉ: Số 1, đường Nhà Thương, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Giám đốc: Ông Nguyễn Quang Tập - Điện thoại: 0225.3700436



▲ Thượng tướng, PGS.TS Nguyễn Văn Thành UVTW Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an cùng Phó nhân trao tặng máy siêu âm cho Bệnh viện



▲ Tổ chức Hội nghị ngoại khoa lần thứ 5 năm 2017



▲ Khai trương, cắt băng khánh thành máy xạ trị tại Trung tâm Ung Bướu

**Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10/1954 - 10/10/2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI SƠN

Địa chỉ: Khu xi măng Sài Sơn, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội
Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Cường - Điện thoại: 0936.385.357



▲ Chuyên sản xuất, cung ứng xi măng Sài Sơn PCB 30 và gạch bê tông cốt liệu Saison Brick (SSB)

**Chào mừng Kỷ niệm 63 năm Ngày giải phóng Thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2017)**



Chung tay thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

Trong hai ngày 26-27/9/2017, tại TP. Cần Thơ đã diễn ra Hội nghị về phát triển bền vững (PTBV) đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH). Đây là Hội nghị có quy mô lớn nhất từ trước đến nay và được coi là “Hội nghị Diên Hồng”, nhằm hiệu triệu các tư tưởng lớn giúp Chính phủ và các địa phương ĐBSCL xác định các nhóm giải pháp chiến lược về chuyển đổi có quy mô, với mục tiêu PTBV ĐBSCL tầm nhìn đến năm 2100. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì phiên toàn thể Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, Trịnh Đình Dũng, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường; Lãnh đạo 13 tỉnh/TP vùng ĐBSCL và TP. Hồ Chí Minh; Cùng hơn 1.000 đại biểu là lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, Quốc hội, địa phương, đoàn thể, đại sứ quán, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển và các nhà khoa học trong và ngoài nước...

NHỮNG THÁCH THỨC VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI ĐBSCL

Trong ngày 26/9, với sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ và Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng, Hội nghị đã diễn ra 3 phiên thảo luận chuyên đề với những vấn đề: Tổng quan, thách thức, cơ hội và giải pháp chuyển đổi mô hình phát triển cho ĐBSCL; Quy hoạch tổng thể, huy động, điều phối nguồn lực cho phát triển vùng ĐBSCL; Nông nghiệp bền vững, hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai và sạt lở.

Về tổng quan, thách thức, cơ hội và giải pháp chuyển đổi mô hình phát triển cho ĐBSCL, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà nêu rõ tính độc đáo của ĐBSCL, với những cơ hội, thách thức,



▲ Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại Hội nghị

đồng thời đề xuất những giải pháp căn cơ, đột phá cho vùng ĐBSCL. Bộ trưởng cho rằng, sự phát triển của ĐBSCL phải được nhìn nhận ở một thể thống nhất, có mối liên kết với các vùng kinh tế như TP. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, phải lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, trung tâm. Do vậy, cần có cơ chế đột phá, thu hút khối kinh tế tư nhân để đầu tư phát triển hạ tầng, phát triển khu công nghiệp.

Sau báo cáo của Bộ trưởng Trần Hồng Hà, các đại biểu tham dự phiên họp đã tập trung thảo luận về những thách thức, cơ hội, giải pháp chuyển đổi nông nghiệp bền vững cho các tiểu vùng tại ĐBSCL; phát triển thủy lợi thích ứng với BĐKH và các giải pháp ứng phó sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL; Quy hoạch tổng thể và phát triển hạ tầng cho ĐBSCL...

Đối với cơ chế điều phối vùng, quản lý thống nhất, Bộ

trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng cho rằng cần tổ chức, sắp xếp lại vùng, trong đó phải coi kinh tế biển là động lực phát triển. Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng nhấn mạnh, cần cân nhắc diện tích trồng lúa; hạn chế khai thác nước ngầm tùy tiện; sắp xếp lại các nhà máy nhiệt điện trong vùng, đồng thời, nâng cao nhận thức của người dân trong việc chuyển đổi mô hình sản xuất thích ứng với BĐKH... Tại phiên họp, các đại biểu đề nghị tăng ngân sách cho vùng lên 20% GDP để đảm bảo nguồn lực phát triển ĐBSCL; ưu tiên và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án ứng phó với BĐKH; nghiên cứu cơ chế đặc thù để thu hút các dự án ODA...

Để phát triển nông nghiệp bền vững, thủy lợi, phòng chống thiên tai sạt lở, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường khẳng định, việc ứng phó với những biến đổi là không thể tránh



▲ Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng và các Bộ trưởng chủ trì Hội nghị ngày 26/9

khởi, cần có sự thống nhất của cả hệ thống chính trị và hành động tổng lực với phương châm "chủ động, tích cực, linh hoạt thích ứng với các biến đổi". Do vậy, cần chủ động phát huy những lợi thế, kết hợp với cách mạng công nghiệp 4.0 để biến nguy cơ thành thời cơ. Bên cạnh đó, cần tái cơ cấu nông nghiệp phải dựa vào tài nguyên đa dạng sinh học, cơ cấu lại phát huy tối đa lợi thế các sản phẩm chủ lực trong khu vực...

SẪ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH

Tại phiên toàn thể Hội nghị ngày 27/9, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đánh giá cao kết quả của các hội nghị chuyên đề và cho rằng, Chính phủ tiếp thu các ý kiến tại Hội nghị, đồng thời kêu gọi các sáng kiến cùng chung tay PTBV khu vực ĐBSCL thích ứng với BĐKH.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh, một trong những tinh thần cốt yếu chính là giữ được đất, nước và con người, trên cơ sở đó, cần có tầm nhìn để xây dựng ĐBSCL từ vừa lúa trở thành khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Trong thời gian tới, ĐBSCL cần chuyển đổi theo 3 hướng: Kiến tạo PTBV, thịnh vượng trên cơ sở

chủ động thích ứng, chuyển hóa được những thách thức, biến thách thức thành cơ hội, bảo đảm cuộc sống cho người dân cũng như bảo tồn được những giá trị truyền thống văn hóa của vùng; Thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy kinh tế nông nghiệp, gắn với chuỗi giá trị từ sản xuất nông nghiệp hóa học sang nông nghiệp hữu cơ và công nghệ cao; Chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp...

Thủ tướng cho rằng, cần tôn trọng quy luật tự nhiên, chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thuận thiên là chính, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên, PTBV theo phương châm sống chung với lũ, mặn, khô hạn, phù hợp với điều kiện thực tế. Phải xác định BĐKH và nước biển dâng là xu thế tất yếu, phải biến thách thức thành cơ hội. Ngoài ra cũng cần coi nước lợ, nước mặn cũng là một nguồn tài nguyên. Quan điểm của Chính phủ, Đảng

Cộng sản Việt Nam là phát triển để phục vụ người dân là quan trọng nhất, với tinh thần giảm khoảng cách giàu nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Về tài chính đầu tư các công trình ứng phó BĐKH, Thủ tướng yêu cầu cần nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển ĐBSCL với nhiều nguồn lực. Từ nay đến năm 2020, giải ngân có hiệu quả ít nhất là 1 tỷ USD xây dựng hệ thống cống điều tiết, cống sông Cái Lớn, Cái Bé của tỉnh Kiên Giang để ngăn mặn; Cống Trà Sư, Tha La của tỉnh An Giang để điều tiết lũ và một số đoạn sạt lở nghiêm trọng, trực tiếp ảnh hưởng đến nhà cửa của nhân dân. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế; Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐBSCL phục vụ thích ứng với BĐKH và sinh kế bền vững; Nghiên cứu xây dựng Chương trình đồng bằng thích ứng dưới dạng một dự án tổng thể, với mục tiêu là giữ cho ĐBSCL an toàn về lâu dài và là một nơi hấp dẫn để sinh sống, làm việc, kể cả chính sách hạn điền ở khu vực này. Định kỳ 2 năm/lần, Chính phủ sẽ tổ chức Hội nghị quy mô để cùng thảo luận kế hoạch, rà soát việc thực hiện các mục tiêu, chủ trương, giải pháp để xây dựng, đưa ĐBSCL đi đến một tương lai tươi sáng hơn.

Ngay sau Hội nghị, Thủ tướng giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ tiếp thu, tổng hợp ý kiến của các đại biểu, xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về PTBV ĐBSCL thích ứng BĐKH để đưa ra thảo luận tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ diễn ra trong tháng 9/2017■

ĐỨC ANH



CHIẾN DỊCH LÀM CHO THẾ GIỚI SẠCH HƠN NĂM 2017:

Chủ động khắc phục khó khăn, thách thức về môi trường tại khu vực nông thôn

Ngày 23/9/2017, tại huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, Bộ TN&MT phối hợp với UBND tỉnh Hòa Bình tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2017.

Tham dự Lễ phát động có Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình Bùi Văn Khánh; Phó Chủ tịch Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam Ngô Trọng Vĩnh; Phó Chủ tịch Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam Nguyễn Thị Tuyết; Giám đốc Công ty TNHH Panasonic Việt Nam Masahiro Yamamoto; đại diện các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, các Sở, ban ngành, cùng hơn 1.000 cán bộ, quần chúng nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Với chủ đề “Quản lý rác thải vì môi trường nông thôn bền vững”, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2017 nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác quản lý môi trường, đặc biệt là quản lý chất thải tại các khu vực nông thôn trong quá trình xây dựng đất nước phát triển kinh tế, an sinh xã hội và hài hòa với thiên nhiên.

Hiện nay, dân số ở khu vực nông thôn chiếm khoảng 67% dân số cả nước. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, bộ



▲ Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân phát biểu tại buổi Lễ

mặt nông thôn đã có nhiều đổi mới, kinh tế phát triển, đời sống của người nông dân dần được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó ô nhiễm môi trường nông thôn đã xuất hiện tại nhiều khu vực và gây ra những thiệt hại về kinh tế - xã hội, tác động trực tiếp đến cuộc sống người dân nông thôn. Trong đó, một số vấn đề bức xúc, nổi

cộm là thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; kiểm soát bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật; ô nhiễm môi trường làng nghề. Mặt khác, công tác quản lý môi trường nông thôn còn đan xen, thiếu đơn vị đầu mối quản lý; tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường còn thấp.

Trước thực trạng trên, thời gian qua, Bộ TN&MT đã tích cực triển khai các hoạt động cụ thể, tiêu biểu như: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung giải quyết các vấn đề BVMT, các điểm nóng ô nhiễm môi trường; Xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật BVMT nhằm khắc phục những bất cập hiện nay, nhất là các quy định về công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, kỹ thuật kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải của doanh nghiệp.



▲ Lễ phát động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2017



Đồng thời, tăng cường phối hợp với Bộ NN&PTNT, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tiếp tục triển khai Đề án BVMT làng nghề, lồng ghép nội dung xử lý triệt để một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020...

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân nhấn mạnh, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm nay là cơ hội để chúng ta nhìn nhận, xác định các vấn đề trọng tâm trong công tác quản lý và BVMT; đồng thời thống nhất hành động, chủ động khắc phục những khó khăn, thách thức về ô nhiễm môi trường tại các khu vực nông thôn, ngăn chặn sự gia tăng về tốc độ ô nhiễm, suy thoái môi trường. Để giải quyết các vấn đề tồn tại trong công tác quản lý và BVMT nói chung và môi trường nông thôn nói riêng, cần xây dựng các giải pháp đồng bộ, trọng điểm và có lộ trình, kế hoạch, nhằm bảo đảm cân bằng sinh thái, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Sau Lễ phát động, các đại biểu cùng với hơn 1.000 cán bộ và người dân tỉnh Hòa Bình tham gia thu gom rác trên địa bàn huyện Kim Bôi. Bộ TN&MT cũng đã phối hợp với UBND tỉnh Hòa Bình và Công ty Panasonic Việt Nam trao tặng 3.000 cây cam V2 (tương ứng với 10 ha) cho đồng bào di dân khu vực lòng hồ thủy điện Sông Đà (xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi). Ngoài ra là hoạt động chạy bộ "Hành trình Việt Nam xanh", góp phần chuyển tải các thông điệp về BVMT như: "Giảm thiểu đốt ngoài trời", "Phân loại rác tại nguồn", "Không đốt rác để giữ bầu không khí sạch"... đến đồng bào người dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

HỒNG NHUNG

Tăng cường phối hợp trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường



▲ Lễ công bố Quy chế phối hợp giữa Bộ TN&MT và Bộ Quốc phòng

Ngày 1/9/2017, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ công bố Quy chế phối hợp hoạt động giữa Bộ TN&MT và Bộ Quốc phòng. Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Bùi Xuân Trường tới dự và chủ trì Lễ công bố.

Trong những năm qua, Bộ TN&MT phối hợp với Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện hiệu quả công tác khắc phục, xử lý chất độc da cam/dioxin, bom, mìn, vật nổ tồn lưu sau chiến tranh; quản lý và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên... Để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, TN&MT biển, đảo, hai Bộ đã phối hợp triển khai 5 dự án thuộc Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý TN&MT biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020; Quan trắc khí tượng thủy văn và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) thông qua việc triển khai đánh giá ảnh hưởng, xác định giải pháp ứng phó, giảm thiểu tác động của BĐKH đến các lĩnh vực hoạt động quân sự, quốc phòng. Ngoài ra, hai bên đã phối hợp quản lý, sử dụng hiệu quả 3 trạm quan trắc môi trường (Trạm quan trắc môi trường hóa - độc xạ; Trạm quan trắc và phân tích môi trường biển; Trạm quan trắc môi trường nền và mưa axit khu vực miền Trung - Tây Nguyên) thuộc hệ thống quan trắc

môi trường quốc gia; xử lý 15/19 cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong quân đội.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Trần Hồng Hà ghi nhận và đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ, toàn diện giữa hai Bộ trong thời gian qua. Bộ trưởng cho rằng, sự phối hợp giữa hai Bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy sự chuyển biến trong công tác quản lý tài nguyên, BVMT và củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần hoàn thành mục tiêu mà Đảng, Nhà nước đã đặt ra. Để công tác phối hợp đạt hiệu quả, hai Bộ sẽ cụ thể hóa các kế hoạch và định kỳ kiểm tra, tổng kết việc thực hiện, kịp thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trong thời gian tới, các cơ quan chức năng của hai Bộ sẽ phối hợp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc; Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, nước và BVMT biển, hải đảo, đa dạng sinh học; Nghiên cứu, tổ chức lực lượng ứng phó với chiến tranh sinh học, đấu tranh, phòng ngừa, kiểm soát săn bắt, đánh bắt, nhập khẩu, vận chuyển, mua, bán trái phép các loài quý hiếm qua biên giới theo quy định của pháp luật; Xây dựng, tổ chức lực lượng kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố môi trường biển xuyên biên giới... **VŨ NHUNG**



Thử nghiệm thành công phương pháp tẩy độc dioxin trong đất bằng công nghệ vi sinh



Ngày 4/8/2017, tại trụ sở Bộ TN&MT đã diễn ra Hội thảo “Báo cáo kết quả thử nghiệm tẩy độc dioxin tồn lưu trong đất tại sân bay A Sho, huyện A Lưới (Thừa Thiên - Huế) bằng công nghệ vi sinh”. Tham dự Hội thảo có đại diện các cơ quan chức năng của Việt Nam, Hàn Quốc và đồng đạo các nhà khoa học.

Đây là kết quả của sự hợp tác giữa hai tổ chức phi chính phủ Việt Nam - Hàn Quốc, nhằm phát huy thế mạnh về công nghệ sinh học của đội ngũ khoa học thuộc Công ty Sinh học Hàn Quốc (BJC) và Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (VACNE), góp phần khắc phục hậu quả chiến tranh do Mỹ để lại; đồng thời giảm bớt khó khăn cho người dân vùng đất đã bị nhiễm độc dioxin.

Theo các Báo cáo giám sát và phản biện của các nhà khoa học đại diện VACNE, Báo cáo phân tích kết quả thử nghiệm của BJC, Viện

KH&CN Hải Dương Hàn Quốc (KIOS), Viện Độc học Hàn Quốc (KIT), với sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng Việt Nam, đặc biệt là Bộ TN&MT, Văn phòng Ban Chỉ đạo 33 và UBND huyện A Lưới, hoạt động thử nghiệm tẩy độc dioxin tồn lưu trong đất tại sân bay A Sho, huyện A Lưới bằng các chủng vi sinh: *Novosphingobium pentaromativorans* US6-1 và *Corynebacterium variabile* IC10 của Hàn Quốc đã có kết quả khả quan.

Cụ thể, đất bị ô nhiễm dioxin tại sân bay A Sho, huyện A Lưới sau chiến tranh đã được các nhà khoa học thử nghiệm xử lý bằng hai chủng vi khuẩn nêu trên với một quy trình nghiêm ngặt. Theo đó,

giai đoạn 1 xử lý kỵ khí trong 3 tháng, sau đó chuyển sang giai đoạn 2 xử lý hiếu khí, tại địa điểm được coi là nóng nhất về dioxin ở A Sho, dưới sự giám sát trực tiếp của cán bộ VACNE, xã Đông Sơn và huyện A Lưới (từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017, trên diện tích 100 m², độ sâu 1m). Kết quả cho thấy, hiệu suất thử nghiệm sau xử lý đạt 35% (từ nồng độ dioxin trong đất là 161,65 pg-TEQ/g xuống còn 104,93-TEQ/g).

Tại Hội thảo, các đại biểu đều đánh giá cao kết quả thử nghiệm tẩy độc dioxin tồn lưu trong đất tại sân bay A Sho, huyện A Lưới bằng các chủng vi sinh của Hàn Quốc, mặc dù trong quá trình thực hiện gặp những bất lợi về thời tiết, hạn chế về thời gian và kinh phí. Đồng thời, các đại biểu kiến nghị với các cơ quan chức năng của Việt Nam và Hàn Quốc sớm hoàn thiện các thủ tục cần thiết để công bố những kết quả nghiên cứu chính thức và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực BVMT, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

SƠN TÙNG



Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

NGUYỄN THU HÀ

Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách pháp chế
Tổng cục Môi trường

Nhằm triển khai Luật BVMT năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT năm 2014; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 quy định về quản lý chất thải (QLCT) và phế liệu; Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 6/1/2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường; Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (QTMT). Đây là các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực BVMT.

Trong chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2017, Bộ TN&MT được giao xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014 (Dự thảo).

1. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Thời gian qua, công tác BVMT đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm chỉ đạo và là một trong ba trụ cột để phát triển bền vững. Theo đó, công tác quản lý nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương đã có sự chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, ô nhiễm môi trường (ÔNMT) vẫn tiếp tục gia tăng, nhiều sự cố gây ÔNMT nghiêm trọng, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân. Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhận thức, ý thức trách nhiệm của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và người dân còn hạn chế. Nhiều địa phương còn chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt, xem nhẹ công tác BVMT; chưa phát huy hiệu quả, vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng, người dân trong công tác BVMT. Hệ

thống pháp luật, quy chuẩn còn nhiều bất cập, thiếu khả thi.

Qua rà soát sự phù hợp của các quy định và thực tiễn triển khai, phần lớn nội dung các quy định chi tiết đã được ban hành tương đối đầy đủ. Tuy nhiên do phạm vi khá rộng nên một số nội dung quy định chi tiết thi hành chưa có tính khả thi; còn mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản, trong khi đó vẫn còn có những khoảng trống quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động sử dụng bền vững tài nguyên và BVMT.

Đối với quy định về ĐTM, kế hoạch BVMT và đề án BVMT

- Về ĐTM sơ bộ: Còn chồng chéo giữa Luật BVMT năm 2014 (Điểm a, Khoản 2, Điều 25) và Luật Đầu tư (Điều 33, 34) gây vướng mắc cho địa phương trong việc xây dựng trình tự, thủ tục đầu tư dự án.

- Về đối tượng thực hiện báo cáo ĐTM: Các loại hình dự án, quy mô để quy định đối tượng thực hiện ĐTM chưa phù hợp với tình hình triển khai thực tế, vì vậy cần rà soát lại đối tượng phải xác nhận hoàn thành công trình BVMT trước khi đi vào hoạt động.

- Về thời gian thực hiện chỉnh sửa, bổ sung báo cáo ĐTM: Chưa quy định thời hạn nộp lại báo cáo ĐTM chỉnh sửa khi được Hội đồng thẩm định thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

- Về thực hiện các điều chỉnh so với ĐTM được phê duyệt: Cần phải quy định rõ

những trường hợp nào cần xin phép thay đổi và trình tự, thủ tục xác nhận sự thay đổi đó.

- Về vận hành thử nghiệm các công trình BVMT: Chưa có quy định cụ thể trường hợp nào được chấp thuận, thủ tục chấp thuận của cơ quan phê duyệt ĐTM đối với trường hợp kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

- Về đề án BVMT/phương án BVMT: Với quy định thời hạn hiện hành sẽ không giải quyết dứt điểm được việc các đối tượng không thực hiện thủ tục về ĐTM hay kế hoạch BVMT. Do vậy, cần có biện pháp khắc phục hậu quả cho những hành vi vi phạm pháp luật này. Đồng thời, theo quy định tại Điều 68 Luật BVMT năm 2014, các cơ sở phải lập và thực hiện phương án BVMT nhưng chưa có quy định cụ thể về vị trí, vai trò, nội dung của phương án BVMT.

Đối với quy định về QLCT

- Về quản lý chất thải rắn (CTR) thông thường: Việc xác nhận bảo đảm yêu cầu BVMT đối với cơ sở xử lý CTR sinh hoạt, cơ sở xử lý CTR công nghiệp thông thường chưa được quy định chi tiết; Chưa có quy định về địa điểm của cơ sở xử lý CTR công nghiệp thông thường và hoạt động đồng xử lý, cải tạo, nâng cấp việc xử lý CTR công nghiệp thông thường; trách nhiệm của chủ cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp CTR công nghiệp thông thường làm nguyên liệu sản xuất; quy



▲ Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài phát biểu tại Hội thảo góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014, tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 8/9/2017

trình nghiên cứu, phát triển công nghệ xử lý CTR công nghiệp thông thường trong môi trường thí nghiệm; tiêu chí, nội dung thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý chất thải...; Chưa có quy định về quản lý phế liệu trong nước.

- *Về quản lý nước thải:* Chưa tính đến yếu tố đặc thù của hoạt động nuôi trồng thủy sản với tính chất hoạt động có lượng nước luân chuyển và lưu thông lớn; chưa có những quy định kỹ thuật về ngưỡng giới hạn điều kiện tiếp nhận nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của chủ đầu tư cơ sở hạ tầng.

- *Về quản lý khí thải:* Chưa có quy định trình tự, thủ tục đăng ký, kiểm kê khí thải công nghiệp, cấp Giấy phép xả khí thải công nghiệp.

- *Về nhập khẩu phế liệu:* Quy định tại Khoản 1 Điều 59 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP chưa phù hợp vì thực tế có trường hợp đã làm xong thủ tục nhập khẩu nhưng chưa đủ thời gian ký quỹ nên không được thông quan.

Về yêu cầu hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động QTMT: Yêu cầu tại Biểu mẫu số 2 của Nghị định số 127/2014/NĐ-CP không phù hợp với Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản; giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

Đối với các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường: Cần bổ sung làm rõ các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải

tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Chưa có quy định về cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án chế biến khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường đối với cơ sở sản xuất công nghiệp sau khi đóng cửa hoặc giải thể...

Về xử lý cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng: Chưa có quy định cụ thể về hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá kết quả và xác nhận hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để ÔNMT tại các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng.

2. QUAN ĐIỂM VÀ KẾT CẤU NỘI DUNG DỰ THẢO

Dự thảo được xây dựng nhằm khắc phục những bất cập hiện nay, nhất là quy định về các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, biện pháp kỹ thuật kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải của doanh nghiệp. Dự thảo được xây dựng trên quan điểm: Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một

số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách BVMT; Coi phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường là nhiệm vụ chính; bảo đảm tính hệ thống, toàn diện, khoa học và thực thi của các quy định pháp luật về BVMT; Tăng cường trách nhiệm chủ động của các cơ quan nhà nước trong BVMT; Minh bạch hóa, dân chủ hóa hoạt động quản lý nhà nước về môi trường nhằm đề cao trách nhiệm của cộng đồng về BVMT; Đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia hoạt động BVMT; Chú trọng các biện pháp thúc đẩy thực thi pháp luật về môi trường.

Theo đó, Dự thảo Nghị định gồm có 5 Chương, 103 Điều và 3 Phụ lục với nội dung chủ yếu:

Chương 1. Quy định về ĐMC, ĐTM, kế hoạch BVMT (từ Điều 1 đến Điều 14): Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy hoạch BVMT, ĐMC, ĐTM, trong đó quy định điều kiện tổ chức thực hiện ĐMC; Thẩm định báo cáo ĐMC; Đối tượng, thời điểm, hình thức



báo cáo, nội dung và thẩm định đánh giá sơ bộ tác động môi trường; Tham vấn khi thực hiện ĐTM; Điều kiện của tổ chức thực hiện ĐTM; Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; Lập lại báo cáo ĐTM; Vận hành thử nghiệm các công trình BVMT của dự án; Kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình BVMT của dự án...

Chương 2. Cải tạo, phục hồi môi trường, BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (từ Điều 15 đến Điều 39): Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT năm 2014, trong đó quy định đối tượng không phải lập phương án theo quy định của Luật Khoáng sản; Ký quỹ BVMT đối với khai thác khoáng sản; Quy định chung về quản lý và cải thiện chất lượng môi trường; Yêu cầu BVMT đối với cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Phương án BVMT; Xử lý cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; Ưu đãi hỗ trợ hoạt động BVMT; Quản lý và cải thiện chất lượng môi trường...

Chương 3. Quy định về QLCT và phế liệu (Điều 40 đến Điều 99): Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về QLCT và phế liệu. Theo đó, quy định về quy hoạch QLCT trong quy hoạch BVMT; đầu tư QLCT nguy hại, CTR sinh hoạt, CTR thông thường; QLCT sinh hoạt; quản lý phế liệu trong nước; CTR công nghiệp thông thường; đánh giá công nghệ xử lý chất thải; cấp phép xả khí thải công nghiệp; quy định về chất thải đặc thù từ khai thác khoáng sản; các quy định về nhập khẩu phế liệu; tiêu hủy xe ưu đãi, miễn trừ...

Chương 4. Quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT (từ Điều 100 đến Điều 102): Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT, trong đó sửa đổi, bổ sung mục IV, phần A Mẫu số 2; Sửa đổi, bổ sung điểm 2 mục I phần B, Mẫu số 2.

Chương 5. Tổ chức thực hiện: Dự thảo sửa đổi, bổ sung Phụ lục Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; Bổ sung Phụ lục Nghị định số 19/2015/NĐ-CP (cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng); Sửa đổi, bổ sung Phụ lục Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Hiện nay, Dự thảo đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ TN&MT và Tổng cục Môi trường để lấy ý kiến của các Bộ, ngành, UBND tỉnh/TP, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân. Dự thảo sẽ được Bộ TN&MT trình Chính phủ vào tháng 11/2017■

HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH VỀ MÔI TRƯỜNG CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà tham dự Hội nghị

Từ ngày 5 - 8/9/2017, tại Băng Cốc (Thái Lan), Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) phối hợp với Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh về môi trường châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất. Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà tới dự và phát biểu tại Hội nghị.

Với chủ đề "Hướng tới một nguồn tài nguyên hiệu quả và không ô nhiễm châu Á - Thái Bình Dương", Hội nghị nhằm rà soát việc thực hiện kết quả Hội nghị cấp Bộ trưởng về môi trường và phát triển châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 6 (MCED-6); các nội dung về môi trường trong Nghị quyết của Hội đồng môi trường Liên hợp quốc (UNEA) của khu vực; xác định mối tương quan giữa việc sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường...

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, để chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế theo hướng bền vững, trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng như: Chiến lược BVMT; Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về Tăng trưởng xanh; Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)... Đồng thời, Bộ trưởng tin tưởng rằng, các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ đạt được mục tiêu phát triển bền vững khu vực thông qua việc thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững, Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành một kỷ nguyên mới của sự phát triển bền vững dựa trên mô hình phát triển kinh tế phát thải các bon thấp và tăng trưởng xanh.

MAI HƯƠNG



Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung quy chuẩn về nước thải y tế

Để khắc phục một số bất cập trong việc áp dụng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế tại các cơ sở y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với Bộ Y tế và các đơn vị có liên quan xây dựng Dự thảo sửa đổi QCVN 28:2010/BTNMT nhằm đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý nước thải y tế, BVMT tại các cơ sở y tế trong giai đoạn hiện nay.

Hiện nay, trên cả nước có 13.640 cơ sở y tế bao gồm 1.263 cơ sở khám chữa bệnh thuộc các tuyến Trung ương, tỉnh, huyện, bệnh viện ngành và bệnh viện tư nhân; 1016 cơ sở thuộc hệ dự phòng tuyến Trung ương, tỉnh và huyện; 77 cơ sở đào tạo y dược tuyến Trung ương, tỉnh; 180 cơ sở sản xuất thuốc và 11.104 trạm y tế xã. Theo đó, lượng nước thải phát sinh tại các cơ sở y tế có giường bệnh khoảng trên 150.000 m³/ngày đêm, chưa kể lượng nước thải của các cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng, các cơ sở đào tạo y, dược và sản xuất thuốc.

Nước thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế có nguồn gốc chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh và hoạt động khám, chữa bệnh. Thành phần trong nước thải y tế có thể là các chất ô nhiễm thông thường (Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), các chất hữu

cơ dễ ôxy sinh hóa, các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của vi sinh vật và thực vật như nitơ (ở dạng NH₄⁺ hoặc NH₃), photphat... hoặc là các thành phần nguy hại như vi khuẩn gây bệnh dịch, chất phóng xạ, hóa chất xạ trị... Vì vậy, nước thải y tế cần được thu gom và xử lý đảm bảo các quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

Ngày 16/12/2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (tại Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT), trong đó quy định các cơ sở y tế phải xử lý nước thải y tế đạt 15 thông số: pH, BOD₅ (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β, tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae trước khi xả

thải ra môi trường. Việc lựa chọn các công nghệ phù hợp và xử lý nước thải y tế đạt QCVN 28:2010/BTNMT, quan trắc nước thải y tế đủ tần suất tại các cơ sở khám, chữa bệnh đã góp phần tích cực trong công tác quản lý nước thải y tế, BVMT trong các cơ sở y tế.

Tuy nhiên, sau 7 năm áp dụng QCVN 28:2010/BTNMT đã bộc lộ một số bất cập như quy định đối tượng áp dụng là các cơ sở khám, chữa bệnh mà chưa bao quát hết các nhóm đối tượng cơ sở y tế có liên quan. Theo quy định của Luật Khám, chữa bệnh, có nhiều loại hình tổ chức hoạt động khám, chữa bệnh với quy mô và tính chất hoạt động khác nhau, do đó tính chất ô nhiễm và mức độ phát sinh nước thải của các loại hình cơ sở khám, chữa bệnh cũng khác nhau. Ngoài ra, có một số chỉ tiêu về ô nhiễm môi trường được quy định trong QCVN 28:2010/BTNMT chưa phù hợp với thực tế và các quy định liên quan vì hầu hết các cơ sở y tế không phát sinh chất thải phóng xạ (trừ một số bệnh viện điều trị ung thư và cơ sở nghiên cứu y học); 3 thông số về vi sinh là Salmonella; Shigella; Vibrio cholerae có tần suất xuất hiện rất ít và không thường xuyên trong các báo cáo quan trắc môi trường của các cơ sở y tế...

Để khắc phục một số bất cập trong QCVN 28:2010/BTNMT, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Dự thảo sửa đổi QCVN 28:2010/BTNMT. Theo đó, Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải y tế khi xả ra nguồn tiếp nhận. Nguồn tiếp nhận nước thải là nơi nước thải được xả vào, bao gồm hệ thống thoát nước (đô thị, khu dân cư), sông, suối, khe, rạch, kênh, mương; hồ, ao, đầm; vùng nước biển ven bờ, vùng biển và nguồn tiếp nhận khác.

Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đang cân nhắc sửa đổi, điều chỉnh giá trị của các thông số ô nhiễm cho phù hợp với quy chuẩn quốc gia và xem xét bổ sung một số thông số như tổng Nitơ (thay cho thông số nitrat), Clo dư, tổng các chất hoạt động bề mặt... Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế sau khi khử trùng sẽ được quản lý như đối với chất thải rắn y tế thông thường, để tránh gây tổn kém kinh phí cho các cơ sở y tế khi phải thực hiện phân tích tính chất nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT.

Việc sửa đổi QCVN 28:2010/BTNMT cho phù hợp với Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn liên quan, cùng với thực trạng quản lý nước thải y tế tại các cơ sở y tế là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu về BVMT trong các cơ sở y tế.

HÀ THU



▲ Lấy mẫu kiểm tra nước thải tại một cơ sở y tế



Những vướng mắc, bất cập trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

PGS. TS. PHẠM VĂN LỢI

Viện Khoa học Môi trường

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo đó, các hoạt động kinh tế như đầu tư, xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được đẩy mạnh; các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ra đời. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế là vấn đề ô nhiễm và suy thoái về môi trường. Thực tế hiện nay, một bộ phận các doanh nghiệp chỉ tập trung vào phát triển kinh tế mà chưa quan tâm tới công tác BVMT và xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Điều này dẫn đến hệ quả môi trường ngày càng ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến đời sống, sức khỏe của người dân.

Để ngăn chặn tình trạng này, Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho việc bồi thường thiệt hại (BTTH) do gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành về cơ chế giải quyết yêu cầu đòi BTTH trong lĩnh vực này mới chỉ ở mức chung chung, mang tính nguyên tắc nên khó áp dụng trong thực tiễn. Thực trạng giải quyết các vụ kiện đòi BTTH do hành vi gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) trong thời gian qua cho thấy một số khó khăn, bất cập sau đây:

BTTH ĐỐI VỚI TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE VÀ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI DÂN DO HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT MÔI TRƯỜNG GÂY RA

Thứ nhất, theo quy định của pháp luật, căn cứ làm phát sinh trách nhiệm BTTH do tính mạng, sức khỏe và tài

sản bao gồm 4 yếu tố: Có thiệt hại xảy ra; hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật; người gây thiệt hại có lỗi hoặc không có lỗi và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật. Tuy nhiên, để chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật gây ÔNMT dưới góc độ pháp lý là rất khó khăn.

Thứ hai, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, theo quy định của pháp luật, người dân phải tự thu thập các chứng cứ về hành vi vi phạm gây ÔNMT của người gây thiệt hại và tự xác định mức độ thiệt hại của mình để khởi kiện đòi BTTH. Tuy nhiên, trên thực tế, người dân khó có thể tự thu thập được chứng cứ do không có đủ thời gian, tài chính, trang thiết bị cũng như trình độ. Điều này

ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của họ.

Thứ ba, việc xác định giá trị và mức tính BTTH về tính mạng, tài sản là rất khó khăn, đặc biệt là mức tính BTTH về tinh thần, tính mạng bị xâm hại do hành vi gây ÔNMT tạo ra. Theo quy định tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 8/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về BTTH ngoài hợp đồng, trong đó tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 Phần 1 hướng dẫn xác định mức độ tổn thất về tinh thần của người bị thiệt hại. Theo đó, BTTH về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị xâm hại cao nhất không quá 30 tháng lương tối thiểu và BTTH về tinh thần cho người thân của người bị thiệt hại về tính mạng do



▲ Việc yêu cầu BTTH do ÔNMT trên một dòng sông là rất khó khăn vì liên quan đến nhiều chủ thể gây ra và phạm vi tác động trên diện rộng



ÔNMT là cao nhất không quá 60 tháng lương tối thiểu. Việc xác định mức BTTH cần phải dựa vào các căn cứ như hậu quả của hành vi phạm tội đối với chính bản thân người bị hại. Tức là người bị hại không chỉ bị thương tích hoặc bị tổn hại nặng đến sức khỏe (chịu đau đớn về thể xác), mà còn phải chịu thiệt hại về tinh thần (thảm mỹ, quan hệ xã hội, nghề nghiệp...). Thiệt hại tinh thần còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, độ tuổi, vị trí công việc, dung mạo... Đây cũng là những trường hợp thiệt hại về tinh thần khó có thể định lượng được.

Thứ tư, thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường gây ra trên diện rộng và ảnh hưởng tới nhiều chủ thể bị thiệt hại. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hiện nay, người dân không có quyền được khởi kiện tập thể để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ năm, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người dân do các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường là rất đa dạng với nhiều diễn biến phức tạp, vì vậy để xác định chính xác các thiệt hại cũng như giá trị của các vụ việc là rất khó khăn. Bên cạnh đó, các quy định về xác định thiệt hại và ấn định mức BTTH trong Bộ luật Dân sự chưa cụ thể, mang tính nguyên tắc. Điều này dẫn đến tình trạng mỗi Thẩm phán hiểu và áp dụng khác nhau, cách giải quyết thiếu nhất quán, chưa có sự thống nhất, do đó quyền, lợi ích của các chủ thể chưa được đảm bảo, nhiều trường hợp người gây thiệt hại bồi thường cho người bị thiệt hại không thỏa đáng.

Thứ sáu, hiện nay chưa có Tòa án chuyên trách về môi trường, kiến thức về lĩnh vực môi trường của các Thẩm phán có sự khác nhau nên việc xét xử các loại án này gặp nhiều khó khăn.

BTTH ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về BTTH đối với môi trường tự nhiên (suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường) được quy định

rải rác ở các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau với hiệu lực pháp lý khác nhau nên rất khó cho các tổ chức, cá nhân trong việc tìm hiểu và áp dụng pháp luật, trong đó có nhiều quy định chưa cụ thể, cần phải có hướng dẫn mới có thể thực hiện được.

Thứ hai, vấn đề gây ô nhiễm, suy thoái, thiệt hại cho môi trường tự nhiên do nhiều chủ thể gây ra và phạm vi tác động, gây ô nhiễm rất rộng (dòng sông, lưu vực sông, ao hồ, vùng biển, cánh đồng...), vì vậy, việc xác định chính xác chủ thể trực tiếp gây thiệt hại để yêu cầu BTTH là rất khó. Như vậy, việc chứng minh chủ thể trực tiếp gây thiệt hại và phải BTTH là vấn đề không đơn giản.

Thứ ba, hành vi vi phạm pháp luật về môi trường tự nhiên đa dạng nên hậu quả cũng ở những mức độ khác nhau. Do vậy, việc xác định mức độ thiệt hại, thu thập dữ liệu, chứng cứ chứng minh cũng rất khó khăn, trong khi các máy móc, thiết bị thu thập dữ liệu, chứng cứ cần người có chuyên môn, trình độ cao; phương pháp lấy mẫu, phân tích cần đảm bảo tính đặc thù của lĩnh vực môi trường... Nội dung này pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện.

Thứ tư, hiện nay pháp luật quy định cơ quan nhà nước có quyền thuê doanh nghiệp để thu thập dữ liệu, chứng cứ phục vụ cho việc BTTH. Tuy nhiên, tiêu chí nào để lựa

chọn doanh nghiệp cũng chưa được pháp luật quy định cụ thể. Đây là vấn đề cần phải có hướng dẫn cụ thể. Pháp luật quy định UBND cấp huyện, cấp tỉnh, Bộ TN&MT có trách nhiệm thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ nhưng lại chưa có hướng dẫn cụ thể, nên giao cho cơ quan chuyên môn của UBND thực hiện nhiệm vụ này.

Thứ năm, pháp luật hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức chi phí xử lý một đơn vị diện tích, thể tích hoặc khối lượng nước, đất bị ô nhiễm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; định mức chi phí phục hồi một đơn vị diện tích hệ sinh thái bị suy thoái; định mức chi phí phục hồi, thay thế một cá thể loài được ưu tiên bảo vệ bị chết và định mức chi phí cứu hộ, chăm sóc để hồi phục sức khỏe một cá thể loài được ưu tiên bảo vệ bị thương.

Thứ sáu, trong trường hợp doanh nghiệp không đồng tình với mức bồi thường mà cơ quan yêu cầu bồi thường đưa ra thì chính doanh nghiệp phải tự chứng minh mình không gây ô nhiễm hoặc gây ÔNMT ở mức độ nào? Vì vậy, pháp luật cần phải hướng dẫn về cách thức, trình tự, thủ tục chứng minh doanh nghiệp không gây ÔNMT. Ngoài ra, trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam chưa có thông tin, dữ liệu về môi trường nền nên việc tính toán mức độ thiệt hại so với môi trường ban đầu rất khó khăn■



Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040

PHAN XUÂN HÀO - *Chi cục trưởng
Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Bình*

Quảng Bình nằm trong khu vực đa dạng sinh học (ĐDSH) Bắc Trường Sơn - nơi có khu hệ thực vật, động vật đa dạng, độc đáo với nhiều nguồn gen quý hiếm. Đặc trưng cho ĐDSH ở Quảng Bình là Vườn Quốc gia (VQG) Phong Nha - Kẻ Bàng. Để bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên ĐDSH, tỉnh Quảng Bình vừa phê duyệt Quy hoạch bảo tồn ĐDSH đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng góp phần thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn ĐDSH của địa phương.

Quảng Bình là một trong những địa phương có tính ĐDSH cao với 2.766 loài thực vật, trên 1.000 loài côn trùng, 342 loài chim, 171 loài thú và 158 loài bò sát - lưỡng cư, trong đó có tới 156 loài thực vật, 14 loài côn trùng, 25 loài chim, 48 loài thú, 32 loài bò sát - lưỡng cư, 10 loài cá quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam năm 2007 và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Đây là nguồn tài nguyên đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và đất nước nói chung. Trên cơ sở đó, tỉnh Quảng Bình đã xây dựng Quy hoạch bảo tồn ĐDSH nhằm bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên ĐDSH, sử dụng hợp lý các giá trị ĐDSH; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái (HST), môi trường, cảnh quan ĐDSH góp phần xóa đói, giảm nghèo; bảo tồn ĐDSH nhằm thích ứng và giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH).

Quy hoạch đặt ra mục tiêu nâng cao chất lượng rừng tại các khu vực HST tự nhiên đã được khoanh vùng bảo vệ, tiến tới nâng tỷ lệ che phủ rừng lên mức 69 - 70% vào năm 2020; Phân vùng bảo tồn; bảo tồn được loài và nguồn gen động, thực vật quý hiếm; BVMT và nét đẹp độc đáo của tự nhiên. Trong đó, hoàn thiện quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn và hành lang ĐDSH trên địa bàn tỉnh; Kiểm soát chặt chẽ, giảm tối đa nạn buôn bán và tiêu thụ các loài nguy



▲ Du khách tham quan VQG Phong Nha - Kẻ Bàng với hệ thực vật phong phú

cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ... Định hướng đến năm 2040 tiếp tục bảo vệ các HST tự nhiên đã có và HST núi đá vôi đặc trưng đang bị tác động; Tiếp tục thành lập và đưa vào hoạt động các cơ sở bảo tồn ĐDSH, khu bảo vệ cảnh quan và hành lang ĐDSH được đề xuất; Hạn chế tối đa về suy giảm ĐDSH; bảo vệ và phát triển các HST tự nhiên; quản lý, kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa sự lây lan và diệt trừ, giảm thiểu tác hại của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại...

Theo Quy hoạch, đã xác định được 1 khu vực có khả

năng quy hoạch thành hành lang bảo tồn ĐDSH, đó là hành lang bảo vệ ĐDSH Khe Nét - Vũ Quang, nơi có ĐDSH cao nhằm ngăn chặn và giảm thiểu tình trạng chia cắt về sinh cảnh và các HST hỗ trợ quá trình di cư trong tương lai của các loài sinh vật dưới tác động của BĐKH, đặc biệt là nhóm gà lôi đặc hữu có biên độ sinh thái hẹp; đồng thời mở rộng vùng sống và sinh cảnh được ưu tiên bảo vệ cho quần thể voi châu Á...

Ngoài VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (có diện tích khoảng 126.326 ha) và Khu



Bảo vệ Cảnh quan núi Thần Đinh (136 ha), cũng đã xác định được 5 khu vực có thể quy hoạch bảo vệ và phát triển HST rừng tự nhiên đặc thù của tỉnh, bao gồm: Khu Bảo tồn Thiên nhiên Khe Nét (26.800 ha); Khu Bảo tồn Thiên nhiên Động Châu - Nước Trong (19.000 ha); Khu Bảo tồn Thiên nhiên dãy núi Giăng Màn (20.000 ha); Khu Bảo vệ Cảnh quan Vững Chùa- Đảo Yến (8.000 ha); Khu Bảo vệ Cảnh quan Đất ngập nước Bàu Sen (200 ha). Đây là nơi có tính ĐDSH cao, còn lưu giữ các nguồn gen động thực vật quý hiếm. Nhiệm vụ của các Khu Bảo tồn thiên nhiên là bảo tồn nguồn tài nguyên động thực vật, đặc biệt là các nguồn gen động thực vật quý hiếm; Quản lý, bảo vệ rừng và phục hồi sinh thái các nhóm động thực vật trước đây đã có trong khu vực; Tổ chức nghiên cứu khoa học và dịch vụ nghiên cứu khoa học về rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đối với công tác quy hoạch bảo tồn chuyển chỗ, quy hoạch các nhà bảo tàng thiên nhiên; vườn sưu tập cây thuốc và ngân hàng gen. Hiện tại, tỉnh Quảng Bình có Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật, có chức năng tham mưu, giúp Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng trong công tác cứu hộ, bảo tồn, phát triển sinh vật và giáo dục môi trường, nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư địa phương và du khách, học sinh, sinh viên tham quan, học tập, nghiên cứu tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng; Thu thập, lưu trữ, bảo tồn nguồn gen các loài nguy cấp, quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng; Nghiên cứu, duy trì giống gốc, nhân giống, cung ứng nguồn giống cho phát triển gây nuôi bền vững... Như vậy, Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật thuộc VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có thể phát triển, mở rộng đáp ứng nhu cầu phát triển thành vườn thực vật và vườn thú cũng như Trạm cứu hộ động vật mang ý nghĩa phục vụ vui chơi giải trí, tham quan học tập,

bảo vệ, duy trì tài nguyên ĐDSH cho tỉnh và khu vực Bắc Trung Bộ. Ngoài ra, tỉnh còn quy hoạch các vùng được ưu tiên kiểm soát và phòng chống các loài ngoại lai xâm hại. Trong giai đoạn 2018 - 2025, sẽ kiểm soát và diệt trừ các loài ngoại lai đang xâm hại nghiêm trọng, bao gồm: Ốc bươu vàng, cây Mai dương, Bìm bìm hoa vàng và một số loài ngoại lai xâm hại khác.

Để thực hiện Quy hoạch Bảo tồn ĐDSH tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2040 và các kế hoạch về bảo tồn ĐDSH, trong thời gian tới, tỉnh sẽ triển khai một số giải pháp:

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo tồn ĐDSH, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước. Có thể nói, để triển khai thực hiện Quy hoạch và các kế hoạch về bảo tồn ĐDSH nhu cầu về vốn là rất lớn, cần phải có chính sách, biện pháp huy động tối đa các nguồn vốn như nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách Trung ương, các nguồn tài trợ và sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho công tác bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao khả năng quản lý trong lĩnh vực ĐDSH; huy động sự tham gia của các tổ chức và nhân dân trong tỉnh. Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ góp phần nâng cao năng suất xã hội,

mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, có thể đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của dân cư.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật ĐDSH và các văn bản có liên quan nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, phát huy tính chủ động của người dân vào việc tham gia bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH của tỉnh; giúp cộng đồng dân cư gắn bó cuộc sống và thu nhập của mình với công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn ĐDSH.

Rà soát, bổ sung, xây dựng chính sách và chế định cụ thể trong phát triển kinh tế gắn với BVMT, bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH trên cơ sở Luật ĐDSH, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật BVMT, chiến lược phát triển bền vững của cả nước.

Tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận và hợp tác quốc tế về bảo tồn ĐDSH, trong đó chú trọng việc trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật về ĐDSH.

Xây dựng và triển khai các giải pháp khoa học công nghệ về ĐDSH; trong đó ứng dụng các tiến bộ mới trong công tác điều tra ĐDSH; Tăng cường nghiên cứu sử dụng các phương pháp, công cụ và áp dụng các mô hình mới, đặc biệt là phương pháp tiếp cận dựa vào HST thích ứng với BĐKH trong công tác quản lý các Khu Bảo tồn, cơ sở bảo tồn ĐDSH và hành lang ĐDSH■



CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN:

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực môi trường

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính (CCHC), đặc biệt là thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường tại Chi cục BVMT Nghệ An đã có những chuyển biến tích cực, đảm bảo khung pháp lý quan trọng cho việc quản lý nhà nước về môi trường. Các cơ chế, chính sách cũng như các quy định TTHC ngày càng hoàn thiện, đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

TĂNG CƯỜNG CẢI CÁCH THỂ CHẾ

Ngay sau khi Luật BVMT năm 2014 được ban hành, Chi cục BVMT Nghệ An đã rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật và các văn bản hướng dẫn, gắn liền với công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về môi trường. Từ đầu năm 2017, Chi cục cũng đã tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường, tham mưu hướng dẫn quy trình thẩm định cấp giấy phép kế hoạch, đề án BVMT đơn giản của Phòng TN&MT cấp huyện. Đồng thời, tiếp tục giám sát, đôn đốc thực hiện Dự án điều tra và xử lý các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV). Đến nay, đã thực hiện được 22 đề án điều tra, khảo sát xác định phạm vi mức độ ô nhiễm cho 178 điểm, đang chuẩn bị triển khai 9 đề án, với 55 điểm ô nhiễm môi trường do tồn dư thuốc BVTV.

Nhằm nâng cao nhận thức về BVMT cho cộng đồng, Chi cục đã ban hành kế hoạch truyền thông về BVMT, phối hợp với các tổ chức (Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Ban Dân vận, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Đảng ủy Khối các cơ quan cấp tỉnh, Tỉnh đoàn, Báo Nghệ An và các báo Trung ương) tuyên truyền, tập huấn, xây dựng các mô hình về BVMT đến tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, cộng đồng dân cư.

THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG

Để rút ngắn thời gian xử lý, khắc phục hiện tượng tiêu cực, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời giảm chi phí, tăng cường công khai, minh bạch về TTHC, Chi cục BVMT

Nghệ An đã trình lãnh đạo Sở, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3908/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 công bố bộ TTHC trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh. Trong đó có một số nội dung đơn giản hóa TTHC như: Thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM giảm 75% thời gian đối với các dự án đầu tư trực tiếp (từ 20 ngày làm việc theo quy định tại Thông tư số 27/TT-BTNMT xuống 5 ngày làm việc) và 50% (từ 20 ngày xuống 10 ngày) đối với các dự án khác; Giảm 26,7% thời gian xem xét cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ (từ 15 ngày làm việc theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT xuống 11 ngày làm việc).

Triển khai Kế hoạch CCHC trong lĩnh vực môi trường theo Quyết định số 148/QĐ-STNMT ngày 18/3/2016 của Sở TN&MT, trong 9 tháng đầu năm 2017, Chi cục đã hoàn thiện rà soát, chỉnh sửa và trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo ĐTM đối với 24 dự án đầu tư; Đề án BVMT chi tiết đối với 6 cơ sở; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với 2 dự án; Thẩm định Báo cáo ĐTM 18 Dự án đầu tư; Kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp BVMT theo báo cáo ĐTM đã phê duyệt cho 8 dự án để làm căn cứ cấp Giấy xác nhận; Giám sát việc thực hiện công tác BVMT đối với các dự án chăn nuôi tập trung, chế biến tinh bột sản thuộc thẩm quyền quản lý của Chi cục...

NÂNG CAO CÔNG TÁC CCHC

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới, Chi cục BVMT Nghệ An tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác CCHC, trong đó tập trung tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT; tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT; đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, theo dõi, đôn đốc cán bộ trong Chi cục thực thi nhiệm vụ công vụ và nội quy, quy chế của đơn vị; thực hiện các nhiệm vụ quy định theo Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục giám sát việc thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc mạng và nước biển tại thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai và huyện Diễn Châu; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác BVMT đối với một số cơ sở hoạt động chế biến thủy sản có nước thải thải ra cửa sông, biển, các đơn vị có lượng nước thải lớn trên địa bàn tỉnh.

Cùng với đó, tổ chức thực hiện Đề án điều tra thống kê, phân loại nguồn thải để quản lý; tiếp tục phối hợp với Sở, ban/ngành và UBND cấp huyện giám sát, kiểm tra công tác khắc phục của các đơn vị trong danh sách cơ sở ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được UBND tỉnh phê duyệt...■

NGUYỄN YẾN



● Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Ngày 18/8/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 79/NQ-CP về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

Nghị quyết giao Bộ TN&MT phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ TTHC, giấy tờ công dân quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với thời điểm hoàn thành, vận hành của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Theo đó, Bộ TN&MT sẽ đơn giản hóa TTHC các lĩnh vực: đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước. Đối với lĩnh vực môi trường, một số nội dung không cần thiết trong mẫu đơn xin cấp lại, mẫu tờ khai về việc vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ... sẽ được thay thế và điều chỉnh.

● Quy định bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành tài nguyên và môi trường

Ngày 29/6/2017, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 11/2017/TT-BTNMT “Quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước (BMNN) trong ngành TN&MT”. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân công tác trong ngành TN&MT; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan đến nội dung thuộc BMNN

trong ngành TN&MT.

Thông tư quy định, căn cứ vào phạm vi BMNN quy định tại các Điều 5, 6, 7 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục trực thuộc Bộ có trách nhiệm đề xuất danh mục BMNN thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước gửi Vụ Pháp chế tổng hợp.

Việc giao, nhận tài liệu, vật mang BMNN phải được thực hiện trực tiếp tại nơi làm việc, bảo đảm an toàn theo quy định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tài liệu, vật mang BMNN. Bên giao, nhận tài liệu, vật mang BMNN phải tổ chức kiểm tra, đối chiếu nhằm phát hiện những sai sót, mất mát để xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật. Thông tư được thực hiện từ ngày 1/9/2017.

● Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Ngày 11/9/2017, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 30/2017/TT-BTNMT về định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước (TNN). Theo đó, đối tượng áp dụng của Thông tư là các cơ quan quản lý nhà nước, công ty, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác điều tra, đánh giá TNN.

Thông tư quy định về điều tra, đánh giá TNN mặt, TNN dưới đất, với định mức được tính cho vùng chuẩn có điều kiện áp dụng như: Vùng điều tra, đánh giá có diện tích 100 km²; Vùng đồng bằng, điều kiện đi lại thuận lợi; Mật độ sông suối trung bình của toàn vùng từ 0,5 đến < 1,0 km/km², sông suối có chiều dài 10 km trở lên và có dòng chảy liên tục; Vùng có 1 lưu vực sông (LVS), không

có mối quan hệ liên tỉnh, liên quốc gia...

Hệ số sẽ được điều chỉnh theo đặc điểm của từng vùng và mức độ phức tạp của điều kiện địa hình ($K_{đh}$), mật độ sông suối ($K_{mđ}$), số lượng LVS (K_{sl}) mức ảnh hưởng triều (K_{tt})...

● Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành công nghiệp xi măng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Ngày 26/7/2017, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 802/QĐ-BXD về Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) trong ngành công nghiệp (CN) xi măng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu của Kế hoạch là đến năm 2020, giảm 20 triệu tấn CO₂tđ, năm 2030 giảm 164 triệu tấn CO₂tđ so với kịch bản phát triển thông thường (BAU); Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất xi măng đầu tư cải tiến công nghệ, tăng cường năng lực quản lý sản xuất nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; nâng cao năng lực quản lý của Bộ Xây dựng về phát thải KNK trong lĩnh vực sản xuất xi măng.

Để thực hiện mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ cần thực hiện: Tăng cường cơ chế, chính sách quản lý các hành động giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) trong ngành CN xi măng; Nâng cao năng lực xây dựng tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật liên quan giảm phát thải KNK và tiêu hao năng lượng trong sản xuất xi măng; Hỗ trợ, thúc đẩy đầu tư cải tiến công nghệ, thiết bị sản xuất xi măng...



Từ Di tích Phủ Chủ tịch nghĩ về môi trường trong các Khu di tích lịch sử về Bác Hồ

VŨ NGỌC LÂN

Năm nào cũng vậy, vào dịp đất nước thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2/9, mỗi ngày có đến hàng vạn đồng bào trong và ngoài nước về thăm Quảng trường Ba Đình lịch sử, viếng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm Khu Di tích Phủ Chủ tịch. Khách đến Khu di tích không chỉ là đến với một chứng tích lịch sử để biết về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với những sự kiện trọng đại của cách mạng Việt Nam mà còn đến với một vùng sinh thái hấp dẫn, vừa đẹp, vừa đa dạng.

Trước hết, từ những công trình kiến trúc, cảnh quan, hiện vật trong Khu di tích Phủ Chủ tịch đều toát lên giá trị văn hóa nhân văn. Đó là một cuộc sống bình dị như ý tưởng của Bác Hồ: “một cái nhà nho nhỏ nơi non xanh nước biếc” để ngoài giờ làm việc thì “câu cá trồng rau”, làm bạn với trẻ, trò chuyện với các cụ già, không màng tới danh lợi. Bao trùm lên tất cả là cách ứng xử của Bác đối với con người, nhà cửa, đồ vật, cây cối. Với tư cách là Chủ tịch nước, Chủ tịch một đảng cầm quyền, nhưng Bác Hồ không ở Phủ toàn quyền cao sang mà dựng một cái nhà sàn nhỏ, khiêm nhường như nhà của đồng bào vùng cao, lấy chỗ ở và làm việc. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đón các cháu thiếu niên vào vui chơi với Người tại Phủ Chủ tịch (xưa là Phủ Toàn quyền) hay Người cho xây bể cá vàng ở ngôi nhà sàn khẳng định Người muốn trao cho các cháu vị thế làm chủ đất nước.

Khi đoàn đại biểu các anh hùng lực lượng vũ trang miền Nam ra thăm miền Bắc, vào Phủ Chủ tịch, Người không từ Phủ Chủ tịch ra đón, mà xuất hiện từ đường xoài, để tạo sự gần gũi như người cha, người bác đón con cháu trở về trong một không gian lịch sử. Mỗi cây cối trong vườn Bác đều như có tâm hồn và mang những ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Từ “cây xanh bốn mùa” gợi nhớ sự thông cảm của Người đối với chị lao công đêm đông quét rác; “cây cọ dầu” gợi nỗi ưu tư trước đời sống khó khăn, vất vả của nhân dân; “cây vú sữa”, “dừa miền Nam” là biểu hiện tình cảm của Người đối với đồng bào miền Nam “đi trước về sau”.



▲ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hàng cây dâm bụt “đỏ hoa quẻ” là biểu hiện của tình yêu quê hương tha thiết với “bao nhiêu tình” của Người. Mỗi quan hệ giữa con người với con người quy định mối quan hệ của con người đối với tự nhiên và ngược lại. Tinh thần văn hóa nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thiên nhiên cũng nằm trong quan hệ đó. Người từ căn cứ địa Cao Bằng đến chiến khu Việt Bắc về đến Thủ đô Hà Nội, “trở lại” với thiên nhiên, cũng vườn cây, ao cá, hoa thơm, trái ngọt một cách thanh tao, tĩnh lặng.

Tinh thần nhân văn hay đạo đức môi trường của Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch không chỉ hòa quyện, gắn bó với thiên nhiên, mà còn cải tạo tự nhiên, thích ứng tích cực với hoàn cảnh tự nhiên. Bác Hồ thường xới đất, làm cỏ, chăm sóc cây, nuôi cá như một người nông dân thực thụ. Đặc biệt, đến nay, sau gần 50 năm “đi xa”, nhiều hiện vật trong phòng ở và làm

việc, cây cối, lối đi... từ thời Bác còn sống vẫn được giữ nguyên vẹn. Cùng với sự giản dị, khiêm nhường, đạo đức cách mạng trong sáng thì môi trường sinh thái, cảnh quan di tích Phủ Chủ tịch ngày càng thu hút nhiều đồng bào và khách thập phương đến tham quan. Đây là một biểu tượng về tương quan giữa yếu tố lịch sử, văn hóa và môi trường sinh thái. Có thể nói, Khu di tích Phủ Chủ tịch là hình mẫu về một Di tích lịch sử - văn hóa - môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay.

Hiện nay, ở nước ta có nhiều di tích lịch sử, bao gồm các di tích lịch sử, văn hóa và tâm linh, trong đó có không ít di tích lịch sử ghi lại những dấu ấn sinh thời Bác Hồ sống, hoạt động, làm việc, ghé thăm. Ở đây không đề cập đến các khu di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh cũng như không nói đến những quảng trường mang tên Bác Hồ, những tượng đài mang tên Hồ Chí Minh mà chỉ nói



▲ Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm sóc cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi tặng (ảnh tư liệu)

đến di tích về Người. Tuy nhiều di tích được bảo vệ, tôn tạo, tu bổ tốt, nhưng từ Di tích Phủ Chủ tịch, đối chiếu và soi vào các di tích khác về Bác thì thấy có một số vấn đề nổi lên, nhất là về cảnh quan môi trường.

Thứ nhất, đã là di tích lịch sử về Bác, tiêu chuẩn đầu tiên phải phản ánh và giữ được nguyên vẹn những gì như thời người đã từng sống, làm việc, hoạt động ở đó;

Thứ hai, những di tích lịch sử về Bác cần phản ánh, thể hiện được cốt cách con người của Bác, nhất là đức tính khiêm nhường, tác phong quần chúng, giản dị, tiết kiệm, không phô trương, hình thức, không muốn mình cao hơn, tách biệt và khác biệt đối với mọi người.



▲ Nhà sàn, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại Phủ Chủ tịch

Thứ ba, sinh thời Bác Hồ sống hòa hợp với thiên nhiên, nâng niu, chăm sóc, coi trọng thiên nhiên. Do vậy, việc tu bổ sửa sang, tôn tạo hoặc xây dựng mới các khu di tích về Bác cần rất chú ý đến cảnh quan môi trường, sinh thái, thể hiện cho được đạo đức môi trường của người, tức là chú trọng việc trồng các loại cây phù hợp với thổ nhưỡng, sinh thái tại nơi đó.

Thứ tư, Bác Hồ là người rất quan tâm đến con người, ngay cả khi sắp “ra đi” Người căn dặn rất kỹ việc “hỏa táng” để lấy tro cho 3 miền Bắc, Trung, Nam. Người dặn trong Di chúc là “nên chọn một quả đồi mà chôn hợp tro đó. Trên mộ, không có bia đá tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi”. Như vậy, Bác không muốn biến cái chết thành cái đau thương mà muốn nơi chôn cất mình

thành nơi nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, thư giãn, yên ả, thanh bình. Nếu thế thì cần trồng nhiều cây xanh.

Trong xu hướng thương mại hóa các hoạt động du lịch, bê tông hóa, ở nhiều nơi, người ta đã tôn tạo di tích bằng cách “làm mới” thay vì tôn tạo, chặt cây, kẻ đường, làm trụ cáp treo, xây lầu quán, mở bãi đỗ xe ô tô... đón khách du lịch khiến môi trường sinh thái bị hủy hoại, cảnh quan thay đổi. Tâm lý muốn công trình sau phải hơn cái trước, đồ sộ hơn cái trước đã tạo ra sự ganh đua nhiều khi phá vỡ cảnh quan và không phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam.

Để bảo vệ các di tích trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chúng ta phải đặc biệt chú ý đến BVMT. Vì di tích luôn luôn gắn với môi trường sinh thái nên phải nghiên cứu để gìn giữ, không tôn tạo một cách tùy tiện, phá vỡ điều kiện tự nhiên của di tích. Việc giữ gìn môi trường sinh thái, nơi di tích tọa lạc là điều vô cùng quan trọng. Đó cũng là mong muốn của Bác Hồ khi còn sống.

Mỗi khi cần tu bổ, nâng cấp, mở rộng hay xây mới một di tích về Bác, cần vận dụng tri thức của nhiều ngành chuyên môn khác nhau như tri thức lịch sử, những nhà nghiên cứu về Hồ Chí Minh, môi trường sinh thái, địa lý, nhân văn, văn hóa, dân tộc học, khảo cổ học; có sự giám sát và phản biện xã hội của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người dân. Trên cơ sở đó, cần đưa ra những kiến giải cho từng Khu di tích lịch sử về Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với môi trường sinh thái■



Bàn về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường

PGS.TS. LÊ THU HOA

Khoa Môi trường và Đô thị, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Luật Thuế BVMT được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 15/11/2010 tại kỳ họp thứ 8, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2012. Sau hơn 5 năm triển khai thực hiện, nhiều nội dung của Luật Thuế BVMT 2010 đã bộc lộ nhiều vướng mắc. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Thuế BVMT là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách thuế, đáp ứng hiệu quả yêu cầu BVMT và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế.

Ngày 22/4/2017, tại kỳ họp thứ 9, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đồng ý trình Quốc hội bổ sung Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế BVMT vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 của Quốc hội để cho ý kiến tại kỳ họp vào tháng 10/2017. Hiện tại, Dự án Luật đang được gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan. Bài viết nêu một số ý kiến bàn luận và đề xuất nhằm đóng góp cho việc sửa đổi và hoàn thiện Dự án Luật.

QUAN ĐIỂM VÀ CÁCH TIẾP CẬN XÂY DỰNG/SỬA ĐỔI LUẬT THUẾ BVMT

Thuế BVMT là một trong những công cụ kinh tế (CCKT) quan trọng được các quốc gia trên thế giới sử dụng nhằm 2 mục đích chính: Điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế (người sản xuất và tiêu dùng) theo hướng thân thiện với môi trường; Tạo ra nguồn tài chính cho việc cung cấp hàng hóa/dịch vụ BVMT.

Với nhiều quốc gia, thuế chỉ được gọi là thuế môi trường/thuế BVMT khi đáp ứng 3 tiêu chí: Thuế liên quan đến các mục tiêu về môi trường của Chính phủ; Mục tiêu chính của thuế là khuyến khích hành vi tích cực về mặt môi trường; Thuế được cấu trúc phù hợp với nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và các mục tiêu môi trường, theo đó càng gây ô nhiễm, gây nhiều tác động xấu đến môi trường thì thuế càng cao.

Như vậy, đã gọi là thuế môi trường/thuế BVMT thì mục tiêu chính/trước nhất phải đạt được là tạo ra các tác động tích cực đối với môi trường. Nếu một loại thuế không thể hiện được mục tiêu này hoặc chỉ nhằm chủ yếu là tăng thu thì không gọi là thuế môi trường/thuế BVMT.

Tại Việt Nam, từ Luật Thuế BVMT năm 2010 đến Dự thảo Luật sửa đổi năm 2017, trong tờ trình của Bộ Tài chính, mục tiêu môi trường được đề cập khá mờ nhạt so với mục tiêu tăng thu. Tờ trình Dự án Luật năm 2017 cũng không có nội dung đánh giá tác động/hiệu quả môi trường của việc thực hiện



▲ Việc đề xuất tăng thuế BVMT đối với xăng, dầu đang được dư luận đặc biệt quan tâm

Luật trong 5 năm qua và dự báo cho giai đoạn tới; thiếu những bằng chứng thực tế để chứng minh cho đánh giá của Bộ Tài chính là “chính sách thuế BVMT trong thời gian qua đã góp phần hạn chế việc sản xuất, tiêu dùng các hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, khuyến khích sản xuất và sử dụng các hàng hóa thân thiện với môi trường, giảm phát thải ô nhiễm tại nguồn, nâng cao ý thức BVMT của toàn xã hội”.

Nhằm tạo niềm tin đối với người dân và doanh nghiệp “sẵn lòng chi trả”/sẵn lòng đóng thuế, Dự án Luật Thuế BVMT (sửa đổi) cần nghiên cứu đề xuất theo hướng mở rộng cơ sở thuế, điều chỉnh phạm vi, đối tượng chịu thuế, khung mức thuế... đồng thời cung cấp những bằng chứng và luận giải rõ ràng hơn về mục tiêu môi trường đã và sẽ đạt được khi thực hiện Luật.



Đối tượng chịu thuế BVMT và mức thuế tuyệt đối được quy định theo Biểu khung thuế dưới đây.

Số thứ tự	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/1 đơn vị hàng hóa)	
			Luật 2010	Đề xuất 2017
I	Xăng, dầu, mỡ nhờn			
1	Xăng, (trừ etanol)	lít	1.000-4.000	3.000 - 8.000
2	Nhiên liệu bay	lít	1.000-3.000	3.000 - 6.000
3	Dầu diesel	lít	500-2.000	1.500 - 4.000
4	Dầu hỏa	lít	300-2.000	Giữ nguyên
5	Dầu mazut	lít (kg)	300-2.000	900 - 4.000
6	Dầu nhờn	lít	300-2.000	900 - 4.000
7	Mỡ nhờn	kg	300-2.000	900 - 4.000
II	Than đá			
1	Than nâu	tấn	10.000-30.000	Giữ nguyên
2	Than an-tra-xít (antraxit)	tấn	20.000-50.000	Giữ nguyên
3	Than mỡ	tấn	10.000-30.000	Giữ nguyên
4	Than đá khác	tấn	10.000-30.000	Giữ nguyên
III	Dung dịch Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC)	kg	1.000-5.000	4.000 - 20.000
IV	Túi ni lông thuộc diện chịu thuế	kg	30.000-50.000	40.000 - 200.000
V	Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	500-2.000	Giữ nguyên
VI	Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	1.000-3.000	Giữ nguyên
VII	Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	1.000-3.000	Giữ nguyên
VIII	Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng	kg	1.000-3.000	Giữ nguyên

ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ VÀ MỨC THUẾ

Theo quy định của Luật Thuế BVMT năm 2010 (Dự thảo Luật Thuế BVMT năm 2017 không đề xuất điều chỉnh) thì sản phẩm/hàng hóa có “tác động xấu đến môi trường” thuộc diện đối tượng chịu thuế; và “tác động xấu đến môi trường” chính là căn cứ quan trọng để xác định đối tượng chịu thuế, thước đo để tính thuế, là cơ sở để quyết định mức thuế cao hay thấp đối với mỗi loại sản phẩm/hàng hóa. Liên quan đến quy định đó, một số vấn đề cần làm rõ/bổ sung như sau:

Về đối tượng chịu thuế: Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới và thực tế Việt Nam, đã đến lúc nghiên cứu để đưa các sản phẩm có tác động xấu đến môi trường như sản phẩm điện tử, điện gia dụng, ắc quy, lốp xe hay chất tẩy rửa tổng hợp vào danh mục đối tượng chịu thuế.

Hiện tại ở Việt Nam, các sản phẩm điện tử, điện gia dụng, ắc quy, lốp xe, chất tẩy rửa... đều là những sản phẩm có khối lượng sử dụng và thải bỏ tăng nhanh qua các năm (riêng chất thải điện tử khoảng 90.000 tấn/năm), có tác động lớn đối với môi trường và sức khỏe con người, cả trong ngắn hạn và dài hạn. Nhiều loại trong số này là chất thải nguy hại, nhưng vẫn bị vứt bỏ tùy tiện cùng với chất thải rắn sinh hoạt, trong khi giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thấp. Việc đánh thuế

các sản phẩm này là cần thiết để điều chỉnh giảm mức tiêu dùng, đồng thời tạo nguồn kinh phí cho hệ thống thu gom và xử lý theo cách thức riêng với chi phí cao.

Về khung mức thuế thấp của sản phẩm than so với xăng dầu: So sánh tương quan giữa tác động môi trường của xăng dầu và than đá với khung mức thuế BVMT đối với các nhiên liệu này, có thể thấy sự chênh lệch lớn, không hợp lý. Đây có thể là nguyên nhân khiến cho đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nặng sử dụng nhiều than đá, có nguy cơ gây ô nhiễm cao như nhiệt điện than, công nghiệp luyện thép, xi măng, hóa chất... tăng cao trong thời gian qua. Hơn nữa, do xăng dầu và than là sản phẩm thay thế nhau, điều này có thể gây tác động thay thế theo hướng không mong muốn là chuyển sang sử dụng than thay thế cho xăng dầu.

Khung mức thuế xăng hiện cao gấp 80 - 100 lần, dầu diesel cao gấp 40 - 50 lần

mức khung thuế đối với than đá. Theo Dự thảo Luật năm 2017, khoảng chênh lệch này sẽ tiếp tục gia tăng. Trong khi đó, than đá gây ô nhiễm và mức độ tác động đến môi trường cao hơn nhiều so với xăng dầu. Xét về bản chất thành phần hóa học, theo tiêu chuẩn của Petrolimex (TCCS01:2015/PLX và TCCS 03:2015/PLX) và tiêu chuẩn quốc gia (TCVN8910:2015), hàm lượng lưu huỳnh trong than cao hơn từ 35 - 257 lần trong xăng dầu, hàm lượng tro trong than cao hơn 300-4.500 lần trong xăng dầu. Còn theo Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ (USEIA), để cùng tạo ra một đơn vị năng lượng như nhau, lượng phát thải các chất ô nhiễm không khí chủ yếu từ đốt than cao hơn so với đốt dầu: SO₂ gấp 2,3 lần; bụi gấp 32,7 lần; CO₂ gấp 6,3 lần và thủy ngân cao gấp 2,3 lần (mức phát thải trung bình, có thể thay đổi cao hay thấp hơn tùy theo loại than, loại xăng dầu cũng như công nghệ đốt,



điều kiện vận hành, tuổi thọ thiết bị...). Theo thống kê của Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA), tổng phát thải CO₂ gây hiệu ứng nhà kính do tất cả các hoạt động đốt nhiên liệu của Việt Nam năm 2014 là 143,3 triệu tấn, trong đó đốt than đá đóng góp 55%, đốt xăng dầu chiếm 30% và khí đốt chiếm 15%. Như vậy, than đá chính là nguồn phát thải gây ô nhiễm không khí lớn nhất, có tính chi phối tại Việt Nam. Chưa kể xỉ tro từ đốt than cũng là nguồn gây ô nhiễm môi trường và chiếm giữ không ít diện tích đất.

Mặc dù than đá khai thác trong nước đã là đối tượng của thuế tài nguyên và các loại phí như phí BVMT đối với nước thải, phí khai thác khoáng sản... nhưng đó mới chỉ là trong khâu khai thác. Vì vậy, cần xem xét tăng mức thuế/khung thuế BVMT đối với sử dụng than, bao gồm cả than khai thác trong nước và nhập khẩu.

Về khung mức thuế cao, tổng thu thuế lớn đối với xăng dầu: Mức thuế hiện hành đối với xăng là 3.000 đồng/lít. Nếu quy đổi riêng với phát thải CO₂ từ đốt xăng là 2,341 kg/lít thì mức thuế tương đương 1.281.500 đồng/tấn CO₂ hay 56,45 USD/tấn CO₂. Nếu thực hiện theo đề xuất của Dự thảo Luật sửa đổi, mức thuế sẽ khoảng 56 - 150 USD/tấn, cao hơn so với mức cao nhất được áp dụng ở Thụy Điển là 130 USD/tấn CO₂, cao hơn nhiều so với mức trung bình khoảng 10 USD/tấn mà nhiều nước đang áp dụng.

Lập luận của Bộ Tài chính cho rằng, tỷ lệ thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, BVMT, giá trị gia tăng) trên giá cơ sở của Việt Nam đang ở mức thấp (37,49% đối với xăng; 20,76% đối với dầu diesel; 11,59% đối với dầu hỏa; 19,13% đối với dầu mazút); giá xăng cũng thấp so với nhiều nước như Hàn Quốc, Campuchia, Lào, Philipin, Hồng Kông hay Thái Lan nên cần tăng thuế đường như chưa đủ sức thuyết phục. Trong khi đó, cũng có những nước như Malaixia, Ấn Độ hay Mỹ, Ôxtrâyliia đang có mức giá xăng không cao như Việt Nam.

Nếu cộng cả thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, và thuế VAT thì mức đóng góp của ngành xăng dầu là khoảng 9,8% tổng thu ngân sách. Nếu mức thuế BVMT mới kịch khung được áp dụng và loại bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình, đóng góp của xăng dầu sẽ tăng đến khoảng 14 - 15% tổng thu ngân sách. Nếu tăng thuế BVMT để bù đắp cho giảm thuế nhập khẩu thì cũng cần cân nhắc rằng: mức thuế

BVMT 3.000 đồng/lít xăng đã cao hơn tỷ lệ thuế nhập khẩu xăng khi ở mức cao nhất là 35% giá cơ sở (hiện đã giảm xuống còn khoảng 12%). Việc “bù quá mức” như vậy có cần thiết không nếu xem xét những tác động tới môi trường - kinh tế - xã hội.

Nhìn từ góc độ khác, có thể thấy sự chưa hợp lý khi xăng dầu đang đóng vai trò “trụ cột” về nguồn thu thuế BVMT trong thời gian qua và dự kiến trong những năm tới. Năm 2016, thuế BVMT từ xăng dầu đã lên tới 41.062 tỷ đồng, chiếm hơn 93% tổng thu thuế BVMT, trong đó số thu từ xăng chiếm đa số với hơn 21.200 tỷ đồng. Theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường, trách nhiệm tài chính đối với môi trường phải do nhiều lĩnh vực khác cùng chia sẻ, không thể “bắt” xăng dầu chịu trách nhiệm gần như toàn bộ; tư duy theo kiểu “chọn lĩnh vực dễ tính thuế, dễ thu thuế” để đề xuất tăng thuế BVMT cũng cần thay đổi.

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC TĂNG THUẾ BVMT VỚI XĂNG DẦU

Nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước đã chỉ ra tác động tiêu cực của tăng giá xăng dầu tới các ngành như nông nghiệp, thủy sản, giao thông; doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), nhóm dân cư có thu nhập trung bình và thấp cũng là những đối tượng bị ảnh hưởng tiêu cực nhiều nhất từ tăng giá xăng dầu.

Việc tăng khung mức thuế xăng dầu lên gấp đôi hiện nay, như đề xuất trong Dự thảo Luật Thuế BVMT (sửa đổi), trước mắt có thể đúng như Bộ Tài chính lập

luận là chưa thể tác động đến giá xăng dầu và các doanh nghiệp, nhưng rõ ràng, khi đưa vào Luật và được thông qua, khung mức thuế này sẽ là cơ sở pháp lý để tăng thuế trong thời gian tới. Thuế tăng sẽ dẫn đến tăng giá xăng dầu. Bởi lẽ, xăng dầu hiện vẫn là đầu vào thiết yếu cho nhiều ngành kinh tế cũng như hoạt động dân sinh (cầu không co giãn theo giá), nên lượng tiêu thụ sẽ không giảm đáng kể, vì thế mức tác động xấu đến môi trường cũng không giảm. Nhưng giá xăng tăng sẽ kéo theo tăng chi phí sản xuất, vận chuyển, lưu thông phân phối... Mặt bằng giá cả tăng lên dẫn đến lạm phát, làm giảm sức tiêu thụ hàng nội địa, giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, gia tăng bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư.

Để nhận được sự ủng hộ của người dân và doanh nghiệp bảo đảm tính khả thi của Luật, cần đánh giá tác động (môi trường - kinh tế - xã hội) một cách cẩn trọng hơn đối với các đề xuất trong Dự thảo Luật sửa đổi, đặc biệt là việc điều chỉnh khung mức thuế gấp đôi đối với nhóm hàng hóa xăng, dầu, mỡ nhờn, dự báo trước các tác động và biện pháp phòng tránh tác động tiêu cực, không cần đợi đến khi ban hành mức thuế cụ thể mới đánh giá.

SỬ DỤNG SỐ THU THUẾ BVMT

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, số thu thuế BVMT liên tục tăng ổn định qua các năm. Năm 2016, sau khi điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng dầu từ 1.000 đồng/lít lên 3.000 đồng/lít, tổng



thu thuế BVMT đã đạt 42.393 tỷ đồng, chiếm 4,08% tổng thu ngân sách. Dù vậy, chi cho BVMT vẫn thấp hơn số thu - dù đạt mức quy định không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần theo tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, tổng chi sự nghiệp môi trường năm 2015 là 11.400 tỷ đồng (chưa bằng một nửa số thu 27.020 tỷ đồng); năm 2016 chỉ 12.290 tỷ đồng (chỉ hơn 1/4 số thu được). Giai đoạn 2011-2015, chi cho sự nghiệp môi trường đạt 47.452 tỷ đồng, chỉ cao hơn chút ít so với số thu thuế BVMT của cả năm 2016. Trong số đó, còn có chi cho các hoạt động kinh tế của ngân sách Trung ương như các dự án điều tra, đánh giá về đất đai, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo... là những hoạt động của lĩnh vực tài nguyên và các hoạt động kinh tế liên quan. Như vậy, thực tế số chi cho BVMT còn ít hơn nhiều.

Luật Thuế BVMT năm 2010 và Dự thảo Luật Thuế BVMT (sửa đổi) năm 2017 chỉ quy định việc thu thuế mà không có điều khoản nào quy định việc quản lý và sử dụng thuế BVMT. Có thể thấy đây là một thiếu sót lớn, làm ảnh hưởng đến niềm tin của người dân và doanh nghiệp về sự minh bạch trong thu - chi thuế BVMT thời gian qua. Mặc dù, theo xu hướng cơ cấu lại nguồn thu thì có thể tăng thuế BVMT để bù cho giảm thuế nhập khẩu, nhưng Dự thảo Luật vẫn cần bổ sung các điều khoản quy định về quản lý và sử dụng số thu, bảo đảm chi đủ cho các mục tiêu môi trường, khuyến khích nghiên cứu, phát triển

và ứng dụng năng lượng tiết kiệm, công nghệ giảm khí thải các bon; chuyển sang các dạng năng lượng thân thiện với môi trường, đồng thời quy định minh bạch nguồn thu - chi từ thuế BVMT để người dân và các doanh nghiệp dễ dàng theo dõi.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ KHÁC

Thứ nhất, xem xét các dạng sản phẩm ni lông khác không có dạng túi nhưng cũng gây tác động môi trường như ni lông dạng túi; Quy định thuế ở mức tương đương 10 - 12 Euro/kg hoặc theo túi, mức 0,7 - 1 Euro/túi như nhiều quốc gia châu Âu thực hiện.

Thứ hai, nghiên cứu phương án tính thuế theo mức tác động đến môi trường của 1 đơn vị sản phẩm theo các chất gây ô nhiễm như SO₂, CO₂, thủy ngân, phốt phat. Ví dụ, nếu tính thuế CO₂ ở mức khoảng 10 - 16 USD/tấn, nguồn thu thuế BVMT từ than đá có thể tăng lên tới 45.000 tỷ đồng, xăng dầu khoảng 10.000 tỷ đồng, tổng

số tăng hơn 13.000 tỷ đồng so với hiện tại.

Thứ ba, đề xuất nghiên cứu và xây dựng các Dự án Luật Thuế khác ngoài Thuế BVMT nhằm bù đắp cho thuế nhập khẩu; ví dụ: Thuế Tiêu thụ đặc biệt sửa đổi, Thuế Tài sản... đã được nhiều nước áp dụng, tạo ra nguồn thu lớn nhưng hiện chưa có một Dự thảo luật hay một đề xuất nào từ Bộ Tài chính được đưa vào chương trình xây dựng luật trong 1 - 2 năm tới.

Thứ tư, sửa đổi Luật Thuế BVMT sẽ ảnh hưởng trực tiếp, sâu rộng và lâu dài đến người dân, doanh nghiệp, đến các mục tiêu môi trường - kinh tế - xã hội của quốc gia. Vì vậy, không nên "chạy đua" về thời gian mà cần tiếp tục xem xét, đánh giá toàn diện và thấu đáo trước khi ban hành. Bộ TN&MT cần tổ chức lấy ý kiến của các nhà khoa học để đóng góp vào việc xác định và mở rộng đối tượng chịu thuế; làm rõ cơ sở khoa học cũng như thực tiễn của khung mức thuế và các đề xuất khác trong Dự thảo Luật Thuế BVMT (sửa đổi)■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyen Van Chan & Ian Coxhead (2011), Vietnam's Environment Protection Tax: Possible Impacts And Incidence, Journal of Economics and Development Vol.13, April 2011, pp. 5 - 18
- Lê Thu Hoa, Phân tích tác động của thuế môi trường đến phía cung của nền kinh tế, Báo cáo Hội nghị Môi trường toàn quốc 1998, NXB Khoa học và Kỹ thuật, trang 1301- 1307
- Nguyễn Đăng Anh Thi, Thuế BVMT: Có thực vì môi trường? <http://cuoituan.tuoitre.vn/tin/van-de-su-kien/tieu-diem/20170506>
- Institute for European Environmental Policy, Environmental Tax Reform In Europe: Opportunities For The Future, Report 7/ 2014
- Pia Nyman, Environmental Taxes: The Case Of Sweden, Report 2012
- Sustainable Prosperity, University of Ottawa, Environmental Taxes in Canada, Report 5/ 2015
- Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nghiên cứu Xác định hệ số phát thải một số chất ô nhiễm không khí của Nhà máy Nhiệt điện đốt than Quảng Ninh, Tạp chí Khoa học & Công nghệ số 86 (10), pp 175-178
- Yusuf, A.A. 2008, The Distributional Impact of Environmental Policy: The Case of Carbon Tax And Energy Pricing Reform In Indonesia, Singapore: Environment and Economy Program for Southeast Asia, Research report No. 2008-RR1



GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG (SỬA ĐỔI):

Cần xem xét vấn đề phục hồi và cải thiện đa dạng sinh học khi chuyển mục đích sử dụng rừng

TS. LÊ HOÀNG LAN

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Việt Nam được ghi nhận là một trong những nước có đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của thế giới với nhiều kiểu hệ sinh thái (HST) tự nhiên, các loài sinh vật, nguồn gen phong phú và đặc hữu. ĐDSH ở Việt Nam mang lại những lợi ích trực tiếp cho con người và đóng góp to lớn cho nền kinh tế, đặc biệt trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; là cơ sở đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, duy trì nguồn gen tạo giống vật nuôi, cây trồng... nhất là tạo nên các cảnh quan thiên nhiên đẹp cho ngành du lịch phát triển. Tuy nhiên, Việt Nam đang phải đối mặt tình trạng suy thoái về môi trường, suy giảm HST ảnh hưởng sức thu hút của ngành du lịch. Thực tế hiện nay có nhiều hoạt động phát triển tiềm ẩn nguy cơ làm ô nhiễm, suy thoái môi trường, phá hủy HST tự nhiên và tổn hại nghiêm trọng đến ĐDSH. Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được sử dụng phổ biến như một công cụ hữu hiệu nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động bất lợi này ngay từ giai đoạn đề xuất và thiết kế dự án phát triển. Nội dung giảm thiểu đề xuất trong ĐTM là các biện pháp vừa nhằm đạt được các mục tiêu dự án, vừa đảm bảo phòng tránh hoặc giảm nhẹ các tác động tiêu cực đến mức chấp nhận được, tăng cường những lợi ích về môi trường. Mục đích của giảm thiểu trong đánh giá tác động đến ĐDSH là xác định các biện pháp, phương án bảo vệ ĐDSH và các dịch vụ HST kèm theo, trong đó phòng tránh được ưu tiên và bồi thường (bằng tiền) được sử dụng như một biện pháp cuối cùng.

Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, bao gồm rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, cho các hoạt động phát triển trong nhiều trường hợp là bất khả kháng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án triển khai tại vị trí đất rừng được chuyển đổi phải thực hiện quy định về ĐTM, trong đó có nội dung đề xuất các biện pháp giảm thiểu, trước



▲ Chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng phải nộp tiền vào Quỹ BV&PTR để thực hiện hoàn trả và bồi hoàn ĐDSH

tiên là tránh các tác động đến ĐDSH bằng cách lựa chọn và điều chỉnh thiết kế và tăng cơ hội bảo tồn ĐDSH khi có thể. Nếu không thể tránh được tác động thì cần xác định phương án khả thi tốt nhất để giảm thiểu thiệt hại về ĐDSH, hồi phục và cải thiện ĐDSH tại các vị trí bị ảnh hưởng.

Tuân thủ quy định của Luật BVMT năm 2014 về việc thực hiện ĐTM đối với các dự án phát triển, Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR) năm 2004 đã có quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích không phải lâm nghiệp như sau: “Cơ quan cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải đảm bảo việc đầu tư trồng rừng mới thay thế diện tích rừng sẽ chuyển sang mục đích sử dụng khác” (Khoản 5, Điều 29). Đây là quy định về việc

phải áp dụng biện pháp giảm thiểu tác động đến ĐDSH thông qua hoàn trả diện tích đất có rừng bị chuyển đổi, tuy nhiên chỉ mới chú ý đến số lượng (diện tích rừng) mà chưa chú ý đến chất lượng, tức là giá trị ĐDSH của rừng bị mất, do đó không đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ nguyên tắc bảo tồn ĐDSH, đặc biệt là không đảm bảo nguyên tắc “không mất giá trị thực” về thành phần loài, cấu trúc sinh cảnh, chức năng HST và giá trị sử dụng, giá trị văn hóa liên quan đến ĐDSH.

Trên thế giới bồi hoàn ĐDSH đã được áp dụng ở nhiều nước nhằm đền bù cho các tác động tiêu cực đến ĐDSH sau khi đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu phù hợp. Bồi hoàn ĐDSH là một hình thức đặc biệt của đền bù mất mát của HST, loài và môi trường sống ở một vị trí bằng cách gia tăng ĐDSH ở vị trí khác có đặc tính



sinh thái tương tự, đem lại cơ hội đạt được các kết quả bảo tồn tốt hơn và không gây tổn thất tới giá trị thực của ĐDSH.

Luật BVMT năm 2014, Điều 35 đã quy định bồi hoàn ĐDSH là một trong các biện pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường khi khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và ĐDSH. Theo dự kiến, bồi hoàn ĐDSH sẽ được quy định cụ thể hơn khi sửa đổi Luật ĐDSH năm 2008.

Vì vậy, Luật BV&PTR (sửa đổi) cần cân nhắc bổ sung và điều chỉnh một số điều liên quan để phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2014, đồng thời đáp ứng thực tế BV&PTR hiện nay ở Việt Nam.

Một số đề xuất bổ sung và điều chỉnh trong Luật BV&PTR (sửa đổi)

Bổ sung giải thích khái niệm về bồi hoàn ĐDSH. Có thể cân nhắc định nghĩa sau đây: Bồi hoàn ĐDSH là biện pháp được thiết kế để đền bù cho các tác động tiêu cực đến ĐDSH do thực hiện các dự án phát triển sau khi đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu phù hợp, nhằm mục đích đạt được các kết quả bảo tồn tốt hơn và không gây tổn thất tới giá trị thực của ĐDSH.

Chỉnh sửa, bổ sung quy định về điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong đó điều kiện “Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt” chỉnh sửa thành “Có phương án hoàn trả và bồi hoàn ĐDSH rừng theo quy định của pháp luật về BVMT trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và pháp luật về ĐDSH liên quan”.

Bổ sung điều khoản về “Hoàn trả và bồi hoàn ĐDSH khi chuyển mục đích sử dụng rừng” với quy định các tổ chức, cá nhân, chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng phải nộp tiền vào Quỹ BV&PTR cấp tỉnh tương đương để thực hiện hoàn trả và bồi hoàn ĐDSH. UBND cấp tỉnh quyết định phương án hoàn trả và bồi hoàn ĐDSH trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp tỉnh không bố trí thực hiện được phương án hoàn trả và bồi hoàn ĐDSH phù hợp trên địa bàn tỉnh thì phải chuyển tiền vào Quỹ BV&PTR quốc gia để tổ chức thực hiện ở địa phương khác■

BỘ Y TẾ HỖ TRỢ HƠN 200 BỆNH VIỆN XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ



▲ Các loại thùng được trang bị cho các bệnh viện để phân loại chất thải y tế

Trong 5 năm qua, hơn 200 bệnh viện trên cả nước đã được hỗ trợ xử lý chất thải y tế từ Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Bộ Y tế triển khai với vốn vay của Ngân hàng Thế giới (World Bank). Dự án có tổng kinh phí khoảng 155 triệu đô la, trong đó 150 triệu đô la là vốn vay ưu đãi và kinh phí còn lại là nguồn vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam. Mục tiêu của Dự án nhằm giảm tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải y tế phát sinh từ các bệnh viện tại Việt Nam, góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Dự án đã và đang nỗ lực tạo ra cơ chế chính sách đồng bộ và thuận lợi để giúp hoạt động quản lý chất thải y tế đạt hiệu quả cao, đồng thời tài trợ kinh phí cho các bệnh viện công (bệnh viện có mức xả thải cao và nằm trong danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng) cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về quản lý nước thải, chất thải rắn.

Để nâng cao năng lực cán bộ y tế, Dự án cũng đã

phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức các lớp tập huấn cho gần 7.000 cán bộ quản lý thuộc các lĩnh vực y tế, tài nguyên môi trường, công an, cùng các cán bộ chuyên trách, nhân viên vận hành của các bệnh viện tại khắp 63 tỉnh/thành trên cả nước để cập nhật các kiến thức mới và có đủ năng lực xử lý chất thải y tế. Đồng thời, Dự án cũng đã hoàn thiện 7 bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật giúp cho đội ngũ cán bộ và nhân viên chuyên trách có thể tự quản lý và vận hành máy móc.

Bên cạnh đó, Ban Quản lý Dự án cũng đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của cộng đồng thông qua việc sản xuất video clip để chiếu tại sảnh/hành lang bệnh viện, thiết kế poster, tờ rơi, tờ hướng dẫn dán tại những vị trí đặt thùng rác; tổ chức các buổi hội thảo hướng dẫn cho đội ngũ y bác sĩ cùng bệnh nhân và người nhà biết cách phân loại chất thải... với mong muốn cộng đồng cùng chung tay xây dựng môi trường y tế xanh - sạch - đẹp■ **ANH TUẤN**



Tăng cường công tác ứng phó sự cố môi trường ở Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam có 3 trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất quốc gia khu vực miền Bắc, Trung và Nam. Tuy nhiên, do còn nhiều bất cập về năng lực và công tác tổ chức nên khi có sự cố môi trường (SCMT) xảy ra, các hoạt động ứng phó chưa kịp thời, ảnh hưởng đến môi trường. Để tìm hiểu về vấn đề này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Phạm Văn Sơn - Giám đốc Công ty Ứng phó SCMT (SOS Môi trường).



▲ Ông Phạm Văn Sơn -
Giám đốc Công ty SOS Môi trường

***Xin ông cho biết, thực trạng năng lực công tác ứng phó SCMT của Việt Nam hiện nay?**

Ông Phạm Văn Sơn: Theo số liệu tổng kết các SCMT trong 2 thập niên qua của các trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất quốc gia cho thấy, trung bình mỗi năm, có khoảng 70 SCMT được ứng phó, trong đó chỉ có 5% là sự cố tự nhiên, còn lại 95% sự cố xảy ra do lỗi của con người. Trong hầu hết các sự cố, các doanh nghiệp (DN) thường không cho các cơ quan quản lý biết vì sợ bị phạt nên khi sự cố xảy ra đã để lại hậu quả nghiêm trọng. Nhiều vụ việc có diễn biến phức tạp do cơ quan quản lý không nhận được thông báo khẩn cấp nên hoạt động ứng phó không thành công, làm ô nhiễm lan rộng, phát tán ra môi trường.

Thêm vào đó, các trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất quốc gia chủ yếu xử lý về các sự cố tràn dầu, còn các sự cố về hóa chất, Việt Nam chưa có lực lượng ứng phó. Riêng Bình chủng Hóa học thuộc Bộ Quốc phòng không tham gia ứng phó các sự cố hóa chất của DN, chỉ có sự cố cấp quốc gia thì lực lượng này mới tham gia ứng phó khi có chỉ đạo.

Ngoài ra, do khoảng cách giữa các trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất quốc

gia rất xa, cùng với những hạn chế về rào cản trong cách tổ chức, bất cập trong huy động nguồn lực nên không thể thực hiện hoạt động ứng phó sự cố nhanh chóng.

***Thời gian qua, tại một số địa phương đã xảy ra sự cố phát thải hóa chất độc hại ra môi trường, gây ô nhiễm nghiêm trọng, theo ông, đâu là nguyên nhân của thực trạng trên?**

Ông Phạm Văn Sơn: Nguyên nhân đầu tiên là do công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất, nhất là công tác đào tạo, huấn luyện, diễn tập ứng phó của nhiều địa phương và DN còn mang nặng tính hình thức. Do đó, khi xảy ra sự cố thực tế, chính quyền địa phương còn lúng túng trong công tác chỉ đạo hoạt động ứng phó sự cố. Nhiều DN khi bị sự cố hoàn toàn không thể ứng phó do chưa có trang thiết bị vật tư chuyên dụng, đồng thời, cũng không thể huy động được nguồn lực hỗ trợ từ các DN lân cận.

Mặt khác, các DN thiếu cán bộ chuyên trách về an toàn môi trường để xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất, cũng như xác định chủng loại trang thiết bị vật tư chuyên dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của DN. Nhiều DN đầu tư rất tốn kém cho các thiết bị nhưng

khi xảy ra sự cố lại không sử dụng được, hoặc sử dụng không hiệu quả.

Trong khi đó, các đơn vị tư vấn thiếu nhân lực có kinh nghiệm trong ứng phó SCMT, thậm chí không am hiểu kỹ thuật về trang thiết bị ứng phó nên sản phẩm tư vấn thường mang tính lý thuyết, không áp dụng được trong thực tế.

Ngoài ra, tại các cơ quan quản lý địa phương, nhiều cán bộ không đủ năng lực để thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố, đánh giá năng lực phòng ngừa, diễn biến sự cố, chỉ huy hoạt động ứng phó theo phân cấp khi sự cố vượt ra ngoài tầm kiểm soát của DN. Hơn nữa, còn thiếu các trạm ứng phó chuyên nghiệp ở các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố.

***Thời gian qua, Công ty SOS Môi trường đã triển khai các hoạt động gì để hỗ trợ các DN ứng phó SCMT?**

Ông Phạm Văn Sơn: Với hơn 10 năm hoạt động và phát triển, Công ty SOS Môi trường đã thiết lập một mạng lưới các trạm ứng phó SCMT do tràn dầu - hóa chất tại nhiều điểm có nguy cơ cao xảy ra sự cố. Trên cơ sở áp dụng sáng tạo phương châm 4 tại chỗ “an toàn, nhanh, kịp thời, hiệu quả” của Thượng tướng, Viện sỹ Nguyễn Huy Hiệu, nguyên



▲ Cán bộ của Công ty SOS Môi trường xử lý sự cố tràn dầu

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, nguyên Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn, Công ty SOS Môi trường đã xây dựng và hoàn thiện kế hoạch ứng phó sự cố, bố trí nguồn lực căn cứ vào đặc thù của từng khu vực. Hoạt động nghiên cứu sản xuất, cải tiến trang thiết bị chuyên dụng cho hoạt động ứng phó sự cố của Công ty được đặc biệt quan tâm, giúp cho việc ứng phó các sự cố với quy mô khác nhau tại nhiều địa phương trên cả nước với chi phí thấp nhất.

Tính đến tháng 9/2017, Công ty SOS Môi trường đã trực tiếp tham gia, chỉ huy hiện trường ứng phó 67 sự cố tràn dầu tại nhiều địa phương như: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bình Thuận, Đắk Lắk, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trung tâm Đào tạo nhân lực Ứng phó SCMT SOS (Công ty SOS Môi trường) luôn chú trọng việc trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành cho các học viên trong khóa huấn luyện. Trung tâm đã tổ chức 118 khóa đào tạo, huấn luyện kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu - hóa chất cho các địa phương và DN tại Việt Nam, trong đó: 10 khóa phối hợp với Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn và các trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu quốc gia; 9 khóa phối hợp với

Tổng cục Biển và hải đảo; 1 khóa diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh (phối hợp với UBND tỉnh Quảng Nam); 44 khóa diễn tập với Sở TN&MT các địa phương; 47 khóa cho các cơ sở, DN trên cả nước; 5 khóa với sinh viên Đại học TN&MT, khoa Môi trường, Sở NN&PTNT Bà Rịa - Vũng Tàu.

★ Ông có đề xuất gì đối với các cơ quan quản lý nhà nước để tăng cường công tác quản lý, an toàn môi trường hiện nay?

Ông Phạm Văn Sơn: Để tăng cường công tác quản lý, an toàn môi trường, trước hết, cần đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn trong ứng phó SCMT, trong đó đối tượng là các thành viên thuộc Hội đồng thẩm định kế hoạch phòng ngừa ứng phó SCMT; thành viên đoàn thanh, kiểm tra các DN; các cán bộ quản lý về an toàn môi trường tại các tập đoàn,

nhà máy, DN, khu công nghiệp, khu chế xuất có nguy cơ cao gây ra SCMT do dầu - hóa chất. Đồng thời, các đối tượng trên phải có chứng chỉ sau khi hoàn thành các khóa đào tạo, huấn luyện khắc khe để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng phòng ngừa, ứng phó SCMT.

Bên cạnh đó, cần phát triển các trạm (đơn vị) ứng phó SCMT khẩn cấp, thường trực 24/24h để sẵn sàng ứng phó. Theo quy định, tất cả các DN có nguy cơ gây ra SCMT phải đảm bảo đủ nhân lực có kỹ năng và trang thiết bị vật tư ứng phó sự cố tại chỗ. Trên thực tế, có rất ít DN tuân thủ nghiêm túc quy định này mà chỉ tập trung hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các DN không cần phải trở thành lực lượng ứng phó sự cố chuyên nghiệp mà chỉ là lực lượng kiêm nhiệm. Các DN sẽ trả phí định kỳ cho đơn vị ứng phó chuyên nghiệp để được đảm bảo dịch vụ ứng phó sự cố, với chi phí tiết kiệm hơn nhiều so với việc DN tự đầu tư nguồn lực.

Các đơn vị ứng phó sự cố chuyên nghiệp cần tiến hành kiểm tra kỹ thuật định kì về an toàn, phòng ngừa sự cố, kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến sự cố. Đây cũng là lực lượng chính giúp cơ quan quản lý nhà nước kịp thời nắm vững thông tin chính xác về công tác phòng ngừa và ứng phó SCMT tại các khu công nghiệp, quận/huyện, tỉnh/thành phố thông qua các báo cáo được thực hiện một cách chuyên nghiệp, độc lập và định kì theo yêu cầu.

★ Xin cảm ơn ông!

CHÂU LOAN (Thực hiện)



Lựa chọn công nghệ và giải pháp thiết kế các công trình xử lý nước thải bệnh viện

PGS.TS TRẦN ĐỨC HẠ

Viện Nghiên cứu Cấp thoát nước và Môi trường

Xử lý nước thải (XLNT) bệnh viện là một trong những khâu quan trọng trong chuỗi những giải pháp BVMT nhằm giảm các tác động xấu của nước thải y tế đối với môi trường và cuộc sống con người. Việc xây dựng một hệ thống xử lý nước thải bệnh viện hợp lý, tiết kiệm diện tích, chi phí, đảm bảo chất lượng đầu ra chính là một vấn đề hết sức quan trọng. Để nắm rõ hơn về quy trình xử lý nước thải bệnh viện và các hệ thống xử lý nước thải bệnh viện, xin được nêu một số công nghệ đang được áp dụng trong các cơ sở y tế hiện nay.

1. THÀNH PHẦN VÀ NGUỒN GỐC PHÁT SINH NƯỚC THẢI BỆNH VIỆN

Do đặc thù khám và chữa bệnh, nước thải y tế bao gồm nước thải từ phẫu thuật, điều trị, khám, chữa bệnh, xét nghiệm, giặt giũ, vệ sinh của người bệnh, nhân viên y tế... bị ô nhiễm về mặt hữu cơ và vi sinh vật... tạo nên nguy cơ ô nhiễm môi trường. Nồng độ các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế ở Việt Nam được nêu trong Bảng 1.

Nghiên cứu cho thấy, nước thải bệnh viện có các chỉ số đặc trưng BOD là 180-280mg/l, COD là 250-500mg/l, hàm lượng chất rắn lơ lửng SS là 150-300mg/l, H_2S là 6-8mg/l, T-N là 50-90mg/l, T-P là 3-12 mg/l, Coliforms là 106-109 MPN/100ml. Trong dòng chất thải lỏng các khoa, phòng xét nghiệm, chế biến thuốc và dược phẩm, các khoa ung bướu... chứa các độc tố sinh thái với mức độ cao.

Các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải bệnh viện được chia thành 3 nhóm theo thành phần và nguồn gốc hình thành:

- **Nhóm 1:** Các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ và các chất dinh dưỡng. Nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế có một số thành phần giống như nước thải sinh hoạt, chứa lượng lớn chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ đặc trưng bằng chỉ tiêu BOD₅, các chất dinh dưỡng nitơ và phot pho.

- **Nhóm 2:** Các chỉ tiêu vi sinh vật. Nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế chứa vi khuẩn gây bệnh, đặc biệt là nước thải từ những bệnh viện chuyên khoa các bệnh truyền nhiễm và bệnh lao, cũng như những khoa lây và các phòng xét nghiệm của các bệnh viện đa khoa.

- **Nhóm 3:** Các chất ô nhiễm đặc biệt. Từ quá trình in tráng phim chụp X quang hình thành nên các hóa chất độc hại dạng lỏng có thể dẫn vào hệ thống thoát nước bệnh viện và các cơ sở y

Bảng 1. Thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải bệnh viện

CHỈ TIÊU	NỒNG ĐỘ	
	KHOẢNG	GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH
BOD ₅ (mg/l)	120-250	150
COD (mg/l)	150-350	250
TSS (mg/l)	100-200	100
H ₂ S (mg/l)	4-25	6
NH ₄ ⁺ (mg N/l)	35-65	50
NO ₃ ⁻ (mg N/l)	2-10	5
Phot phat(mg P/l)	<30	10
Coliform (MPN/100 ml)	a.10 ⁴ - b.10 ⁶	c.10 ⁵
pH	6-9	6,5-8,5

▲ 1. Ngô Kim Chi. *Nghiên cứu khảo sát hiện trạng nước thải bệnh viện, công nghệ và đề xuất cải thiện*. Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hà Nội, 2010.

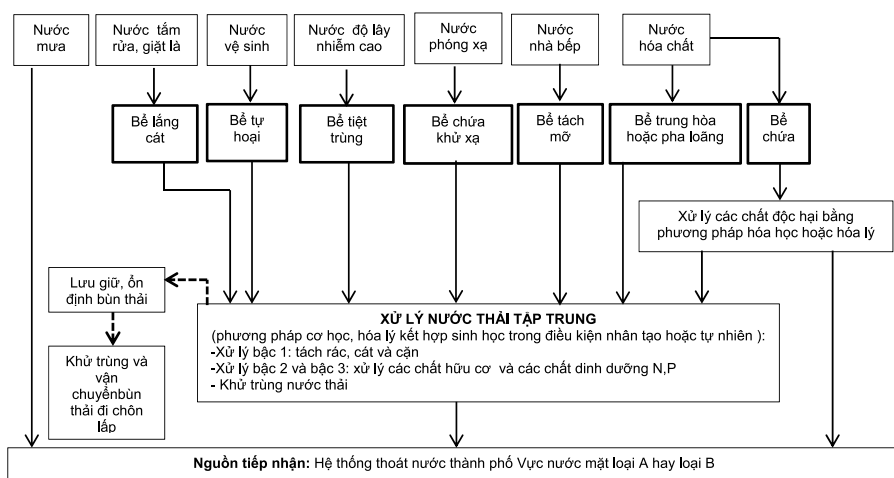
▲ 2. Trần Đức Hạ. *Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học Bộ Xây dựng "Xây dựng TCVN: Trạm xử lý nước thải bệnh viện - Các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế và quản lý vận hành"*, Hà Nội, 2008.

▲ 3. Nguyễn Xuân Nguyên, Phạm Hồng Hải. *Công nghệ xử lý nước thải bệnh viện*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2004.

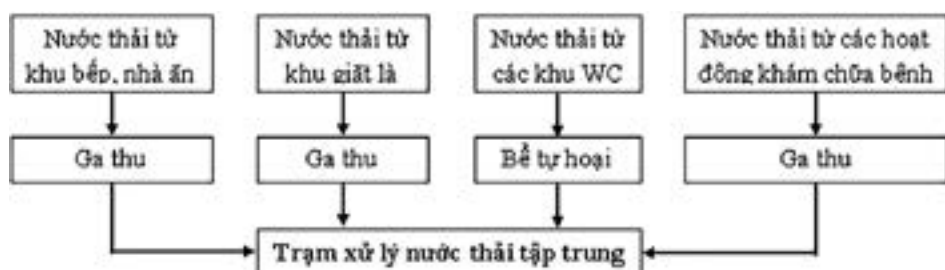
tế. Các chất thải phóng xạ lỏng phát sinh từ các hoạt động chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu và sản xuất... Các chất kháng sinh như Amoxicillin, Ampicillin, Penicilin... có cấu trúc β -lactam trong nước thải khoa dược hoặc nước thải quá trình điều trị. Hiện nay, loại nước thải này rất khó xử lý bằng các phương pháp thông thường.

Nhìn chung, nước thải bệnh viện có thành phần và tính chất gần giống nước thải sinh hoạt đô thị. Với các thành phần ô nhiễm nêu trên, khi

xả ra môi trường bên ngoài, nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế làm thay đổi chế độ oxy, gây hiện tượng phú dưỡng các nguồn nước mặt. Các chất ô nhiễm trong nước thải không được xử lý không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến nước ao, hồ, sông mà còn ngấm xuống đất, tích lũy, tồn đọng lâu trong nguồn nước ngầm. Điểm khác với nước thải sinh hoạt khu dân cư là trong nước thải bệnh viện có chứa vi khuẩn gây bệnh, dễ lan truyền qua nguồn nước, các loại rau được tưới nước



▲ Hình 1. Sơ đồ tổ chức thoát nước và xử lý nước thải bệnh viện*



▲ Hình 2. Sơ đồ tổ chức xử lý nước thải bệnh viện*

thải có thể dẫn đến dịch bệnh cho người và động vật.

Do vậy, các loại nước thải bệnh viện nhất thiết phải được xử lý và khử trùng trước khi thải ra môi trường. Theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ TN&MT, các cơ sở y tế phải có hệ thống thu gom và XLNT đồng bộ. Trong các bệnh viện phải tổ chức hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn môi trường QCVN 28:2010/BTNMT. Sơ đồ tổ chức thoát nước và XLNT bệnh viện được tổng hợp theo Hình 1.

Tùy thuộc vào yêu cầu của môi trường tiếp nhận mà nước thải của cơ sở y tế được xử lý sơ bộ, xử lý bậc một, xử lý bậc hai và khử trùng. Trong sơ đồ nêu ở Hình 1, xử lý sơ bộ nhằm đảm bảo hệ thống XLNT hoạt động hiệu quả và khử khuẩn nước thải chứa mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao; xử lý bậc 1 để tách các chất rắn không hòa tan lớn như rác, cát, các chất lơ lửng...; xử lý bậc 2 để tách các chất hữu cơ và một phần chất dinh dưỡng chứa trong nước thải. Sau quá trình xử lý, nước thải phải khử trùng để tiêu diệt các loại vi khuẩn gây bệnh.

2. CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XLNT BỆNH VIỆN

Về nguyên tắc, nước thải bệnh viện phải được xử lý sinh học (tự nhiên hoặc nhân tạo) và khử trùng trước khi xả ra môi trường bên ngoài. Sơ đồ khối hệ thống XLNT bệnh viện hoặc các cơ sở y tế được nêu ở Hình 2.

Theo sơ đồ này, trong giai đoạn tiền xử lý, các loại nước thải vệ sinh (nước đen) các khoa (phòng) điều trị qua các bể tự hoại, nước thải y tế đặc biệt (khoa dược, X-quang...) được xử lý sơ bộ và nước thải tắm giặt (nước xám) được tách bọt và lắng cát. Sau đó, toàn bộ lượng nước thải này được đưa về các công trình xử lý tập trung chủ yếu bằng phương pháp sinh học và khử trùng. Các quá trình xử lý tập trung nước thải bệnh viện được nêu Hình 3.

Đây có thể là các công trình xử lý sinh học nhân tạo theo nguyên tắc hiếu khí (O), thiếu khí - hiếu khí (AO) hoặc yếm khí - thiếu khí - hiếu khí (AAO); hoặc các công trình xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên theo mô hình Dewats (hồ sinh học và bãi lọc ngầm trồng cây). Nước thải sau các quá trình này được xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ (BOD), các chất dinh dưỡng (nitơ, photpho)... đảm bảo các quy định của QCVN 28:2010/BTNMT. Nước thải tiếp tục được khử trùng bằng hóa chất như clo, ozon... hoặc bằng thiết bị UV.

Công nghệ XLNT bệnh viện được lựa chọn theo nguyên tắc công nghệ khả thi nhất (BAT), đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, điều kiện đất đai, kinh phí đầu tư và chi phí vận hành bảo trì. Các yếu tố để lựa chọn công nghệ XLNT bệnh viện gồm: Lưu lượng, chế độ thải nước và thành phần, tính chất nước thải bệnh viện; Các yêu cầu vệ sinh khi xả nước thải bệnh viện ra nguồn tiếp nhận theo quy định của Quy chuẩn môi trường; Diện tích đất được quy hoạch để xây dựng trạm XLNT bệnh viện và vị trí của nó đối với các khoa phòng trong bệnh viện cũng như khu dân cư phụ cận; Điều kiện vận hành và bảo dưỡng các công trình XLNT.

Giải pháp thiết kế các công trình XLNT bệnh viện phải theo các nguyên tắc:

Tiết kiệm diện tích đất xây dựng: Các công trình được thiết kế tổ hợp và hợp khối, hạn chế chiều cao, tuy nhiên đảm bảo điều kiện thi công để không ảnh hưởng đến móng và kết cấu các công trình bên cạnh. Công trình được xây dựng bằng bê tông cốt thép



toàn khối, lắp đặt sẵn bằng thép hoặc vật liệu composite chịu được tác động cơ học. Việc xây dựng hợp khối các công trình tạo điều kiện để vận hành, cũng như thu mùi để xử lý, bảo đảm cảnh quan trong khu vực bệnh viện và khu dân cư. Đối với công trình xây dựng bằng bê tông cốt thép, nhiệt độ nước thải ổn định, đảm bảo tốt cho quá trình xử lý sinh học diễn ra. Các công trình cũng được thiết kế đảm bảo chế độ tự chảy, hạn chế tối đa việc sử dụng máy bơm và các thiết bị cấp thoát nước khác.

Modun hóa các công trình xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải phải xử lý được lượng nước thải hiện có cũng như đảm bảo vận hành ổn định trong tương lai khi lưu lượng nước thải tăng. Vì vậy, các công trình XLNT chính (các công trình xử lý sinh học) được thiết kế thành các đơn nguyên. Tổ hợp các công trình thành dạng modun, phù hợp với việc phát triển công suất.

Hạn chế mùi nước thải: Mùi nước thải chủ yếu hình thành tại trạm bơm, ngăn xử lý thiếu khí, ngăn chứa bùn... Các công trình XLNT được đặt kín bằng nắp bê tông cốt thép hoặc nắp thép không gỉ. Tại các công trình tạo mùi hôi bố trí chụp hút và quạt hút đưa khí thải đi xử lý trước khi xả ra môi trường bên ngoài. Xung quanh trạm XLNT có trồng cây để tạo cảnh quan cũng như hạn chế mùi.

3. CÁC SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ PHÙ HỢP ĐỂ XLNT BỆNH VIỆN

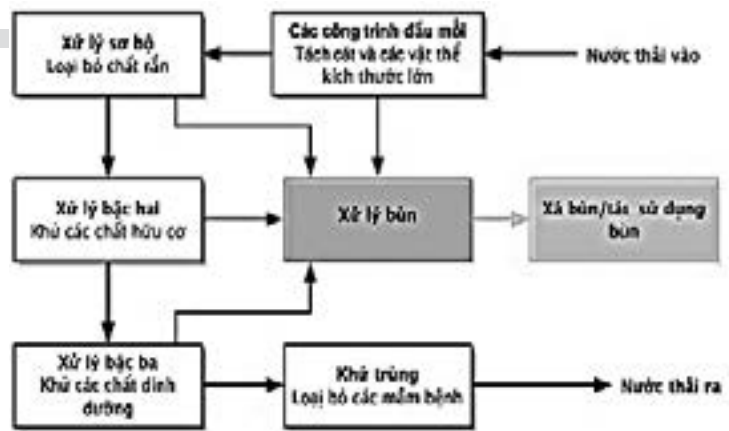
Hiện nay, tại các bệnh viện và cơ sở y tế nước ta áp dụng phổ biến các công nghệ và công trình XLNT như sau:

Các công trình lọc sinh học nhỏ giọt

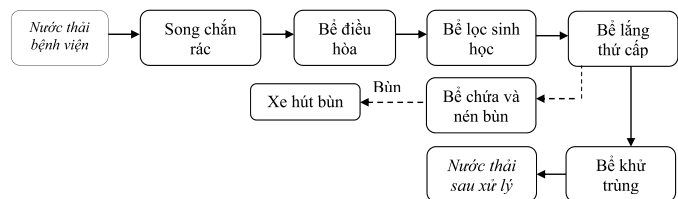
Bể lọc sinh học dùng để XLNT bằng phương pháp sinh học hiếu khí mức độ hoàn toàn hoặc không hoàn toàn. Bể hoạt động theo nguyên tắc vi sinh vật dính bám trên vật rắn và hình thành màng sinh học (biofilm). Bể được cấp gió tự nhiên hoặc cấp gió nhân tạo. Đối với bể lọc sinh học nhỏ giọt, BOD_5 của nước thải đưa vào bể lọc sinh học không được lớn hơn $200mg/l$, tải trọng thủy lực q lấy $1 - 3 m^3/m^2$ vật liệu/ngày.

Đặc điểm dây chuyền công nghệ XLNT có bể lọc sinh học nhỏ giọt là không cần hồi lưu bùn từ bể lắng thứ cấp về bể lọc và có thể cấp khí tự nhiên nên không cần máy thổi khí. Tuy nhiên hiệu quả xử lý nitơ bằng màng sinh học còn hạn chế.

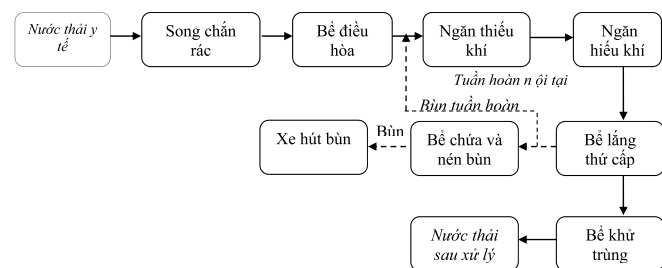
Các công trình bùn hoạt tính truyền thống hệ AO



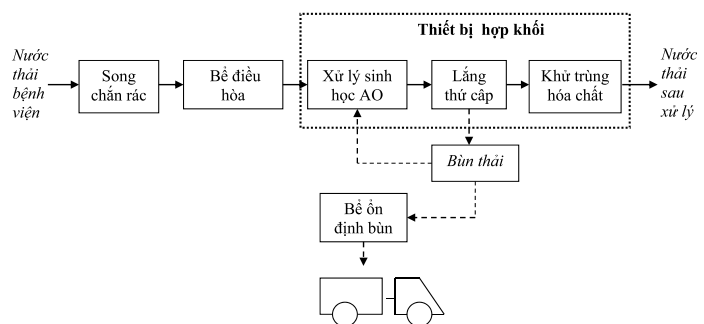
▲ Hình 3. Sơ đồ điển hình dây chuyền công nghệ XLNT tập trung của bệnh viện*



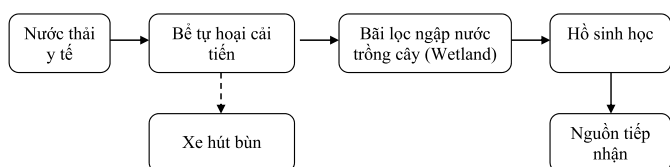
▲ Hình 4. Sơ đồ XLNT bệnh viện theo công nghệ lọc sinh học*



▲ Hình 5. Sơ đồ công nghệ bùn hoạt tính truyền thống hệ AO*



▲ Hình 6. Sơ đồ công nghệ XLNT theo nguyên tắc AO trong thiết bị hợp khối*



▲ Hình 7. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên theo hệ thống DEWATS*

* Nguồn: Trần Đức Hạ. Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học Bộ Xây dựng "Xây dựng TCVN: Trạm xử lý nước thải bệnh viện - Các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế và quản lý vận hành", Hà Nội, 2008.



Bảng 2. So sánh ưu nhược điểm các công nghệ và công trình XLNT bệnh viện

STT	TÊN CÔNG NGHỆ	ƯU ĐIỂM	NHUƯỢC ĐIỂM
1	Bể lọc sinh học nhỏ giọt	- Công nghệ đơn giản, ổn định, hiệu suất xử lý tương đối cao. - Quá trình này là cấp khí theo phương thức đối lưu khí tự nhiên nên chi phí năng lượng cho xử lý thấp. - Về mặt cấu tạo, lọc sinh học dạng tháp có bề mặt tiếp xúc pha lớn khi vật liệu lọc có bề mặt riêng và độ rỗng lớn đảm bảo hiệu suất xử lý chiếm diện tích mặt bằng nhỏ hơn so với bể aeroten. - Không gây ô nhiễm tiếng ồn. - Vận hành và bảo dưỡng đơn giản, chi phí xử lý thấp.	- Hiệu quả xử lý nitơ hạn chế, chỉ phù hợp với các đối tượng chất thải lỏng y tế có mức ô nhiễm hữu cơ không cao. - Quá trình xử lý đòi hỏi chất thải lỏng y tế tại đầu vào của bể lọc phải ổn định qua bể điều hòa. - Có thể gây mùi nếu vận hành không đúng và các công trình không kín.
2	Bể aeroten truyền thống hệ AO	- Hiệu quả xử lý hữu cơ (BOD, COD), chuyển hoá amoni thành nitrat và khử nitrat cao. - Kết cấu công trình đơn giản. - Diện tích xây dựng không lớn.	- Cung cấp không khí cưỡng bức nên tiêu hao điện năng và do đó chi phí xử lý cao. - Phải hồi lưu một phần bùn từ bể lắng về bể aeroten để duy trì nồng độ bùn hoạt tính trong bể nên dễ bị xảy ra hiện tượng bùn khó lắng, hiệu quả xử lý không ổn định; - Quá trình cấp khí có thể sinh ra tiếng ồn.
	Xử lý sinh học theo nguyên tắc AO trong các bể (thiết bị) chế tạo sẵn	- Kết cấu bền chắc, vật liệu FRP không bị ăn mòn; - Thời gian thi công lắp đặt ngắn. - Diện tích xây dựng nhỏ, phù hợp với cảnh quan và các điều kiện kiến trúc của bệnh viện. - Không gây mùi do lắp đặt chìm và kín. - Chi phí vận hành và bảo trì thấp. - Có thể di dời để lắp đặt nơi khác.	- Chi phí đầu tư ban đầu cao hơn so với các công nghệ khác.
3	Hệ thống xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên (Dewats).	- Hiệu quả xử lý nước thải trong bãi lọc ngập nước theo BOD có thể tới 90%, theo N có thể tới 60%, không cần khử trùng nước thải nếu thời gian lưu nước trong hệ thống trên 10 ngày. - Suất đầu tư xây dựng tương đối thấp. - Hạn chế tối đa việc sử dụng thiết bị tiêu thụ điện, chi phí vận hành cũng như bảo dưỡng nhỏ hơn nhiều so với các công nghệ khác.	- Yêu cầu diện tích đất lớn. - Quá trình XLNT khó kiểm soát và phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, thời tiết... - Nước thải có thể ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất và nước ngầm. - Phải thường xuyên thu hoạch sinh khối cây trồng.

Bùn hoạt tính tập hợp các loại vi sinh vật XLNT. Các loại vi khuẩn hiếu khí tích tụ trong các bông bùn (sinh trưởng lơ lửng) sẽ hấp thụ và sử dụng oxy được bão hòa trong nước để oxy hóa chất hữu cơ. Bể hoạt động theo nguyên tắc AO (thiếu khí - Anoxic và hiếu khí - Oxid). Vì vậy, ngoài việc xử lý hữu cơ, các quá trình xử lý sinh học tích hợp trong các bể này còn xử lý được nitơ thông qua quá trình nitrat hóa và khử nitơrat. Sơ đồ dây chuyền công nghệ XLNT bệnh viện bằng bùn hoạt tính truyền thống hệ AO được nêu ở Hình 5.

Các thông số công nghệ cơ bản của bể bùn hoạt tính (bể aeroten) là liều lượng bùn hoạt tính phù hợp với tải lượng hữu cơ tính theo BOD và lượng không khí cấp cho quá trình. Bùn hoạt tính từ bể lắng thứ cấp được

hồi lưu thường xuyên về đầu ngăn thiếu khí và hỗn hợp bùn nước từ ngăn hiếu khí về ngăn thiếu khí (tuần hoàn nội tại) của bể aeroten.

Các công trình xử lý nước thải hợp khối

Do nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế có hàm lượng chất hữu cơ cao, lượng nitơ amoni lớn, nhưng lưu lượng nước thải cần xử lý nhỏ nên hiện nay người ta thường tích hợp các quá trình XLNT trong các modul dạng bể bê tông xây tại chỗ hoặc chế tạo sẵn bằng các loại vật liệu composite

cốt sợi thủy tinh (FRP), thép không gỉ... Sơ đồ các quá trình XLNT tích hợp trong bể xử lý sinh học theo nguyên tắc AO được nêu ở Hình 6.

Nhằm tăng cường hiệu quả xử lý cũng như giảm kích thước công trình, các tiến bộ về công nghệ thường được áp dụng như dùng giá thể di động để vi sinh vật XLNT dính bám và sinh trưởng trên đó hoặc ứng dụng màng vi lọc (MF) hoặc siêu lọc (UF) trong bể phản ứng sinh học có màng (MBR) thay cho quá trình lắng thứ cấp và khử trùng.



Các loại công trình XLNT hợp khối hiện nay đang được ứng dụng để XLNT bệnh viện là các bể Johkasou của Nhật Bản, bể biofast... vật liệu composite chịu lực hoặc bể CN2000, V69... bằng thép.

Các công trình xử lý sinh học nước thải bệnh viện trong điều kiện tự nhiên (Dewat)

Phương pháp xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học trong điều kiện tự nhiên là một trong những phương pháp xử lý nước thải truyền thống cho hiệu quả tương đối cao với chi phí quản lý thấp. Công nghệ này sử dụng các quá trình xử lý lên men kỵ khí và hiếu khí trong điều kiện tự nhiên mà không có các quá trình cung cấp khí cưỡng bức. Khí được cấp cho các hệ vi sinh vật trong hệ thống xử lý thông qua quá trình làm thoáng tự nhiên trong các hồ sinh học cũng như các bãi lọc ngập nước có trồng cây.

Đặc biệt với công nghệ xử lý kỵ khí bằng bể tự hoại cải tiến có vách ngăn mỏng dòng hướng lên giúp nâng cao hiệu suất quá trình xử lý.

Bãi lọc ngập nước để xử lý nước thải gồm hai dạng: ngập nước bề mặt và ngập nước phía dưới (bãi lọc ngầm), thường áp dụng đối với vùng đất cát pha và sét nhẹ để xử lý sinh học hoàn toàn nước thải sau khi đã được lắng sơ bộ. Các bãi lọc ngập nước thường được trồng cây phía trên nên được gọi là bãi lọc trồng cây.

Nước thải bệnh viện xử lý theo công nghệ bùn hoạt tính hệ AO thường có chi phí vận hành bảo dưỡng (OPEX) từ 3.200 đ/m³ đến 3.600 đ/m³. Khi xử lý bằng bể lọc sinh học thì chi phí này nằm khoảng 2.000 đ/m³ đến 2.500 đ/m³ và

bãi lọc trồng cây kết hợp với hồ sinh học thì OPEX rất thấp, chỉ từ 1.200 đ/m³ đến 1.800 đ/m³.

Các công trình XLNT nêu trên có thể ứng dụng trong các điều kiện phù hợp. Các công trình hợp khối như bể Johkasou, tháp lọc sinh học nhỏ giọt... để ứng dụng cho các trạm XLNT bệnh viện khu vực đô thị khi yêu cầu nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu mức A của QCVN 28:2008. Ngược lại hệ thống XLNT theo nguyên tắc phân tán (Dewat) thường dùng để XLNT các cơ sở y tế quy mô nhỏ, ở vùng nông thôn.

4. KẾT LUẬN

Ngoài thành phần chính là chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng, các chất rắn lơ lửng... nước thải bệnh viện còn chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh nên các sơ đồ công nghệ chủ yếu hiện nay đều dựa trên nguyên tắc xử lý bằng phương pháp sinh học, nguyên tắc AO có kết hợp khử trùng. Nước thải từ các cơ sở điều trị đặc biệt hoặc giặt là... cần được xử lý sơ bộ trước khi đưa về xử lý tập trung. Sơ đồ công nghệ XLNT bệnh viện cần được lựa chọn theo nguyên tắc BAT trên cơ sở khối lượng, thành phần nước thải phát sinh, điều kiện mặt bằng xây dựng, phù hợp với khả năng tài chính của cơ sở y tế nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, nước thải xử lý đạt quy chuẩn môi trường. Các giải pháp thiết kế để triển khai dự án XLNT bệnh viện phải tính đến các yếu tố tiết kiệm diện tích đất xây dựng, modul hóa công trình và giảm thiểu ô nhiễm thứ cấp từ mùi hôi, bùn thải...■

CUỘC THI TÌM HIỂU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG Y TẾ



▲ Ban Tổ chức trao giải cho các đội thi

Ngày 31/8/2017, tại Hà Nội, đã diễn ra vòng Chung kết toàn quốc Cuộc thi "Tìm hiểu về quản lý chất thải, BVMT trong hoạt động y tế". Cuộc thi do Cục Quản lý môi trường y tế và Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện (Bộ Y tế) tổ chức nhằm góp phần tích cực vào việc giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường và nguy cơ tiềm ẩn đối với sức khỏe con người thông qua việc cải thiện và nâng cao năng lực quản lý chất thải y tế; đồng thời nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cán bộ y tế, các cấp lãnh đạo và cộng đồng về quản lý chất thải, BVMT trong hoạt động y tế.

Sau 2 tháng phát động, Cuộc thi đã nhận được 244 bài dự thi của các cán bộ đang công tác trong các cơ sở y tế, các đơn vị quản lý nhà nước; cùng với đội ngũ sinh viên, giảng viên các ngành Y, Dược, Tài nguyên và Môi trường. Sau vòng Sơ khảo, Ban Tổ chức đã chọn ra những cá nhân và tập thể xuất sắc nhất, để từ đó lập ra 12 đội thi đấu ở Vòng Chung khảo tại hai miền Bắc và Nam. Cuối cùng, Ban Tổ chức đã chọn được 4 đội tham gia Vòng chung kết toàn quốc gồm: Bệnh viện Phổi Trung ương; Trung tâm Y tế dự phòng Nghệ An; Bệnh viện Đa khoa Long An và Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn.

Tại vòng chung kết, các đội phải trải qua 3 phần thi: Chào hỏi; Cùng nhau tranh tài; Về đích. Sau màn chào hỏi và đưa ra thông điệp quản lý chất thải trong bệnh viện, các đội thi phải trả lời các câu hỏi về pháp luật, quy trình xử lý chất thải y tế. Đây được coi là một khóa tập huấn với cách truyền đạt kiến thức dễ hiểu và phong phú trong lĩnh vực quản lý chất thải y tế.

Sau 3 phần thi sôi nổi, đội thi đến từ Bệnh viện Phổi Trung ương đã xuất sắc giành chiến thắng với Giải Nhất toàn quốc; Giải Nhì thuộc về đội của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Bình Định; Hai Giải ba thuộc về Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Nghệ An và Bệnh viện Đa khoa Long An.



Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường - kinh nghiệm của Việt Nam

PGS.TS NGUYỄN THẾ CHINH

Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách TN&MT



▲ Khu liên hợp Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi là sự kết hợp đồng bộ, hài hòa, thân thiện với môi trường

Tăng trưởng kinh tế (TTKT) với bảo vệ và cải thiện môi trường (CTMT) có mối quan hệ ràng buộc, bổ sung cho nhau, để bảo vệ, CTMT đòi hỏi phải có sự TTKT, tạo cơ hội đầu tư nguồn lực cho BVMT; ngược lại, nếu bảo vệ và CTMT tốt, sẽ đảm bảo cho TTKT ổn định, bền vững. Quan điểm về sự gắn kết chặt chẽ giữa TTKT với bảo vệ và CTMT, gắn kết hai phạm trù cho mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đã được Đảng chỉ đạo ngay từ khi Việt Nam bắt đầu tiến hành thực hiện công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước.

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ TTKT VÀ BVMT

Phát triển bền vững là sự phát triển đồng bộ giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Để thực hiện cả 3 nội dung trên thì TTKT phải gắn với BVMT và giải quyết tốt vấn đề BVMT cũng là một phần để giải quyết vấn đề xã hội. Nhận thức này đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong các chủ trương và đường lối của Đảng trong những năm qua.

Từ nhận thức về tầm quan trọng của TTKT gắn với bảo vệ và CTMT, Đảng đã có những chủ trương cơ bản với các nội dung: Bảo vệ và CTMT phải được gắn kết, lồng ghép và thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) của quốc

gia, ngành và địa phương; Coi trọng phòng ngừa là chính, kết hợp với CTMT trong quá trình đổi mới, phát triển kinh tế đất nước, tôn trọng quy luật khách quan của tự nhiên; Chú trọng huy động các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ và CTMT, xem đầu tư cho BVMT là đầu tư cho phát triển bền vững; Đề cao vai trò trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và xã hội hóa đối với công tác BVMT; Giải quyết hài hòa giữa TTKT với bảo vệ và CTMT trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa (XHCN). Quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đòi hỏi phải tuân theo các quy luật của thị trường, đồng thời phải bảo đảm được tính công bằng xã hội - đặt phúc lợi của con người là trọng tâm và kết hợp chặt chẽ với bảo vệ bền vững môi trường. Điều này đã được khẳng định trong Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3/6/2017,

tại Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN”.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GẮN KẾT TTKT VỚI BẢO VỆ VÀ CTMT Ở VIỆT NAM

Để thực hiện những chủ trương gắn TTKT với bảo vệ và CTMT, Việt Nam đã và đang triển khai một số biện pháp:

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao hiệu suất và chất lượng TTKT cùng với cải thiện môi trường, chất lượng cuộc sống của người dân: Theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về kế hoạch phát triển KT - XH 5 năm (2016 - 2020), Việt Nam sẽ tập trung “đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh”, chú trọng hơn tới phát



triển chiều sâu bên cạnh phát triển chiều rộng, đặc biệt là đầu tư cho khoa học công nghệ. Trong nội dung bảo vệ và CTMT sẽ lấy chất lượng sống của người dân là trọng tâm. TTKT gắn với sử dụng năng lượng, nguyên liệu, vật liệu đầu vào, bằng những biện pháp khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, các vật liệu, nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường;

Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững: Từ năm 2004, Việt Nam đã xây dựng Chương trình Nghị sự cho phát triển bền vững thế kỷ 21, trong đó đề cao vai trò của bảo vệ và CTMT, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên cho TTKT. Tháng 12/2015, Việt Nam đã ký cam kết thực hiện “Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững” do Liên hợp quốc khởi xướng, đồng thời triển khai Chiến lược Tăng trưởng xanh. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng xanh, Đảng và Nhà nước đã yêu cầu các cấp, ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc việc gắn kết TTKT với bảo vệ, CTMT. Mặt khác, tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT.

Sử dụng các công cụ kinh tế thay thế dần các biện pháp mệnh lệnh kiểm soát để bảo vệ và CTMT: Thực hiện biện pháp trên phù hợp với thể chế kinh tế thị trường, vì công cụ kinh tế sẽ điều tiết hành vi của doanh nghiệp, người dân, đảm bảo nguyên tắc thị trường “người gây ra ô nhiễm phải chi trả cho việc làm gây ô nhiễm - nguyên tắc PPP” và “người được hưởng lợi từ môi trường phải chi trả cho sự hưởng lợi - nguyên tắc BPP”.

Thiệt hại và lợi ích môi trường phải được hạch toán đầy đủ trong chỉ tiêu TTKT: Đối với các thành phần môi trường phải được hạch toán giá trị, kể cả những chức năng của môi trường đóng góp cho TTKT. Đối với những thiệt hại do ô nhiễm và suy thoái môi trường cũng phải được lượng hóa bằng giá trị. Việc hạch toán giá trị của các thành phần và chức năng môi trường, cũng như những thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra được xem là cơ sở để xây dựng các tài khoản vệ tinh trong hệ thống tài khoản quốc gia SNA, chuyển dần cách tính toán và thống kê chỉ số GDP truyền thống sang GDP xanh dựa trên hệ thống tính toán và thống kê mới của tài khoản quốc gia, gắn kết giữa kinh tế với môi trường theo hệ thống hạch toán mới - SEEA, nội hóa yếu tố môi trường trong chỉ tiêu TTKT quốc gia hàng năm. Hiện nay, Việt Nam đang trong

quá trình nghiên cứu và tiếp cận theo SEEA, hướng đến các nguồn tài nguyên; thành phần môi trường phải đưa vào hệ thống tài khoản quốc gia để chỉ đạo và quản lý.

Tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, nhất là các nước đã phát triển về giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa TTKT gắn với bảo vệ và CTMT: Học hỏi kinh nghiệm quốc tế và đối chiếu với thực tiễn phát triển của Việt Nam để đưa ra những biện pháp thích hợp nhằm thực hiện TTKT gắn với bảo vệ, CTMT đã được tiến hành từ trước tới nay.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM ĐÚC KẾT TỪ THỰC TIỄN

Trong hơn 30 năm qua, kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng; vấn đề bảo vệ và CTMT ngày càng được quan tâm. Từ thực tiễn phát triển của Việt Nam trong thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong xử lý mối quan hệ TTKT gắn với bảo vệ và CTMT:

Tổng kết và đánh giá thực tiễn đầy đủ, sát thực các vấn đề TTKT, bảo vệ và CTMT, đây là cơ sở quan trọng nhất để phát hiện những vấn đề cần giải quyết, tìm ra nguyên nhân và những bất cập từ thực tiễn; nắm bắt xu thế chung của khu vực và thế giới: Phải xem xét bối cảnh khu vực và thế giới, đối chiếu với thực tiễn trong nước để có những bài học kinh nghiệm, từ đó đưa ra định hướng, cách tiếp cận phù hợp. Hiện Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều công ước, hiệp định, cam kết... liên quan đến bảo vệ, CTMT khu vực và toàn cầu;

Gắn TTKT với bảo vệ, CTMT luôn là vấn đề khó khăn, phức tạp: Mặc dù, Việt Nam đã chú trọng đến BVMT nhưng hiệu quả mang lại chưa đạt được như mong muốn. Ô nhiễm và suy thoái môi trường vẫn có chiều hướng gia tăng, diện tích rừng và đa dạng sinh học suy giảm, nhất là vốn rừng tự nhiên. Nguyên nhân cơ bản là do việc chú trọng nhiều đến TTKT, mà ít quan tâm đến BVMT. Vì thế, thời gian tới, cần phải giải quyết hài hòa giữa TTKT và BVMT để đảm bảo cuộc sống trong lành cho người dân;

Những thành công bước đầu chỉ có được nếu biết nhìn nhận đúng mối quan hệ TTKT gắn với bảo vệ và CTMT: Thực tế ở Việt Nam đã chứng minh, nếu vận dụng đúng nguyên lý thị trường trong thực hiện TTKT gắn với bảo vệ, CTMT thì hiệu quả mang lại rất lớn. Cụ thể, dựa vào nguyên tắc BPP trong thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, những năm qua, Việt Nam đã thu được hàng nghìn tỷ đồng để bảo vệ rừng...;

Cần phải giải quyết đồng bộ từ nhận thức, chủ trương và biện pháp thực hiện: Mặc dù, có quan điểm chỉ đạo, chủ trương, đề xuất nhiệm vụ cụ thể nhưng quá trình triển khai trong thực tiễn vẫn còn là khoảng cách để thực thi hiệu quả TTKT gắn với bảo vệ, CTMT đó là vấn đề nhận thức, luật hóa, phân cấp thực hiện, thanh tra, kiểm tra, giám sát... Đây là một chuỗi các công việc cần làm, mỗi khâu, công đoạn đòi hỏi phải có biện pháp thực thi hiệu quả và sát với thực tiễn;

Cần nêu cao hơn nữa vai trò của người dân, doanh nghiệp và các thành phần



kinh tế trong thực hiện: Thực tiễn triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho thấy, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp chưa phát huy hết nội lực, chưa tháo gỡ được những vướng mắc do thể chế kinh tế đòi hỏi. Vì vậy, cùng với hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, cần có những cơ chế, chính sách mạnh mẽ để phát huy vai trò của người dân và doanh nghiệp; đồng thời, để cao vai trò của mọi thành phần kinh tế, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong BVMT. Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện chủ trương phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 10-NQ/TW và Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước từ Hội nghị lần thứ V của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Qua đó, sẽ khuyến khích các thành phần kinh tế nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời có trách nhiệm trong BVMT;

Vừa làm vừa đúc kết kinh nghiệm và hoàn thiện dần: Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện TTKT gắn với bảo vệ, CTMT ở Việt Nam cũng vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đồng thời, chủ động phòng ngừa, lường trước những “sự cố”, vấn đề môi trường phải là một nguyên tắc trọng yếu đối với mọi kế hoạch và dự án dù lớn hay nhỏ;

Cần coi trọng tính khách quan của quy luật tự nhiên, sự liên kết của các thành phần tự nhiên, nhất là trong thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển KH - XH, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Việt Nam đã có những bài học “đắt giá” trong khai thác khoáng sản và xây dựng đập thủy điện. Vì vậy, trong quy hoạch phát triển kinh tế, cần nhìn nhận trước vấn đề, lồng ghép vấn đề môi trường trong thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch thực hiện. Mặt khác, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, hoạt động phát triển phải dựa trên hệ sinh thái, nhất là đối với nhận thức của những nhà quản lý, quy hoạch phát triển KH - XH của địa phương.

TTKT gắn với bảo vệ và CTMT là nội hàm của hai phạm trù gắn bó mật thiết, tác động qua lại, bổ sung cho nhau. Vì thế, Việt Nam cần khắc phục những hạn chế đang tồn tại, rút kinh nghiệm trong thời gian tới để thực hiện tăng trưởng bền vững■

Ngành Xây dựng từng bước triển khai theo tiêu chuẩn đô thị bền vững

TS. TRẦN QUỐC THÁI - Phó Cục trưởng
Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng



▲ Đô thị xanh bền vững đang là xu hướng ưu tiên đầu tư tại nhiều tỉnh/TP

Tăng trưởng xanh (TTX) được xác định là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững, góp phần tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động quốc gia về TTX, ngày 11/5/2017 Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-BXD về ban hành Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng về TTX đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ thống nhất hành động và triển khai thực hiện trong ngành Xây dựng. Lĩnh vực phát triển đô thị là một nội dung xuyên suốt trong 6 nhóm hành động cơ bản của Kế hoạch, bao gồm:

Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành Xây dựng từ quan điểm phát triển bền vững; Rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch cải tạo đô thị theo tiêu chuẩn đô thị bền vững; Cải thiện hạ tầng kỹ thuật theo hướng bền vững ở một số đô thị chọn lọc; Đổi mới công nghệ và kỹ thuật xây dựng theo hướng xanh hóa; Khuyến khích phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng (VLXD) và xây dựng xanh. Với vai trò là động lực chủ đạo phát triển kinh tế đóng góp hơn 70% GDP của đất nước, phát triển đô thị TTX có vai trò và ý nghĩa then chốt trong việc thực hiện thành công các nhiệm vụ của Kế hoạch mà ngành đã đề ra, thiết thực đóng góp cho các mục tiêu phát triển bền vững đất nước.



Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nêu trên, Bộ Xây dựng đã chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế và trong nước nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, định hướng chính sách, kế hoạch hành động TTX và ứng phó BĐKH ngành Xây dựng. Xu hướng đầu tư xây dựng và phát triển các khu đô thị sinh thái, thân thiện môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng đang trở thành lựa chọn ưu tiên của các nhà đầu tư. Hiệp hội Bất động sản Việt Nam cũng đang nỗ lực thúc đẩy Chương trình phát triển công trình xanh Việt Nam và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các bên. Chính quyền các đô thị cũng đã chú trọng đến tầm quan trọng của công tác bảo vệ TN&MT, xác định đó là một yếu tố trọng tâm gắn với chất lượng tăng trưởng của đô thị. Tiêu biểu là các đô thị như Hạ Long, Đà Nẵng, Đà Lạt, Trà Vinh. Nhiều giải pháp sáng tạo đã và đang được nghiên cứu triển khai áp dụng trong cách làm thực tế tại đô thị, khuyến khích thu hút sự tham gia của các bên liên quan và cộng đồng xã hội như: Làng bích họa Tam Thanh (Quảng Nam), dự án cầu đi bộ tại Cần Thơ, đề án Làng đô thị xanh tại Lâm Đồng...

Theo báo cáo thống kê ban đầu của 59 đô thị từ loại IV trở lên trong cả nước vào tháng 4/2015, có 24/59 đô thị đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện đô thị TTX. Trong đó, có 7 đô thị đã xây dựng Nghị quyết chỉ đạo, 15 đô thị đã xây dựng kế hoạch, 6 đô thị đã có chương trình thực hiện. Một số các đô thị đã ban hành Chiến lược TTX và thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH). Tuy nhiên, nhìn chung các đô thị đang gặp nhiều khó khăn, thách thức trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được xác định trong Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về TTX của quốc gia, do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, khái niệm đô thị TTX còn mới ở Việt Nam, chưa có nhận thức chung về đô thị TTX. Trong khi đó, thông qua các chương trình, dự án hợp tác với tổ chức quốc tế như ADB, WB, JICA, DANIDA, UN Habitat, OECD..., có nhiều mô hình phát triển đô thị gần gũi với quan điểm đô thị TTX với các tên gọi khác nhau đã và đang được nghiên cứu ứng dụng tại Việt Nam như đô thị xanh, đô thị sinh thái (Eco City), đô thị kinh tế - sinh thái (E2 City), đô thị kinh tế - môi trường và công bằng (E2 and Equity City), đô thị thông minh (Smart City, Ubiquitous City)... Quan niệm

của mỗi tổ chức quốc tế lại có sự luận giải và áp dụng các hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, phương pháp quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển đô thị khác nhau phụ thuộc vào nhiều yếu tố như năng lực và trình độ phát triển khoa học công nghệ, thị trường phục vụ, truyền thống và đặc điểm điều kiện tự nhiên...

Thứ hai, chưa có quy định thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về các chỉ tiêu xây dựng đô thị TTX. Do đó, chính quyền địa phương chưa có căn cứ để tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu trong các định hướng phát triển đô thị như quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, cũng như nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế chính sách cụ thể nhằm thực hiện và thúc đẩy phát triển đô thị theo định hướng TTX. Việc thu hút ưu tiên đầu tư xây dựng đô thị và đánh giá hiệu quả mục tiêu đầu tư so với nhiệm vụ TTX còn gặp nhiều khó khăn. Các đô thị chưa triển khai thực hiện có hệ thống và thực sự phát huy hiệu quả sự tham gia của các cấp chính quyền, cộng đồng và toàn xã hội. Công tác theo dõi, đánh giá thực hiện mục tiêu xây dựng đô thị TTX cũng chưa được triển khai định kỳ, phát hiện các vấn đề tồn tại, bất cập để có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho phù hợp với diễn biến của tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) hàng năm và 5 năm của các đô thị.

Thứ ba, chưa có hình mẫu thực hiện thành công mô hình xây dựng đô thị TTX. Các đô thị tiêu biểu đi đầu trên thế giới trong việc thực hiện các nỗ lực về TTX cũng mới chỉ thành công bước đầu trong một số lĩnh vực riêng biệt như

giao thông công cộng giảm phát thải, xanh hóa đô thị, phát triển công trình xanh... Quan điểm phổ biến hiện nay là không có một mô hình chung có thể áp dụng cho mọi đô thị. Mỗi đô thị cần đánh giá toàn diện thực trạng phát triển để từ đó xác định định hướng, chiến lược và lộ trình thực hiện mục tiêu xây dựng đô thị TTX cho từng bối cảnh, đặc điểm và điều kiện phát triển KT-XH cụ thể của đô thị.

Nhằm hỗ trợ các đô thị trên cả nước thực hiện xây dựng đô thị TTX, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp với các tổ chức quốc tế và trong nước để hướng dẫn, đào tạo bồi dưỡng cho các đô thị cũng như thúc đẩy việc hợp tác, đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương. Đồng thời, từng bước triển khai áp dụng việc quản lý thực hiện xây dựng đô thị TTX trên cơ sở các chỉ tiêu cụ thể, làm căn cứ để đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư.

Tình hình đô thị hóa trên toàn quốc cũng như xu hướng tác động của các vấn đề toàn cầu đòi hỏi các đô thị phải có tầm nhìn, kế hoạch dài hạn, xây dựng cơ sở bền vững cho sự tăng trưởng dựa trên động lực có tính cạnh tranh cũng như có hiệu suất cao. Xây dựng đô thị TTX sẽ là một sự chuyển dịch căn bản trong tư duy hệ thống về tăng trưởng đô thị, đòi hỏi có sự thống nhất vào cuộc của các cấp, ngành cũng như các bên liên quan trong xã hội. Với tư duy đúng, lộ trình phù hợp và những giải pháp sáng tạo, đô thị TTX sẽ đóng góp một phần quan trọng thực hiện thành công mục tiêu Chiến lược TTX quốc gia ■



Xây dựng bộ tiêu chí bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch

TS. TRƯƠNG SỸ VINH, ThS. NGUYỄN THÙY VÂN

Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch - Tổng cục Du lịch

Theo số liệu từ Báo cáo Năng lực cạnh tranh du lịch toàn cầu năm 2017 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), năng lực cạnh tranh du lịch Việt Nam đã có bước cải thiện quan trọng, tăng 8 bậc, từ thứ 75/141 quốc gia năm 2015 lên thứ 67/136 quốc gia năm 2017. Một số chỉ số được xếp hạng khá cao như nguồn tài nguyên thiên nhiên vốn có (thứ 34), tài nguyên văn hóa (thứ 30) và khả năng cạnh tranh giá cả (thứ 35)... Tuy nhiên, nhiều chỉ số liên quan đến môi trường lại đứng ở gần cuối bảng xếp hạng, như mức độ bền vững về môi trường (129/136), các quy định về môi trường (115/136), mức độ phát thải (128/136), nạn phá rừng (103/136), hạn chế về xử lý nước (107/136)...

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng nêu trên là công tác BVMT ở các khu, điểm du lịch nói chung và ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch nói riêng chưa được quan tâm thỏa đáng. Bản thân các cơ sở kinh doanh du lịch cũng chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ về mối quan hệ giữa hoạt động kinh doanh sản xuất với môi trường. Bên cạnh đó, dưới góc độ quản lý nhà nước, ngành du lịch vẫn chưa xây dựng, ban hành các hướng dẫn đầy đủ về tiêu chí, điều kiện, đánh giá tác động môi trường và hệ thống kiểm soát, quản lý môi trường liên quan đến các hoạt động du lịch, đặc biệt đối với các cơ sở kinh doanh du lịch.

Khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên, ngày 4/9/2013 Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho du khách. Trong đó, cần thực hiện quyết liệt và áp dụng các biện pháp cụ thể, đồng bộ, hiệu quả để tạo ra chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý môi trường, bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch, coi đây vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa là công việc thường xuyên, lâu dài nhằm xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến du lịch an toàn, thân thiện. Đồng thời, Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch “Hướng dẫn các địa phương và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch

triển khai các giải pháp nhằm bảo vệ an toàn cho du khách, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch; chỉ đạo thực hiện việc công nhận dịch vụ du lịch đạt chuẩn đối với các cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch”.

Từ thực tiễn nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang triển khai xây dựng Bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch, giúp cơ quan quản lý nhà nước có thêm công cụ để đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về BVMT, qua đó có thể kiểm soát tốt hơn công tác BVMT của cơ sở du lịch, dịch vụ nói riêng và khu, điểm du lịch nói chung ở Việt Nam.

DỰ THẢO BỘ TIÊU CHÍ BVMT ĐỐI VỚI CƠ SỞ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ TẠI CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH

Năm 2016, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng tiêu chí và quy trình đánh giá

đạt chuẩn về BVMT đối với các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch”. Sau hơn 1 năm nghiên cứu, trên cơ sở phân tích yêu cầu của pháp luật về BVMT, quản lý tài nguyên và du lịch; kinh nghiệm của các quốc gia trong việc xây dựng và ban hành các tiêu chí về BVMT, Viện đã đề xuất Dự thảo Bộ tiêu chí về BVMT đối với 3 loại cơ sở du lịch, dịch vụ (ăn uống; vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm). Mỗi loại tiêu chí có 2 nhóm (Tiêu chí bắt buộc, cụ thể hóa những quy định của pháp luật BVMT tại các cơ sở du lịch và dịch vụ trong khu, điểm du lịch; Nhóm tiêu chí khuyến khích, bao gồm những tiêu chí “mềm” tạo điều kiện để cơ sở du lịch và dịch vụ trong khu, điểm du lịch tăng chất lượng phục vụ).

Bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở ăn uống bao gồm 45 tiêu chí, trong đó có 33 tiêu chí bắt buộc và 12 tiêu chí khuyến khích. Bộ tiêu chí được chia làm 3 nhóm: BVMT tự nhiên (29 tiêu chí); BVMT xã hội (7 tiêu chí); Thông tin truyền thông và nguồn lực BVMT (9 tiêu chí).



▲ Hình 1: Cấu trúc bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở ăn uống



Bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở bán hàng lưu niệm bao gồm 43 tiêu chí, trong đó có 34 tiêu chí bắt buộc và 9 tiêu chí khuyến khích. Bộ tiêu chí được chia làm 3 nhóm: BVMT tự nhiên (26 tiêu chí); BVMT xã hội (8 tiêu chí); Thông tin truyền thông và nguồn lực BVMT (9 tiêu chí).

Bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở vui chơi giải trí, gồm 47 tiêu chí, trong đó có 38 tiêu chí bắt buộc và 9 tiêu chí khuyến khích. Bộ tiêu chí tiêu chí, được chia làm 3 nhóm: BVMT tự nhiên (29 tiêu chí); BVMT xã hội (7 tiêu chí); Thông tin truyền thông và nguồn lực BVMT (11 tiêu chí).

Đi kèm với Bộ tiêu chí là tài liệu hướng dẫn cụ thể đối với các loại hình cơ sở du lịch, dịch vụ. Đồng thời, Dự thảo Bộ tiêu chí đã lấy ý kiến các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch; các khu, điểm du lịch tiêu biểu trên toàn quốc, từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Qua khảo sát trực tiếp và làm việc với nhiều cơ sở du lịch và dịch vụ, một số khó khăn khi thực hiện Bộ tiêu chí gồm:

Đối với cả 3 loại hình cơ sở dịch vụ: Tiêu chí về thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kế hoạch BVMT, một số cơ sở còn chưa thực hiện đúng.

Tiêu chí về công trình vệ sinh, theo quy định phải có nhà vệ sinh cho người khuyết tật nhưng hầu như các cơ sở quy mô nhỏ và vừa không đáp ứng được.

Đối với các tiêu chí về sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và thân thiện với môi trường, mặc dù các cơ sở mong muốn áp dụng đồng bộ nhưng do hạn chế về nguồn lực nên các cơ sở chỉ có thể trang bị các thiết bị tiết



▲ Hình 2: Cấu trúc bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở bán hàng lưu niệm



▲ Hình 3: Cấu trúc bộ tiêu chí BVMT đối với cơ sở vui chơi giải trí

kiệm điện, nước còn việc sử dụng năng lượng tái tạo hầu như khó đáp ứng.

Tiêu chí về phòng, chống tác hại của thuốc lá mới chỉ được thực hiện ở một số cơ sở du lịch và dịch vụ cao cấp, số còn lại chưa có biện pháp nhắc nhở hoặc quy định khu vực không được hút thuốc lá.

Đối với cơ sở ăn uống: Hầu hết không nằm trong khách sạn đều là những cơ

sở có quy mô vừa và nhỏ, được xây dựng từ lâu nên phần lớn chưa đáp ứng được các tiêu chí về thu gom, xử lý nước thải. Nước thải của các nhà hàng mới chỉ thông qua hệ thống bể lắng hoặc bể tự hoại, chưa được xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, hầu hết các cơ sở ăn uống chưa nắm được cách thức phân loại chất thải rắn, đặc biệt là các sản phẩm thải bỏ và chất thải nguy hại. Một số cơ sở chưa đáp ứng được các tiêu chí đặc thù (như lọc mỡ dư thừa, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong quá trình chế biến các món ăn...), do điều kiện cơ sở vật chất và khả năng đầu tư còn hạn chế.

Cơ sở bán hàng lưu niệm: Vấn đề thu gom và xử lý chất thải rắn gặp nhiều khó khăn. Một số các tiêu chí đặc trưng như: Sử dụng bao bì thân thiện với môi trường để gói



▲ Quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình



đựng hàng hóa chưa được thực hiện tích cực do giá thành của các loại bao bì khá cao. Mặt khác, túi ni lông thân thiện với môi trường có độ dai kém, dễ bị bục rách nên không được sử dụng rộng rãi. Tiêu chí về quy định các sản phẩm bày bán và đăng ký nhãn xanh chưa được các cơ sở quan tâm và thực hiện.

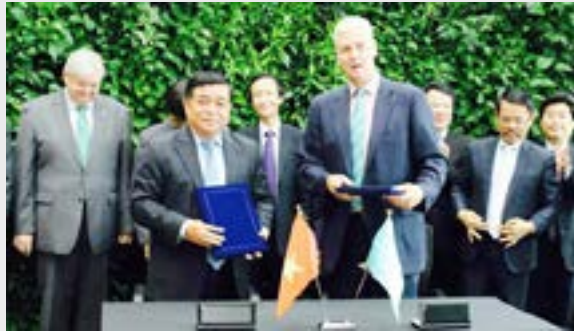
Cơ sở vui chơi giải trí: Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn chưa đáp ứng được nhu cầu phân loại tại nguồn. Khâu phân loại diễn ra sau khi thu gom và tập kết bởi cán bộ vệ sinh môi trường tại khu du lịch; Nước thải mới được thu gom vào hệ thống chung dẫn đến các bể lắng lọc và xử lý vi sinh tại chỗ.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BVMT TẠI CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH

Trong bối cảnh du lịch Việt Nam đang đối mặt với sự ô nhiễm môi trường và suy giảm giá trị tài nguyên, việc xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí nêu trên là hết sức cần thiết. Để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao tính hiệu quả khi áp dụng, Dự thảo Bộ tiêu chí BVMT cần được điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tiễn. Những tiêu chí bắt buộc trong Dự thảo Bộ tiêu chí là các tiêu chí có nội dung cụ thể hóa của các quy định pháp luật về BVMT, do vậy các cơ sở cần phải dần hoàn thiện để đáp ứng. Tuy nhiên, cần có các hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ kịp thời các khó khăn để tạo điều kiện cho các cơ sở thực hiện. Bên cạnh đó, cần phổ biến, tổ chức tập huấn giới thiệu Bộ tiêu chí một cách rộng rãi hơn nữa để các cơ sở du lịch và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch trên cả nước được tiếp cận. Đồng thời, kêu gọi các cơ sở du lịch, dịch vụ tham gia thực hiện và đánh giá hiệu quả BVMT của Bộ tiêu chí.

Ngoài việc ban hành Bộ tiêu chí nêu trên, việc hình thành mô hình BVMT để thực thi có hiệu quả Bộ tiêu chí tại các khu, điểm du lịch là hết sức quan trọng. Mô hình cần có sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương, Ban quản lý các khu, điểm du lịch; chính quyền, cộng đồng và khách du lịch. Ngoài ra, mô hình cũng cần có quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các bên tham gia; quy chế cụ thể làm căn cứ thực hiện. Hiện nay, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch - Tổng cục Du lịch đang tiến hành xây dựng thí điểm các mô hình BVMT tại một số khu du lịch trên cơ sở Dự thảo Bộ tiêu chí nêu trên để tiến tới hình thành mô hình khung về BVMT tại các khu, điểm du lịch trên toàn quốc■

THÚC ĐẨY HỢP TÁC TĂNG TRƯỞNG XANH GIỮA VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC



▲ Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng và Tổng Giám đốc GGGI Frank Rijsberman trao đổi Biên bản ghi nhớ

Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Hàn Quốc, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) Nguyễn Chí Dũng đã có buổi làm việc với Tổng Giám đốc Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) Frank Rijsberman và Giám đốc Điều hành Quỹ Khí hậu xanh (GCF) Howard Bamsey.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng đánh giá cao sự hỗ trợ của GGGI đối với Bộ KH&ĐT trong việc xây dựng Khung kế hoạch quốc gia cũng như Hướng dẫn đầu tư cho tăng trưởng xanh (TTX); hỗ trợ đào tạo cán bộ nhằm nâng cao nhận thức về TTX, đồng thời trang bị một số kỹ năng lồng ghép các tiêu chí TTX vào quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định các dự án đầu tư công... Tại đây, Bộ KH&ĐT và GGGI đã ký kết Biên bản ghi nhớ để xúc tiến các chương trình và những hoạt động chung nhằm hỗ trợ, thúc đẩy TTX ở Việt Nam trong thời gian tới.

Cùng ngày, tại trụ sở GCF, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng và Giám đốc Điều hành GCF Howard Bamsey đã trao đổi nhiều hoạt động hợp tác

trong thời gian tới. Thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), GCF đã phê duyệt khoản tài trợ trị giá 29,5 triệu USD để thực hiện Dự án “Tăng cường năng lực chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) cho các cộng đồng dân cư ven biển tại Việt Nam” do Bộ NN&PTNT và Bộ Xây dựng đồng thực hiện.

Nhân dịp này, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng đề nghị GCF tiếp tục hỗ trợ Việt Nam thực hiện Dự án đã được phê duyệt. Đồng thời, hỗ trợ Việt Nam thực hiện các Dự án ít phát thải, ứng phó với BĐKH; cải thiện hiệu quả năng lượng cho các ngành sử dụng nhiều năng lượng; hỗ trợ thích ứng với BĐKH quy mô lớn tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng, miền núi phía Bắc.

Trong khuôn khổ của buổi làm việc, đại diện Bộ KH&ĐT và GCF đã ký kết thỏa thuận cung cấp 299.624 USD thực hiện Dự án “Hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng của GCF đối với Việt Nam nhằm tăng cường năng lực cho cơ quan thẩm quyền quốc gia (NDA) ”.

PHẠM THANH TUẤN



PHÁT TRIỂN CÁC CƠ CHẾ MỚI CHO THỊ TRƯỜNG CÁC BON



Nhằm hướng tới cung cấp thông tin kỹ thuật cho nhà hoạch định chính sách, đơn vị thực hiện có các hoạt động liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK), ngày 22/8/2017, Cục Biến đổi khí hậu (BĐKH), Bộ TN&MT phối hợp với Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) tại Việt Nam tổ chức Hội thảo khu vực về phát triển cơ chế mới cho thị trường các bon thấp.

Phát biểu tại Hội thảo, Cục trưởng Cục BĐKH Nguyễn Văn Tuệ cho biết, xây dựng và phát triển thị trường các bon là một phần của các nỗ lực quốc tế và thực hiện Thỏa thuận Pari nhằm giảm mức tăng nồng độ KNK trong khí quyển với chi phí thấp. Để có cơ sở thực hiện các hoạt động và đạt được mục tiêu theo Công ước khí hậu, Nghị định thư Kyoto đã đưa ra cơ

chế mềm dẻo để các nước phát triển, đang phát triển hợp tác nhằm giảm phát thải KNK.

Trong giai đoạn cam kết đầu của Nghị định thư Kyoto, từ năm 2008 - 2012, thị trường các bon hoạt động sôi nổi với Cơ chế tín chỉ chung (CDM). Một số cơ chế tín chỉ các bon ngoài khuôn khổ của Nghị định thư Kyoto hay được gọi là cơ chế tín chỉ các bon tự nguyện cũng hoạt động tương đối mạnh.

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ 2013 - 2020, số lượng các dự án CDM đăng ký mới trên thế giới đã giảm. Nguyên nhân chủ yếu do Bản sửa đổi, bổ sung Doha vào Nghị định thư Kyoto chưa có hiệu lực thi hành. Các nước phát triển (các quốc gia mua tín chỉ các bon từ CDM) chưa bị bắt buộc giảm phát thải theo quy định. Mặc dù, đã có một số cơ chế mới được xây dựng, triển

khai như Cơ chế tín chỉ chung giữa Nhật Bản và một số đối tác nhưng các hoạt động mới chỉ ở giai đoạn thí điểm và tín chỉ các bon thu được chưa thể giao dịch trên thị trường các bon.

Tại Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH lần thứ 21 (COP 21) các bên đã thông qua quy định về một cơ chế mới, cơ chế góp phần giảm nhẹ phát thải KNK và hỗ trợ phát triển bền vững. Việt Nam cũng đã xác định cơ chế thị trường sẽ là một trong những phương thức giúp đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải KNK đã cam kết.

Do đó, Hội thảo là cơ hội để các đại biểu trao đổi và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK và thực hiện các hoạt động theo cơ chế thị trường. **PHƯƠNG LINH**

PHÚ YÊN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

UBND tỉnh Phú Yên vừa ký quyết định triển khai Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (TTX) giai đoạn 2016 - 2020 nhằm hướng đến nền kinh tế các bon thấp, giảm phát thải, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính, làm giàu vốn tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên.

Theo đó, tỉnh phấn đấu đến năm 2020 duy trì 100% khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 80% KCN, cụm công nghiệp, 50% làng nghề có hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn đạt yêu cầu; 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, trong đó, 50% cơ sở áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Đồng thời, phấn đấu đưa mức đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ BVMT và làm giàu vốn tự nhiên lên đạt 3-4% GRDP; Hơn 65% số xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới;

100% chất thải y tế được thu gom, xử lý; 90% chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; 80% dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu (BĐKH)...Ngoài ra, 100% đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn; Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%; Bảo đảm 90% tổng số dân đô thị được sử dụng nước sạch, 100% hộ dân nông thôn cơ bản được sử dụng nước hợp vệ sinh...

Bên cạnh đó, Phú Yên đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa; cải thiện các vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người

dân và chất lượng cảnh quan; xây dựng lối sống thân thiện với môi trường; nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH. Tỉnh phấn đấu đến năm 2020, giảm cường độ phát thải khí nhà kính so với mức phát triển bình thường là 28%, trong đó, mức giảm tự nguyện khoảng 17,5%, còn lại là mức phấn đấu khi có thêm hỗ trợ quốc gia và quốc tế; Hình thành và phát triển cơ cấu "kinh tế xanh" trên cơ sở đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra giá trị gia tăng lớn, các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên.

MAI HƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN NAM:

Tiên phong sản xuất cát nhân tạo, giúp giải quyết bài toán môi trường và đáp ứng nhu cầu xây dựng

Với điều kiện tài nguyên cát tự nhiên hạn chế và ngày càng siết chặt thì việc tìm ra nguồn cung cấp cát tại chỗ đáp ứng nhu cầu xây dựng đang gia tăng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Sản xuất thành công cát nghiền nhân tạo từ đá cát kết tại bãi thải mỏ đã mở ra hướng đi mới, bền vững cho ngành công nghiệp vật liệu xây dựng của tỉnh Quảng Ninh, phù hợp với nhu cầu phát triển hiện nay. Sau khi nghiên cứu ở các nước trên thế giới, được sự hỗ trợ và quan tâm của tỉnh Quảng Ninh, Công ty CP Thiên Nam đã đầu tư dây chuyền sản xuất cát nhân tạo, mang lại giá trị kinh tế và giảm tác động đến môi trường. Để hiểu rõ thêm về công nghệ sản xuất cát nhân tạo từ bãi thải mỏ, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Vũ Đình Kiên - Giám đốc Công ty CP Thiên Nam.

***Xin ông cho biết, lý do nào Công ty đi tiên phong trong sản xuất cát nhân tạo?**

Ông Vũ Đình Kiên: Xuất phát từ thực tế, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đang tồn tại những bãi thải của ngành than, trong khi đây là nguồn nguyên liệu có thể sản xuất được ra cát xây dựng.

Trong khi đó, cát tự nhiên ngày một khan hiếm nên cát nhân tạo được xem là “cứu cánh” của ngành Xây dựng trong tương lai. Do đó, Công ty quyết định tiên phong trong sản xuất cát nhân tạo với tinh thần “đi trước đón đầu” và nắm bắt cơ hội của thị trường.

Trên thế giới hiện nay, cát nhân tạo đang được dùng phổ biến, không những để thay thế cát tự nhiên đang ngày càng cạn kiệt, mà còn do tính chất, hạt cát đồng đều hơn, có thể điều chỉnh modul và tỷ lệ thành phần hạt theo từng yêu cầu cấp phối cho các loại bê tông khác nhau (asphalt, xi măng, đầm lầy, mác cao đặc biệt...). Loại cát nhân tạo cũng cho phép tiết kiệm xi măng, nhựa đường, rút ngắn thời gian thi công và tăng tuổi thọ công trình. Nhận thấy, đầu tư sản xuất cát nhân tạo là hướng đi đúng, vừa giải quyết được yếu tố môi trường (hạ thấp độ cao của bãi thải, hạn chế sạt lở, thân thiện với môi trường, giảm áp lực khai thác cát tự nhiên từ các lòng sông), vừa sản xuất được cát nhân tạo, đáp ứng nhu cầu cho ngành xây dựng. Công ty đã mạnh dạn đầu tư giai đoạn 1 của Dự án thu hồi chế biến đá cát kết tại các vị trí đầu tầng thải tại



▲ Ông Vũ Đình Kiên - Giám đốc Công ty CP Thiên Nam

bãi thải Đông Cao Sơn, tổng mức đầu tư trên 283 tỷ đồng với 2 dây chuyền nghiền sàng, phân loại sản phẩm, công suất 550 tấn/giờ/dây chuyền. Đây là Dự án được thực hiện theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND (ngày 14/3/2014) của HĐND tỉnh; Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

***Xin ông cho biết, quy trình sản xuất cát nghiền từ đá cát kết... đến cát nhân tạo đạt**

chuẩn, đáp ứng các yêu cầu về môi trường cũng như tiêu chuẩn cho xây dựng?

Ông Vũ Đình Kiên: Nguyên liệu là đá ở bãi thải Đông Cao Sơn, TP. Cẩm Phả được đưa về điểm tập kết vật liệu, dùng máy xúc gầu ngược lớn xúc chất thải hỗn hợp tập kết về phễu trữ liệu, sàng rung cấp liệu phân loại qua máy nghiền hàm nghiền nhỏ, kích thước từ 800 - 1.200 mm về 50 - 200 mm, sau đó vận tải bằng hệ thống băng tải về máy nghiền phản kích nghiền có cỡ hạt từ 50 - 200 mm về 5 - 40 mm, qua hệ thống băng tải về máy nghiền ly tâm. Máy



nghiên ly tâm có kích thước cỡ hạt từ 5 - 40 mm trở về 0 - 4 mm dùng hệ thống băng tải vận tải lên sàng rung phân loại cỡ hạt xuống phểu rửa áp lực qua hệ thống sàng quay làm sạch sản phẩm.

Công đoạn nghiền cát và máy rửa cát quyết định lớn đến chất lượng cát nghiền nhân tạo, bởi quá trình nghiền do “va chạm” ở tốc độ cao làm cho các hạt đá trong máy nghiền cát vỡ ra tròn đều. Đặc tính này luôn đảm bảo các hạt sản phẩm sau khi nghiền theo nguyên lý va chạm có hình dáng khối tròn, giúp cho bê tông có cường độ cao. Đồng thời máy rửa cát trong dây chuyền sản xuất cát nghiền nhân tạo quyết định lớn đến chất lượng của cát. Bởi vì cát sẽ được rửa để loại bỏ tạp chất, chất hữu cơ và ra sản phẩm cát sạch, có kích thước đồng đều từ 0 - 4 mm, đảm bảo đạt modul độ lớn nhỏ hơn 2,95. Mỗi năm, dây chuyền sản xuất được trên 1,5 triệu m³ cát nghiền nhân tạo, trên 1,5 triệu m³ đá các loại và vật liệu san nền.

Việc sản xuất cát nhân tạo đã đáp ứng được việc hạ bãi thải ngành than theo Thông báo số 65/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Sản phẩm cát nghiền nhân tạo của Công ty có tiêu chuẩn phù hợp đạt QCVN 16:2014/BXD theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, đạt tiêu chuẩn TCVN 9205:2012, cốt liệu cho bê tông và vữa theo TCVN 7570:2006.

***Là đơn vị “đi trước, đón đầu” trong sản xuất cát nhân tạo, Công ty gặp những khó khăn, thách thức gì khi triển khai hoạt động?**

Ông Vũ Đình Kiên: Hiện nay, thực trạng khai thác cát trái phép, tràn lan, chưa kiểm soát và xử lý triệt để, ảnh hưởng lớn tới các doanh nghiệp làm ăn chân chính cũng như đã tạo nên nhiều thách thức, rào cản cho một môi trường kinh doanh lành mạnh. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất cát nhân tạo thường bị ép giá, dẫn đến



▲ Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo Công ty CP Thiên Nam

khó khăn trong tiêu thụ và mở rộng thị trường. Ngoài ra, do thói quen sử dụng vật liệu truyền thống cát tự nhiên nên doanh nghiệp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

***Xin ông cho biết hướng phát triển sản phẩm của Công ty cũng như đề xuất, kiến nghị với các cơ quan chức năng?**

Ông Vũ Đình Kiên: Nhận thấy giá trị của sản phẩm, đến nay, khoảng 20 trạm trộn bê tông trên địa bàn tỉnh sử dụng cát nhân tạo của Công ty. Đặc biệt, nhiều công trình dự án quan trọng như cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, Dự án cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, chủ đầu tư cũng đã ký

hợp đồng sử dụng cát nhân tạo của Công ty để phục vụ công trình. Ngoài ra, Công ty đang đàm phán đưa cát nhân tạo đến với một số nước như: Hàn Quốc, Singapo, Nhật Bản...

Theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, để bảo vệ tài nguyên khoáng sản, họ thu thuế cát tự nhiên cao và khuyến khích người dân sử dụng cát nhân tạo thay thế. Do đó, đề nghị Chính phủ, Quốc hội xem xét, tính mức thuế dành riêng cho tài nguyên cát tự nhiên, nhằm tạo sự công bằng cho sản phẩm cát nhân tạo.

***Xin cảm ơn ông!**

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)

“Tâm nhìn xanh”

TỪ MỘT KHU CÔNG NGHIỆP KIỂU MẪU

Tháng 5/1996, sau nghi thức khởi công khu công nghiệp VSIP I tại Bình Dương, Cố Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt và Nguyên Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong cùng bắt tay trồng ngay những cây xanh đầu tiên tại đây với mong muốn: định hướng một tâm nhìn phủ xanh cho khu công nghiệp theo tiêu chuẩn Singapore tại Việt Nam.



Từ lại VSIP I Bình Dương vào một ngày cuối tháng năm sau hơn hai thập kỷ, chúng tôi không khỏi ngạc nhiên trước sắc xanh trải dài trên những con đường dọc khu công nghiệp ngày trước, nay đã trở thành khu phức hợp công nghiệp, thương mại, dịch vụ sầm uất.

ĐẤU ÁN SINGAPORE TẠI VIỆT NAM

Hệ thống giao thông nội khu tại đây có những nét riêng độc đáo mang đậm thiết kế Singapore với những rãnh thu gom nước mưa lớn, được thiết kế dọc những tuyến đường chính. Mật độ phủ xanh tại VSIP được duy trì ở mức cao và mỗi nhà máy trong khu đều thực hiện cam kết giữ lại khoảng 20% diện tích để phát triển mảng xanh, trồng cây cỏ để tạo một cảnh quan mát lành, giúp thanh lọc không khí và hạn chế bụi phát tán ra môi trường.

Tỷ lệ phủ xanh cũng được duy trì ở mức cao tại các dự án khác của VSIP. Chính mật độ đó đã đảm bảo cho VSIP đạt được những tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt về độ ẩm, khô, bụi, nhiệt độ... Người lao động tại đây tự hào cho biết: “Chưa bao giờ chúng tôi thấy có cảnh ngập nước trong VSIP I ngay cả vào những ngày đỉnh điểm của mùa lũ hay triều cường.”

Ở VSIP, có thể đếm được không dưới vài chục loài cây hoa khác nhau được vun trồng cẩn thận trong vườn ươm trước khi được đem ra trồng bên ngoài. Có cả những giống cây mới được công ty nhập về từ Singapore và các nước lân cận. Vì như cây bàng Đài Loan, công ty đã nhập giống cây này về trồng tại VSIP I từ những ngày đầu mới thành lập, đến nay giống cây này đã trở nên phổ biến không chỉ ở VSIP mà rất nhiều tỉnh thành cả nước.

Để tạo mỹ quan, mỗi tuyến đường tập trung trồng một loại cây riêng và từng thân cây một được các nhân viên Công ty Quản lý tài sản VSIP FMS – một công ty do VSIP Group thành lập thường xuyên kiểm tra chăm sóc. Ngoài ra, đội ngũ hơn 100 nhân viên này còn có nhiệm vụ học hỏi kỹ thuật phát triển cây trồng, đồng thời hỗ trợ khách hàng cách thức chăm sóc và duy trì mảng xanh riêng của từng doanh nghiệp.

Nhà máy xử lý nước thải với hệ thống máy móc kỹ thuật hiện đại theo tiêu chuẩn Singapore cũng là một yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ cảnh quan môi trường và tái tạo nguồn nước đạt chuẩn đến độ có thể sử dụng chăm sóc cây xanh, kết hợp với nguồn nước mưa thu gom được từ hệ thống rãnh thu gom nêu trên, tạo ra một quy trình khép kín thân thiện môi trường.

SỨC HÚT TỪ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Dễ dàng nhận thấy, điểm khác biệt tạo nên sức hút của các dự án VSIP không chỉ nằm ở hạ tầng hoàn chỉnh và dịch vụ một cửa, mà chính là tầm nhìn phủ xanh và những hoạch định chiến lược kiên định vì một sự phát triển bền vững chung cho cả cộng đồng. Những nhà quản lý VSIP tin rằng không gian sạch sẽ và trong lành chính là một lợi thế cạnh tranh độc đáo của VSIP trong quá trình thu hút nhà đầu tư trên khắp thế giới đến làm việc, sinh sống, học tập và vui chơi tại đây.

“Chúng tôi phát triển mảng xanh như một phần thiết yếu trong quá trình phát triển hạ tầng VSIP. Một khu tích hợp xanh với khâu quản lý, quy hoạch hiệu quả luôn gửi tin hiệu tích cực đến nhà đầu tư, và



Ngày hội trồng cây tại VSIP – Quảng Ngãi (2016)

góp phần truyền cảm hứng cho người lao động cũng như những cư dân sống tại đây, khiến họ tự hào bởi họ đang sống và làm việc trong những thành phố công nghiệp xanh.” Một ví đại diện của VSIP Group cho biết.

Đến nay các dự án VSIP lần lượt ra đời trải dọc từ Nam ra Bắc, trở thành những khu liên hợp công nghiệp, đô thị, dịch vụ kiểu mẫu không chỉ ở Việt Nam mà còn ở tầm khu vực. 690 nhà đầu tư từ 30 quốc gia trên khắp thế giới đã chọn VSIP là nơi đặt nhà máy, tạo ra môi trường sống và làm việc cho 180.000 lao động địa phương và chuyên gia nước ngoài.

Tầm nhìn và thể mạnh độc đáo trong phát triển mảng xanh này đã giúp những thương hiệu sản xuất hàng tiêu dùng và thực phẩm hàng đầu thế giới, mang theo tiêu chí nghiêm ngặt về môi trường đều tin tưởng chọn VSIP là nơi để thiết lập nhà máy, có thể kể đến các tên tuổi như: Unilever, P&G, Nissin... Ngoài ra còn rất nhiều tên tuổi khác trong các ngành công nghiệp “sạch”, công nghệ cao như dược phẩm, thiết bị y tế, điện – điện tử...

Qua 21 năm xây dựng và phát triển thương hiệu, VSIP Group đã vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng danh giá về bảo vệ môi trường. Năm 2017, Tập đoàn được Tạp chí Euromoney (Anh) tiếp tục bình chọn là “Nhà phát triển KCN hàng đầu Việt Nam”. Ngoài ra, VSIP còn nhận được nhiều giải thưởng khác: “Top 40 Công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động xuất sắc vì sự nghiệp phát triển bền vững” (SaigonTimes); “Rồng Vàng – Tôn vinh doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài tiêu biểu tại VN” (Thời báo Kinh tế VN); “20 công trình kiến trúc tiêu biểu của VN” (Hiệp hội Kiến trúc VN); “Giải thưởng Công nghệ xanh 2010 vì sự nghiệp bảo vệ Thiên nhiên Môi trường” (Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật VN, Hội Bảo vệ TNMT VN)...

HÀNH TRÌNH XANH

80.000 cây xanh trên khắp các dự án VSIP tại 6 tỉnh thành trên cả nước là con số ấn tượng. Nhưng tầm nhìn xanh của tập đoàn tên tuổi hàng đầu Việt Nam không dừng ở đó. Hành trình sẽ tiếp tục khi mỗi dự án, VSIP Group công bố sẽ đẩy mạnh hơn nữa mục tiêu cung cấp các tiện ích khép kín phục vụ nhu cầu của các công ty khách hàng. Những dự án nhà ở – dân cư đầu tiên do VSIP Group phát triển tại Bình Dương (The Habitat), Quảng Ngãi (Thiên Mỹ Lộc) hay Bắc Ninh (Belhomes) là minh chứng cho sự chuyển biến mạnh mẽ của VSIP để tạo ra những giá trị cộng thêm cho khách hàng, và trong một khía cạnh khác cũng là nguồn động lực để VSIP nối dài hành trình phủ xanh rộng khắp Việt Nam.

ĐÃ CÓ 8 KHU VSIP TẠI VIỆT NAM

Dự án VSIP được hình thành dựa trên nền tảng tinh thần nghị và hợp tác kinh tế giữa VN và Singapore.

Với sự hỗ trợ từ chính phủ hai nước VN và Singapore, một liên doanh đầu tư giữa các đối tác trong và ngoài nước do những tập đoàn có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ sở và bất động sản như Tổng công ty Đầu tư và phát triển Becamex (Bình Dương) và các công ty do Tập đoàn Sembcorp Development (Singapore) dẫn đầu được thành lập để thực hiện dự án VSIP.

Đến nay VSIP đã và đang phát triển tổng cộng bảy dự án trên khắp cả nước với tổng quỹ đất hơn 7.000 ha đất công nghiệp, đô thị và dịch vụ bao gồm VSIP I và II ở Bình Dương, VSIP Bắc Ninh, VSIP Hải Phòng, VSIP Quảng Ngãi, VSIP Hải Dương và VSIP Nghệ An. VSIP cũng vào công bố dự án VSIP III ở Bình Dương. Đây sẽ là dự án thứ 8 của tập đoàn tại VN.

Các VSIP đang cung ứng hạ tầng cho 750 khách hàng đến từ 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng đầu tư từ 10 tỉ USD, cung ứng việc làm cho 200.000 lao động.



Công ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Dịch Vụ Và Đầu Tư Tân Bình

Tên tiếng Anh : **Tan Binh Import-Export Joint Stock Corporation**
Tên giao dịch : **Tanimex** Tên viết tắt: **Tanimex** Mã cổ phiếu: **TIX**
Địa chỉ : 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028. 3 8641 885 – 028. 3 8686 377 Fax: 028. 3 864 2060
E-mail : tanimex@tanimex.com.vn Website: www.tanimex.com.vn

Với quá trình 36 năm thành lập và phát triển, Công ty đã xây dựng thành công thương hiệu TANIMEX GROUP, luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, nâng cao chất lượng môi trường làm việc của người lao động, hành động và tuyên truyền bảo vệ cảnh quan, nguồn nước, hạn chế tối đa khói bụi, chất thải rắn của các doanh nghiệp trong hệ thống và các doanh nghiệp đối tác.

Với 12 công ty thành viên – liên kết hoạt động đa ngành trong các lĩnh vực: Bất động sản, Khu công nghiệp, đầu tư tài chính, sản xuất, dịch vụ, thương mại, giáo dục, y tế.



Chung cư Sơn Kỳ I – Quận Tân Phú



Cổng chào KCN Tân Bình



Tổng kho xưởng KCN Tân Bình



Dự án chung cư KCN Tân Bình mở rộng

TANIMEX GROUP luôn tự hào với những thành quả đạt được và tự tin hướng đến tương lai.
Phương châm hoạt động của chúng tôi là:

- Tuân thủ pháp luật
- Chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên
- Bảo vệ môi trường sống và Khu công nghiệp
- Hướng về cộng đồng



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP BẮC VINH

Địa chỉ: Đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, TP Vinh, Nghệ An
ĐT/Fax: 0238 3852731

- Địa điểm: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, Nghệ An
- Diện tích thực hiện: 53,03 ha
- Hiện trạng: + Đã đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường của KCN.
+ Đã lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp cho thuê.



DAIZICO

MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP LÀ MỐI QUAN TÂM HÀNG ĐẦU

Công ty Phát triển và Khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng (Daizico) được thành lập năm 2000, với nhiệm vụ là quản lý và khai thác hạ tầng các Khu công nghiệp trên địa bàn. Hiện nay, Công ty làm chủ đầu tư 02 KCN là KCN Hoà Khánh với diện tích 393,99 ha, và KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng 50,634 ha. Đến nay, 100% diện tích đất trong các KCN do Daizico quản lý và khai thác đã được lấp đầy. Tại KCN Hòa Khánh đã thu hút được 28 doanh nghiệp (DN) có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI) và 160 DN trong nước với tổng số vốn đầu tư là 636,8 triệu USD và 6.440 tỷ đồng. KCN Thủy sản Đà Nẵng đã thu hút được 2 DN FDI và 28 DN trong nước với tổng vốn đầu tư là 8,3 triệu USD và 740 tỷ đồng. Các doanh nghiệp trong 2 KCN đã đóng góp rất lớn vào ngân sách thành phố và giải quyết việc làm cho gần 35 ngàn lao động. Mối quan tâm hàng đầu của Daizico hiện nay là môi trường của KCN. Hiện nay, Thành phố đã và đang cho phép Daizico đầu tư hàng chục tỷ để nâng cấp hệ thống thu gom nước thải KCN Hòa Khánh, Daizico thường xuyên vệ sinh, duy tu, sửa chữa hạ tầng KCN phục vụ Doanh nghiệp, trồng mới và chăm sóc cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, góp phần xây dựng KCN Hòa Khánh thành KCN sinh thái hướng tới mô hình KCN bền vững tại Việt Nam theo Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đóng vai trò tích cực trong sự nghiệp phát triển của thành phố Đà Nẵng...

Giám đốc
Đinh Hiến

CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: (0204) 3566 888



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU:

- 1. Khu công nghiệp Đình Trám.**
- Địa điểm: Xã Hồng Thái và Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Loại hình khu công nghiệp: Đa ngành. Diện tích: 98,1 ha.
- 2. KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc).**
- Địa điểm: Quốc lộ 1A nội Hà Nội - Lạng Sơn
- Loại hình khu công nghiệp: Đa ngành. Diện tích: 109,86ha, đang thực hiện đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư.
- 3. Cụm công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng.**
- Địa điểm: Thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.
- Loại hình khu công nghiệp: Đa ngành. Diện tích: 58,3ha.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
Đ/C: Số 338 Lạc Long Quân, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Điện Thoại: (0256) 3541496
Đơn vị tiên phong trong việc bảo vệ môi trường



CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM

Địa chỉ: Xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. ĐT: (0260) 3885885

MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU:

- 1. Khu công nghiệp Hòa Bình - Giai đoạn I.**
- Địa điểm: Phường Nguyễn Trãi và phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- Loại hình Khu công nghiệp đa ngành. Diện tích: 59,22ha; đã lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp cho thuê.
- Hiện trạng: Đã đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường của KCN.
- 2. Cụm công nghiệp Đắk La**
- Địa điểm: Xã Đắk La, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.
- Loại hình: Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Diện tích: 73,78 ha
- Hiện trạng: Đang đầu tư hạ tầng kỹ thuật.
- 3. Khu công nghiệp Hòa Bình - Giai đoạn II**
- Địa điểm: Phường Nguyễn Trãi và phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- Loại hình: Khu công nghiệp đa ngành. Diện tích: 70ha
- Hiện trạng: Đang triển khai dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN THÁI NGUYÊN MỜI GỌI ĐẦU TƯ

KCN Sông Công tỉnh Thái Nguyên được chính phủ quyết định thành lập tại Quyết định số 181/1999/QĐ-TTg ngày 1/9/1999.

Hiện nay KCN Sông Công đã xây dựng hoàn chỉnh các công trình kết cấu hạ tầng, thu hút được gần 50 dự án đầu tư, đặc biệt là đã đưa nhà máy xử lý nước thải gồm hai module hóa lý và sinh học vào hoạt động ổn định với công suất 2000 m³/ngày, nước thải sau xử lý đạt cột A tiêu chuẩn xả thải, hiện nay nhà máy đã trang bị trạm quan trắc nước thải tự động liên tục 24/24 giờ theo đúng quy định của nhà nước.

Với những cố gắng nỗ lực không mệt mỏi vì sự phát triển bền vững của KCN Sông Công, những năm qua Công ty đã đạt được các kết quả đáng khích lệ trong hoạt động chuyển đổi công nghệ và hoạt động đoàn thể, đời sống thu nhập của CBCV-KCN Công ty ngày càng được cải thiện với mức thu nhập trung bình đạt trên 6 triệu đồng/người/tháng. Công ty đã được tặng nhiều bằng khen của UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và của Liên đoàn lao động tỉnh. Năm 2009 Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công ty đã được Trung tâm văn hóa doanh nhân công nhận là "Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2015". Công ty được công nhận trong top 100 doanh nghiệp có "Niềm tin cạnh tranh Việt Nam" do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn và cấp Giấy chứng nhận năm 2017.

Hiện nay KCN Sông Công I còn gần 100 ha chưa được lấp đầy, Công ty rất cần sự hợp tác của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để hợp tác cùng đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN hoặc đầu tư xây dựng nhà máy trong KCN. Hiện nay có thông tin KCN Sông Công đã hết đất cho thuê là không chính xác.

Mọi chi tiết về dự án và nhà đầu tư xin vui lòng liên hệ với Công ty: kcnsongcong.vn, và liên hệ theo địa chỉ thư điện tử: hoangcongphat377@gmail.com.

Rất mong được hợp tác cùng các nhà đầu tư. Xin trân trọng.
Hoàng Công Đoàn - Chủ tịch HĐQT



CHI NHÁNH CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG TẠI QUY NHƠN:

Hơn 20 năm tạo thương hiệu, hội nhập và phát triển bền vững



▲ Trụ sở Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn

Traï qua hơn 20 năm hoạt động - chẳng đường không dài nhưng cũng đủ để Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn tạo dựng tên tuổi và vị thế thương hiệu trong ngành Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam, đồng thời đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Năm 1995, Nhà máy Bia Quy Nhơn được khởi công xây dựng với công suất 5 triệu lít/năm và đến tháng 11/1996, sản phẩm của Nhà máy chính thức có mặt trên thị trường. Năm 2006, Nhà máy trở thành thành viên của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) với tên gọi Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Quy Nhơn. Ngay khi cổ phần hóa, với dây chuyền thiết bị hiện đại, tự động hóa nhiều khâu quan trọng, tháng 12/2008, Hội đồng quản trị Công ty quyết định đầu tư, nâng công suất Nhà máy lên 50 triệu lít/năm. Nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất, Chi nhánh đã áp dụng và được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến

lượng thực, thực phẩm, thủy sản (HACCP); Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004. Với sự đầu tư chiều sâu và đồng bộ, sản phẩm của Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn ngày càng đa dạng hóa, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cũng như tài chính đều đạt và vượt mức kế hoạch. Năm 2016, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty đạt 65,88 triệu lít, trong đó, bia Sài Gòn trên 30 triệu lít; bia tươi, Lowen, “Quy Nhơn” đạt trên 31 triệu lít; bia hơi và các sản phẩm đồ uống khác đạt 4 triệu lít... tổng doanh thu đạt 609 tỷ đồng, lợi nhuận 55,26 tỷ (đạt 162,53% so với kế hoạch đề ra và 137,29% so với lợi nhuận năm 2015), đóng góp ngân sách nhà nước 255 tỷ đồng. Là một trong Top

100 “Thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ nổi tiếng tại Việt Nam năm 2016”, Nhà máy phân đấu trong năm 2017, doanh thu đạt trên 621 tỷ đồng.

Ngoài ra, nhận thức rõ một trong những nét đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp là hoạt động chung tay vì cộng đồng, Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn đã tích cực tham gia các hoạt động của đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, nhất là công tác an sinh xã hội. Hàng năm, dành khoảng 200 triệu đồng cho công tác đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, ủng hộ Quỹ khuyến học, trao học bổng cho học sinh nghèo, cứu trợ đồng bào vùng lũ lụt, xây dựng nhà tình thương, góp đá vì Trường Sa...

Nhằm kiểm soát, giảm thiểu các hoạt động phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, trong quá trình sản xuất, Nhà máy đầu tư dây chuyền khép kín, hiện đại, ít phát sinh bụi; Thường xuyên phun nước mặt bằng, khuôn viên Nhà máy, khu vực nhập, xuất nguyên liệu và sản phẩm; Kiên cố hóa hệ thống giao thông; Vệ sinh công nghiệp nhà xưởng; Sử dụng máy móc đúng công suất và trang bị thiết bị bảo hộ lao động, nút chống ồn cho công nhân. Do đặc thù công nghệ sản xuất bia, cồn, rượu cũng sản sinh ra mùi đặc trưng từ quá trình lên men malt hoặc từ sự bay hơi của các chất ete, aldehyde, nhưng nồng độ thấp, ít gây



ảnh hưởng đến môi trường cũng như sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất.

Hàng ngày, Công ty phát sinh khoảng 10 m³ nước thải sinh hoạt, được thu gom, xử lý cạn hữu cơ tại hệ thống bể tự hoại 3 ngăn rồi chảy về hệ thống xử lý nước thải (XLNT) của Công ty, công suất thiết kế 1.200 m³/ngày, đêm để xử lý trước khi đưa về hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài. Nước thải sản xuất chủ yếu phát sinh từ quá trình lọc bã hèm, rửa chai trong phân xưởng chiết, vệ sinh máy móc và nền sàn trong các phân xưởng, với tổng lượng khoảng 600 m³/ngày, đêm. Sau khi tách các chất thải rắn, nước thải được dẫn về hố thu gom, qua song chắn rác vào ngăn ổn định pH bằng hệ thống bơm chìm rồi tự chảy vào bể điều hòa. Khi đã ổn định lưu lượng và nồng độ, nước thải được bơm lên bể phản ứng sinh học kỵ khí bằng hệ thống các bơm chìm, nước được phân phối ngược từ dưới đi lên và tại đây xảy ra 2 quá trình xử lý: Quá trình Acid hóa (chuyển hóa các chất hữu cơ phức tạp thành các acid béo bậc thấp như acid béo, cồn, glycerine, acid amin, aceton, H₂S, CO₂, H₂... nhờ các vi khuẩn tùy tiện và vi khuẩn yếm khí); Quá trình metan hóa (chuyển hóa các sản phẩm trung gian trên thành metan (CH₄), H₂S, CO₂ nhờ các vi khuẩn yếm khí). Tiếp đó, nước thải chảy qua các bể xử lý hiếu khí theo mẻ SBR, được cung cấp ô xy đều cho vi sinh hiếu khí phát triển. Các vi khuẩn hiếu khí sử dụng chất hữu cơ phân hủy để tổng hợp thành tế bào mới, đồng thời ô xy hóa chất hữu cơ, tạo ra năng lượng duy trì sự hoạt động của tế bào vi khuẩn và làm giảm nồng độ ô nhiễm. Kết thúc chu kỳ sục khí, nước

thải được lắng tách bùn và đưa vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài. Một phần bùn lắng được duy trì tại bể để tiếp tục xử lý hiếu khí cho mẻ kế tiếp, phần còn lại cùng với bùn lắng ở bể phản ứng sinh học kỵ khí được đưa về bể chứa tách nước và đưa đi xử lý.

Đối với chất thải nguy hại, Công ty tiến hành đăng ký chủ nguồn thải, thực hiện thu gom, lưu trữ, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ TN&MT và đã được Sở TN&MT Bình Định cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

Từ những đóng góp tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như sự nỗ lực, cố gắng trong công tác BVMT, Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2001); Huân chương Lao động hạng Hai (2004); Cờ Thi đua xuất sắc của Chính phủ (các năm 1999, 2000, 2003); Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam công nhận là Doanh nghiệp đạt

Tiêu chí Chương trình "Vì Môi trường Xanh Quốc gia" năm 2014; UBND tỉnh Bình định trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp xanh, liên tục các năm 2013 - 2014, 2015 - 2016. Đặc biệt, tháng 5/2017, được Bộ TN&MT trao Giải thưởng "Môi trường Việt Nam giai đoạn 2014 - 2016".

Để có được thành công này, những năm qua, Ban Lãnh đạo Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn không ngừng nỗ lực, chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất hàng năm; Thực hiện tiết kiệm trong từng công đoạn sản xuất để tiết giảm giá thành sản phẩm và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, phối hợp với tổ chức Công đoàn, phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng sáng tạo, cử cán bộ kỹ thuật sang Đức tu nghiệp trung và dài hạn, có cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn. Mặt khác, đời sống người lao động cũng luôn được quan tâm cải thiện, không chỉ được hưởng đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cán bộ, công nhân viên giỏi còn có chế độ khen thưởng, du lịch, tham gia các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ...

Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với việc củng cố và giữ vững thị trường, thời gian tới, Ban Lãnh đạo Chi nhánh Công ty sẽ tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác, mở rộng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp mạnh trong ngành, nhằm tạo sự ổn định và phát triển bền vững ■

LINH HUỆ



▲ Hệ thống xử lý nước thải của Công ty



Cộng đồng là chủ thể bảo tồn đa dạng sinh học

GS.TSKH ĐẶNG HUY HUỖNH

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) thông qua việc ban hành các định chế liên quan tới quản lý và bảo tồn nguồn gen; khoanh vùng, đầu tư các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên... Tuy nhiên, trong công tác bảo tồn ĐDSH rất cần sự tham gia của cộng đồng. Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích cộng đồng trồng những loài cây lương thực, cây thuốc, nấm quý và nhân nuôi các loài động vật hoang dã.... Đây là giải pháp tốt nhất để bảo tồn và phát triển ĐDSH bền vững.

Bảo tồn chuyển chỗ là một trong những biện pháp quan trọng làm giảm sức ép bảo tồn tại chỗ, rất có hiệu quả trong bảo tồn và phát triển ĐDSH. Nhà nước cần khuyến khích cộng đồng đầu tư tiền bạc, công sức vào bảo tồn, phát triển các loài động, thực vật và vi sinh vật, trên cơ sở gắn kết với quyền lợi của cộng đồng. Từ việc nhân nuôi thành công hươu sao vào những năm 1980 của thế kỷ XX, cho đến sự kiện bảo tồn Cây Di sản do Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam khởi xướng và tổ chức trong thời gian gần đây, có thể khẳng định rằng, cộng đồng có vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và phát triển ĐDSH.

Hiện nay, hầu hết các nguồn gen vật nuôi và cây trồng của nước ta đang được lưu giữ trong các vườn, trang trại của người dân. Một số doanh nhân ở nhiều địa phương đã phối hợp với các nhà khoa học đầu tư nhân nuôi các loài động, thực vật hoang dã để phát triển kinh tế, đồng thời góp phần bảo tồn nguồn gen. Điển hình là việc nhân giống các vật nuôi như: lợn ỉ, lợn Móng Cái, lợn sóc Tây Nguyên, chó Phú Quốc, gà ri, gà chín cựa Phú Thọ, gà Đông Tảo (Hưng Yên), gà hồ (Bắc Ninh), cừu Phan Rang.

Bên cạnh việc nhân nuôi các loài khi, vườn tại các trung tâm cứu hộ động vật hoang dã của Nhà nước thì có rất nhiều loài động vật hoang dã như hươu sao, nhím, rắn hổ mang, rắn ráo trâu, gà lôi lam, trĩ mào đỏ, sâm cầm... đang được người dân nhân nuôi và “cứu” chúng khỏi sự tuyệt chủng, trong khi các nhà khoa học, cơ quan quản lý đang đưa ra



▲ Du khách tham quan Trung tâm Bảo tồn Linh trưởng tại Cúc Phương - một trong những nơi bảo tồn nguồn gen quý hiếm



▲ Mô hình nuôi hươu sao cho giá trị kinh tế cao

các quan điểm là “có cho nuôi nhốt động vật hoang dã hay không?”. Điều này cần có các mô hình cụ thể từ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề này.

Từ thực tế cho thấy, vào những năm 20, 30 của thế kỷ XX, nhân dân vùng Hương Sơn, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) đã săn bắt hươu rừng đem về nuôi thuần dưỡng trong gia đình. Nhận thấy giá trị kinh tế, sinh học của loài thú quý, năm 1976, Viện Sinh thái Tài nguyên Sinh vật (Viện Khoa học Việt Nam) đã phối hợp với Viện Chăn nuôi Quốc gia hỗ trợ kỹ thuật cho các trang trại quốc doanh và tư nhân nhân nuôi hươu thử nghiệm. Trải qua bao thử thách, nghề nuôi hươu sao gia đình ngày càng phát triển có hiệu quả, với số lượng cá thể tăng gấp

hàng chục lần so với gần 100 năm trước. Tương tự, vào những năm giữa thế kỷ XX, loài rắn hổ mang cũng đứng bên bờ tuyệt chủng, nhưng nhờ có chính sách khuyến khích của địa phương và sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà khoa học thuộc Chương trình Khoa học trọng điểm của Nhà nước “Sinh học phục vụ nông nghiệp”, từ năm 1981, nghề nuôi rắn hổ mang đã ra đời và lan rộng khắp cả nước, đem lại hiệu quả kinh tế cao và lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

Như vậy, có thể khẳng định, công tác bảo tồn và phát triển ĐDSH sẽ phát triển bền vững nếu biết huy động nguồn lực và sức mạnh của cộng đồng bằng những chính sách phù hợp cùng với sự quản lý chặt chẽ■



Phát huy hiệu quả từ các mô hình cộng đồng dân cư bảo vệ môi trường tại Quảng Trị

Trong những năm qua, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã được các cấp, ngành đặc biệt quan tâm. Bên cạnh các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, còn có sự tham gia đóng góp tích cực của các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng trong công tác BVMT, giúp cho “bức tranh môi trường” nông thôn tại Quảng Trị ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp.

LAN RỘNG Ý THỨC BVMT TỪ CÁC TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ

Trước những thách thức về các vấn đề môi trường hiện nay, sự tham gia của cộng đồng vào BVMT là một trong những giải pháp quan trọng trong công tác quản lý, BVMT ở Quảng Trị. Thời gian qua, các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh...) đã tích cực phát động nhiều phong trào BVMT thông qua các hoạt động tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng mô hình BVMT. Các mô hình đã có tác dụng lan tỏa, góp phần thực hiện các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Trong đó, một số mô hình BVMT dựa vào cộng đồng; tự chủ, tự quản về BVMT đã hoạt động hiệu quả như mô hình tổ thu gom rác thải, lồng ghép xóa đói giảm nghèo với BVMT, vệ sinh môi trường, BVMT trong sản xuất nông nghiệp...

Thực hiện Nghị quyết liên tịch số 02/2005/NQLT-HND-BTNMT giữa Bộ TN&MT với Hội Nông dân Việt Nam, những năm qua, Sở TN&MT Quảng Trị đã phối hợp với Hội Nông dân tỉnh triển khai nhiều mô hình BVMT như xử lý nước thải làng nghề sản xuất bún (xã Cam An, huyện Cam Lộ) bằng chế phẩm sinh học EM; nuôi lợn kết hợp nuôi cá sử dụng chế phẩm EM để xử lý môi trường tại hộ gia đình (xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ); xử lý chất thải trong chăn nuôi gia súc thành phân hữu cơ vi sinh tại xã Cam Chính, Cam Nghĩa (Cam Lộ); nuôi tôm thâm canh công nghiệp có sử dụng chế phẩm sinh học Biowish tại xã Vĩnh Lâm (Vĩnh Linh), xã Triệu Lăng (Triệu Phong), xã Cam Thanh (Cam Lộ)... Những mô hình trên đã góp phần hạn chế, ngăn ngừa gia tăng ô



▲ Đoàn viên thanh niên thị xã Quảng Trị thu dọn cỏ trên đoạn đường Thanh niên tự quản

nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện môi trường nông thôn, nâng cao đời sống người dân.

Là một trong những tổ chức Hội có nhiều điểm sáng trong BVMT, Hội Phụ nữ Quảng Trị đã có nhiều hoạt động thiết thực nhằm phát huy vai trò chủ lực của phụ nữ trong công tác BVMT, đồng thời, chủ động kết nối, huy động nguồn lực hỗ trợ hội viên phụ nữ chuyển đổi ngành nghề, phát triển kinh tế. Năm 2016, Hội Phụ nữ Quảng Trị đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lồng ghép tuyên truyền cho 26.969 cán bộ, hội viên về BVMT, sử dụng kiết kiem, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ sinh học vào chăn nuôi để BVMT. Song song với công tác tuyên truyền về BVMT, Hội Phụ nữ tỉnh đã tổ chức ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom rác thải tại các trục đường thôn xóm,

khu dân cư, khu vực chợ; vận động hội viên phụ nữ tham gia phát động phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” làm vệ sinh đường làng, ngõ xóm, thu gom chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại đồng ruộng; xây dựng hố rác tại nhà, đổ rác đúng nơi quy định, trồng cây xanh, cây cảnh tại các khuôn viên cơ quan, trường học, công sở... Để thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, trong những năm qua, Hội Phụ nữ tỉnh đã phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức Hội thi Phụ nữ Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới tại huyện Gio Linh, huy động hàng trăm hội viên tham gia hưởng ứng. Đặc biệt, Hội đã chú trọng xây dựng các mô hình BVMT phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng vùng miền. Trong năm 2016, Hội đã thành lập được 3



câu lạc bộ “Phụ nữ hạn chế sử dụng túi ni lông” với 90 hội viên tại xã Hải Phú (Hải Lăng); xã Vĩnh Long (Vĩnh Linh) và phường 5, TP. Đông Hà; 1 tổ thu gom rác thải tự quản tại xã Triệu Lăng (Triệu Phong). Tại cấp hội cơ sở, thông qua phối hợp với Phòng TN&MT huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ các xã đã thành lập 71 tổ thu gom rác thải tự quản tại 6 huyện, thị xã, nâng tổng số mô hình tổ thu gom rác thải tự quản lên 427 tổ.

Phát huy tinh thần xung kích của tuổi trẻ, những năm qua, Tỉnh đoàn Quảng Trị đã tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng thiết thực và có ý nghĩa, đặc biệt là tham gia BVMT, được các cấp chính quyền, người dân đánh giá cao. Theo đó, Tỉnh đoàn đã tập trung thực hiện các nội dung trong phong trào xây dựng văn minh đô thị, chung tay, góp sức BVMT quê hương: Tổ chức các hoạt động truyền thông trong Chiến dịch tổng vệ sinh môi trường, Tháng Thanh niên, các ngày lễ về môi trường với hình thức đa dạng; hội thi với chủ đề “Thanh niên chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và BVMT”, các cuộc thi vẽ tranh của thiếu nhi về BVMT; Tổ chức 2 lớp tập huấn về BVMT tại huyện Hải Lăng và Vĩnh Linh với sự tham gia của 100 tuyên truyền viên, đoàn viên thanh niên; thành lập 1 đội thanh niên tình nguyện thu gom rác thải. 100 % các huyện, thị, thành đoàn và Đoàn trực thuộc tổ chức đồng loạt “Ngày chủ nhật xanh” vào ngày 24/7/2016 với nhiều hoạt động như: Tuổi trẻ Hải Lăng với hoạt động vớt bèo khơi thông dòng chảy trên sông Vĩnh Định; tuổi trẻ Gio Linh ra quân diệt hơn 5 tạ ốc bươu vàng hại lúa; tuổi trẻ Cam Lộ thu gom hơn 1 tấn rác và phát quang cây bụi dọc hai bên đường... Các hoạt động được tổ chức thiết thực, hiệu quả đã tác động tích cực đến nhận thức và giúp thay đổi hành vi trong BVMT của mỗi đoàn viên, thanh niên, từ đó, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ đến người dân.

Bên cạnh đó, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có nhiều tổ chức trong và ngoài nước đang triển khai các dự án về BVMT, đây là cơ hội lớn để kêu gọi sự tài trợ của các tổ chức để hỗ trợ triển khai mô hình BVMT, trong đó có Tổ chức Tầm nhìn Thế giới tại Việt Nam. Từ năm 2013, Tổ chức đã hỗ trợ tỉnh triển khai Dự án thúc đẩy các mô hình BVMT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, qua đó góp phần nâng số hộ gia đình tham gia mô hình BVMT: bếp đun không khói, bioga; canh tác tự nhiên; trồng rau xanh an toàn; xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau

khi sử dụng; xóa bỏ thói quen sinh hoạt mất vệ sinh... Đồng thời, nâng cao vai trò, trách nhiệm, cũng như sự tham gia tích cực của chính quyền địa phương và người dân trong BVMT tại địa phương, cải thiện năng lực thực hành tiết kiệm trong các hộ gia đình.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC MÔ HÌNH BVMT

Thời gian qua, công tác phối hợp giữa Sở TN&MT Quảng Trị với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong công tác BVMT đã đem lại những kết quả quan trọng, thu hút sự quan tâm ủng hộ và tham gia nhiệt tình của các cấp, ngành, cộng đồng dân cư. Từ những mô hình đó đã có nhiều phong trào, cuộc vận động đa dạng, thiết thực về BVMT được hình thành trên các địa bàn dân cư. Qua đó, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng đối với môi trường địa phương; tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành vi của người dân về BVMT. Các hộ gia đình đã tự nguyện thu gom rác vào nơi tập trung để đem đến nơi tập kết; chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm đảm bảo vệ sinh. Nhiều nơi đã lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ BVMT làm một trong những tiêu chí để đánh giá, bình xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”. Kết quả đã góp phần tích cực trong việc hoàn thành các tiêu chí môi trường trong Chương trình xây dựng nông thôn mới của các địa phương.

Tuy nhiên, trong hoạt động của các mô hình vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền trong triển khai xây dựng các mô hình điểm về

BVMT chưa đồng đều, có nơi còn giao khoán công việc cho các tổ chức, đoàn thể; công tác tuyên truyền, vận động BVMT chưa sâu rộng; sự phối hợp thông tin về BVMT giữa các ngành, tổ chức đoàn thể còn hạn chế; ý thức BVMT chưa tạo thành thói quen, nếp sống của phần lớn người dân; kinh phí triển khai các hoạt động BVMT còn hạn chế, chưa thể nhân rộng ở nhiều địa phương.

Để thúc đẩy xã hội hóa công tác BVMT, tiếp tục xây dựng và nhân rộng mô hình điểm về BVMT trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, các cấp chính quyền cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của mỗi người dân, gia đình, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BVMT; vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước về BVMT; phát động các phong trào tự quản, giám sát của nhân dân, giải quyết kịp thời các tranh chấp, mâu thuẫn lợi ích trong sử dụng tài nguyên; tăng cường sự đồng thuận của xã hội đối với công tác quản lý TN&MT. Mặt khác, các địa phương cần huy động nhiều nguồn lực xã hội để xây dựng, duy trì những mô hình đang hoạt động và nâng cao ý thức BVMT của người dân; đồng thời xây dựng các mô hình cộng đồng tham gia BVMT gắn với từng đối tượng cụ thể, có cơ chế khuyến khích, động viên, khen thưởng đối với các mô hình hoạt động hiệu quả ■

PHƯƠNG TÂM



VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ:

Bảo tồn hiệu quả các loài động, thực vật quý hiếm, đặc hữu



▲ Loài Sơn dương tại VQG Cát Bà

Vườn Quốc gia (VQG) Cát Bà nằm trên địa bàn TP. Hải Phòng, có diện tích 17.362,96 ha (phần đảo: 10.972,51 ha; phần biển: 6.450,45 ha), là vùng lõi của Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Quần đảo Cát Bà được Tổ chức Văn hóa - Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận vào năm 2004. Nơi đây có giá trị cao về đa dạng sinh học (ĐDSH), với nhiều loài động thực vật quý, hiếm đặc hữu.

NHỮNG GIÁ TRỊ ĐDSH

VQG có 3 hệ sinh thái (HST), gồm trên cạn, đất ngập nước và biển. Đây là các HST có tính đại diện cao, với nhiều loài đặc hữu. Theo thống kê, VQG có trên 1.561 loài thực vật, thuộc 842 chi, 186 họ (nhóm cây gỗ 408 loài, cây dược liệu 661 loài, cây làm cảnh 203 loài); 279 loài động vật (53 loài thú, 160 loài chim, 66 loài bò sát),

trong đó có 21 loài đặc hữu và 76 loài nằm trong Danh lục đỏ của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN). Đặc biệt, VQG Cát Bà là nơi duy nhất còn có một quần thể voọc với 50 cá thể. Ngoài ra, VQG còn ghi nhận 274 loài côn trùng, tạo nên sức hấp dẫn và sự đa dạng cho quần đảo.

Do môi trường đặc biệt của địa chất Caxto, nơi đây còn tồn tại 19 loài dơi, trong đó có 4 loài nằm trong Danh lục đỏ IUCN. Mới đây, các nhà khoa học đã phát hiện thêm 2 loài mới, đó là loài dơi xám mũi lớn, dơi nếp mũi Grip - phin. Bên cạnh đó, VQG Cát Bà còn có 1.313 loài sinh vật biển, trong đó 196 loài cá biển, 538 loài động vật đáy, 89 loài động vật phù du, 189 loài thực vật phù du, trên 75 loài rong biển và 193 loài san hô.

BẢO TỒN CÁC LOÀI ĐỘNG, THỰC VẬT QUÝ HIẾM, ĐẶC HỮU

Trong những năm gần đây, tình trạng săn bắt động vật hoang dã, khai thác tài nguyên thiên nhiên không bền vững vẫn diễn ra ở các vùng đệm đã làm cho nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng. Bên cạnh đó, người dân phát triển nuôi trồng thủy

hải sản một cách ồ ạt, không có quy hoạch gây khó khăn cho công tác quản lý, gây ô nhiễm môi trường biển, làm suy giảm diện tích rừng ngập mặn. Ngoài ra, các tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch làm phá vỡ cảnh quan, cùng với tiếng ồn của phương tiện vận chuyển khách tham quan, gây ảnh hưởng đến đời sống động vật hoang dã...

Để khắc phục tình trạng trên, Ban quản lý (BQL) VQG đã phối hợp với Hạt kiểm lâm tổ chức các hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, bảo vệ rừng. Hệ thống các trạm kiểm lâm được xây dựng kiên cố trên toàn đảo, với hơn 60 người, được bố trí thành 12 tổ, trong đó có một tổ kiểm lâm cơ động và 10 trạm kiểm lâm. Tính đến nay, các trạm kiểm lâm đã phát hiện, trục xuất 304 đối tượng, thu 1.550 các loại bẫy thú; thu giữ, tiêu hủy 2.150 m lưới, 80 cọc tre đánh bắt chim di cư. Ngoài ra, các trạm kiểm lâm, BQL VQG phối hợp với Dự án bảo tồn voọc Cát Bà xây dựng kế hoạch người gác voọc, thực hiện 300 buổi/năm, phá trên 160 bẫy các loại/năm; triển khai bảo vệ voọc chặt chẽ trên 4 khu vực chính: Hang Cái, Cái Minh, Việt Hải, Cửa Đông.



▲ Voọc Cát Bà là loài quý, hiếm, đặc hữu có nguy cơ tuyệt chủng cao

Công tác nghiên cứu khoa học được BQL VQG Cát Bà đẩy mạnh, với 18 chương trình, dự án được thực hiện, chủ yếu tập trung vào các loài nguy cấp, quý hiếm và xây dựng các mô hình ứng dụng. Điển hình là đề tài: “Thực nghiệm nhân giống và trồng cọ Hạ Long (từ năm 2007 - 2010). Loài cọ Hạ Long được các nhà khoa học phát hiện vào năm 1999, được đánh giá là loài có giá trị về nguồn gen đặc hữu. BQL VQG đã nhân giống và trồng thành công cây cọ Hạ Long từ hạt. Đây được coi là thành công bước đầu trong công tác bảo tồn các loài thực vật đặc hữu của VQG. Bên cạnh đó, từ năm 2008 đến năm 2012, BQL VQG đã đánh giá thực trạng các loài cây gỗ quý, hiếm trên đảo. Qua điều tra cho thấy, nhóm cây gỗ quý hiếm và cây làm thuốc đang bị suy giảm nghiêm trọng như xương cá, vương tùng, trám đen, lát hoa, sồi đĩa, dẻ bán cầu, kim giao, xạ đen... Từ đó, các nhà khoa học thực hiện đề tài đã tiến hành nhân giống các loài này bằng phương pháp nuôi cấy tế bào và trồng trong môi trường tự nhiên. Kết quả đánh giá, các cây đều sinh trưởng tốt, có thể tiến hành trồng đại trà trong Vườn.

Để bảo tồn một số loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng, BQL VQG đã thực hiện Đề

tài “Bảo tồn nguồn gen loài sơn dương, giai đoạn 2012 - 2015”. Đây là loài thú móng guốc lớn nhất còn phân bố ở Cát Bà. Hiện chỉ còn khoảng 21 cá thể ở VQG Cát Bà. Sau khi nghiên cứu thực trạng và tìm ra các mối đe dọa đến loài sơn dương, các nhà khoa học đã đưa ra ứng dụng bản đồ số, bẫy ảnh và máy định vị GPS vào thực tiễn; Ưu tiên khoanh nuôi, phục hồi những phần rừng ven các khu bảo tồn... Cùng với đó, BQL VQG đã triển khai Dự án “Bảo tồn loài voọc Cát Bà”. Hiện nay, số lượng voọc Cát Bà chỉ còn khoảng 50 cá thể, là loài có nguy cơ tuyệt chủng cao. Để bảo vệ loài này, Dự án tập trung khảo sát đặc điểm, sinh thái, sinh cảnh của loài voọc Cát Bà. Trên cơ sở đó lập kế hoạch, biện pháp bảo vệ, đồng thời,

nâng cao nhận thức của cộng đồng và năng lực của cán bộ kiểm lâm. Bên cạnh đó, Dự án tiến hành nhân giống voọc Cát Bà. Kết quả là từ năm 2014 đến nay đã có 16 con voọc được sinh ra, trong đó có 13 con sống sót, mang đến những hy vọng về một quần thể voọc phục hồi trong tương lai.

Để bảo tồn những giá trị ĐDSH tại VQG Cát Bà, trong thời gian tới BQL sẽ tiếp tục phối hợp với các ban ngành, chính quyền địa phương phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng khai thác tài nguyên rừng trái phép; Chú trọng bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm; Tăng cường các hoạt động điều tra, giám sát động, thực vật rừng để phát hiện các loài ngoại lai xâm hại, ảnh hưởng đến các loài bản địa.

Cùng với đó, BQL thực hiện các chương trình nghiên cứu phục hồi tài nguyên rừng; bảo tồn nguồn gen; Thiết lập hệ thống giám sát ĐDSH; Phát hiện các loài mới, định vị các loài quý hiếm làm cơ sở để có biện pháp bảo tồn hợp lý; Xác định các địa điểm có sự phân bố nhiều loài thú, bò sát, lưỡng cư và côn trùng để ưu tiên bảo tồn; Thu hút các tổ chức trong, ngoài nước tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, BQL phối hợp với Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên các xã ở vùng đệm đẩy mạnh hoạt động thu gom và xử lý rác thải tại các đường mòn trong VQG; Tăng cường các hoạt động nhận thức cộng đồng bảo vệ giá trị ĐDSH.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG



KHU BẢO TỒN SAO LA THỪA THIÊN - HUẾ:

Điểm dừng chân lý tưởng của các loài động vật hoang dã

HOA VŨ

Đại học Lâm nghiệp

Được thành lập từ năm 2013, với diện tích hơn 15,5 nghìn ha, trên địa bàn 3 xã Hương Nguyên (huyện A Lưới), Thượng Quảng, Thượng Long (huyện Nam Đông), Khu Bảo tồn (KBT) Sao la Thừa Thiên - Huế là nơi ẩn chứa nhiều giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) độc đáo.

GIÁ TRỊ ĐA DẠNG SINH HỌC

KBT Sao la Thừa Thiên - Huế có hệ động, thực vật phong phú, chứa đựng nguồn gen đa dạng của hơn 1.200 loài động, thực vật. Đến nay, KBT vẫn giữ lại được diện tích lớn rừng kín thường xanh nhiệt đới, là nơi sống của nhiều loài chim, thú quý hiếm, những khu rừng nguyên sinh kéo dài từ A Roàng (A Lưới, Thừa Thiên - Huế) đến Quảng Nam với nhiều thác cao, vực sâu.

Bên cạnh đó, nơi đây còn có sự hiện diện của nhiều loài thú lớn, có giá trị bảo tồn toàn cầu mới được phát hiện trên thế giới như mang lớn, mang Trường Sơn... Đặc biệt, KBT còn là nơi sinh sống của sao la - một trong những loài động vật bí ẩn nhất thế giới. Sao la đã tồn tại từ lâu cùng với sự hình thành và kiến tạo dải rừng Trường Sơn hùng vĩ, nhưng đến năm 1992, sao la mới được phát hiện bởi một nhóm các nhà khoa học của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ NN&PTNT) và WWF khi nghiên cứu ĐDSH rừng tại Vườn quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh), gần biên giới Việt Nam và Lào. Đó là phát hiện đầu tiên về loài động vật có vú lớn trên thế giới trong vòng 50 năm, một trong những phát hiện về loài tuyệt vời nhất trong thế kỷ XX.

Sao la thuộc nhóm thú sừng rỗng trông giống loài linh dương, còn được gọi là kỳ lân châu Á, với hai cặp sừng song song, nhọn dần về phía cuối và có thể dài tới 50 cm. Sách đỏ của Liên minh Bảo tồn Thế giới (IUCN) và Sách đỏ Việt Nam đã xác định, sao la là loài có nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên rất cao. Hiện nay, trên thế giới, ước tính chỉ còn không quá 250 con và trên thực



▲ Sao la đã được phát hiện lần đầu tiên tại Thừa Thiên - Huế vào năm 1988



▲ KBT Sao la Thừa Thiên - Huế

tế có thể thấp hơn nhiều. Tại Thừa Thiên - Huế, năm 1998, 2 cá thể sao la được phát hiện, đánh dấu mốc quan trọng đối với sự phân bố của loài thú này trên bản đồ ĐDSH của tỉnh, bao gồm 1 con đực (52 kg) xuất hiện tại thôn Hộ, xã Dương Hòa, huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy) và 1

con cái đang mang thai (80 kg) tại khu vực rừng của xã Hương Nguyên, huyện A Lưới. Năm 1999, 1 con sao la con có trọng lượng 10 kg đã xuất hiện tại bản Bụt, xã Hương Nguyên. Các phát hiện này đã đóng góp quan trọng trong lĩnh vực ĐDSH không chỉ đối với Việt Nam, mà còn trên thế giới.



NHỮNG NỖ LỰC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN ĐDSH

Ngày 30/3/2014, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế quyết định thành lập Hạt kiểm lâm KBT Sao la trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh. Hạt kiểm lâm có nhiệm vụ bảo tồn quần thể sao la, 2 loại thú móng guốc là mang lớn và mang Trường Sơn, cũng như các loài động, thực vật đặc hữu và quý hiếm khác; bảo vệ diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh đất thấp còn sót lại ở khu vực Trung Trường Sơn; bảo tồn ĐDSH, các loài, nguồn gen và sinh cảnh, cảnh quan của các khu rừng...

Nhằm ngăn chặn tình trạng sao la bị mắc bẫy của thợ săn đặt để bắt các loài động vật khác, với sự hỗ trợ của WWF tại Việt Nam, mô hình đội tuần tra bảo vệ rừng đã được thành lập. Đây là cách tiếp cận mới trong công tác bảo tồn ĐDSH rừng. Sau gần 5 năm triển khai, các đội bảo vệ rừng đã tiến hành tuần tra, tháo dỡ hơn 60 nghìn giấy bẫy thú rừng, phá hủy hơn hàng chục lán trại trái phép, cứu hộ thành công và thả về rừng nhiều loài động vật quý hiếm như voọc chà vá chân nâu, mang Trường Sơn, sơn dương... Đây là nỗ lực đáng ghi nhận trong công tác bảo tồn các loài động vật hoang dã (ĐVHD), bảo vệ tài nguyên rừng.

Cùng với việc tuần tra bảo vệ rừng, các đội tuần tra thường xuyên phối hợp với các chuyên gia bảo tồn tiến hành các hoạt động giám sát ĐDSH, thực hiện nhiều cuộc khảo sát, duy trì chương trình đặt 50 bẫy ảnh để ghi nhận hình ảnh các loài ĐVHD quý hiếm, thu nhận mẫu phân, mẫu vết, xét nghiệm ADN trong máu vết. Qua đó, phát hiện nhiều loài quý hiếm như thỏ vằn, mang lớn, mang Trường Sơn... đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác bảo tồn loài sao la nói riêng, ĐVHD nói chung tại Việt Nam.

Mặc dù, đã đạt được những thành công nhất định trong công tác bảo tồn ĐDSH, song vẫn còn những thách thức cho KBT Sao la Thừa Thiên - Huế. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để cân bằng được những lợi ích phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với việc lưu giữ những cánh rừng nguyên sinh còn sót lại - nơi trú ẩn của các loài muông thú hoang dã? Hy vọng trong thời gian tới, KBT Sao la Thừa Thiên - Huế vẫn là điểm dừng chân lý tưởng của các loài ĐVHD. ■

Bảo tồn và phát triển cây quế Trà My ở Quảng Nam

TRẦN THU TRANG

Học viện Nông nghiệp Việt Nam



▲ Cây quế cổ thụ ở độ cao hơn 1.000 m trên đỉnh núi Ngọc Linh

Cây quế Trà My là loài cây được trồng tập trung ở 4 huyện (Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước và Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam), với diện tích khoảng 4.560 ha. Trong đó, thôn 2, xã Trà Vân, huyện Nam Trà My là một trong những địa phương có nghề trồng quế nổi tiếng nhất của tỉnh. Trên đỉnh núi Ngọc Linh có khu rừng quế cổ thụ trên 100 năm tuổi, được người dân tộc thiểu số Cà Dong gìn giữ từ bao đời nay. Khu rừng quế cổ thụ không chỉ cho thu hoạch lượng tinh dầu cao, chất lượng, mà còn cung cấp hạt giống dồi dào với nguồn gen bản địa quý, hiếm, làm tăng độ che phủ rừng và giúp người dân xóa đói giảm nghèo.

Cây quế là loài thân gỗ, có tên khoa học là *Cinnamomum*, phân bố chủ

yếu dọc theo sườn Đông dãy Trường Sơn, nhất là phía Bắc Trung bộ từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi, với nhiều loài như quế thanh, quỳ, quảng, bì... Cây quế trưởng thành có thể cao 15 m, thân cây tròn đều, vỏ ngoài màu xám, hơi nứt rạn theo chiều dọc. Quế ra hoa vào tháng 4, 5 với từng chùm, có màu trắng hay phớt vàng, quả chín vào tháng 1, 2 năm sau. Cây quế có bộ rễ phát triển mạnh, rễ cọc cắm sâu vào lòng đất, vì vậy, quế có khả năng sinh sống tốt trên các vùng đồi núi dốc. Trong các bộ phận của cây quế như vỏ, lá, hoa, gỗ, rễ đều có chứa tinh dầu, đặc biệt trong vỏ có hàm lượng tinh dầu cao nhất, có khi đạt đến 4 - 5%. Tinh dầu quế có màu vàng, thành phần chủ yếu là Aldehyt Cinamic chiếm khoảng 70 - 90%. Tinh dầu quế là một vị thuốc



▲ Cán bộ Kiểm lâm xã Trà Vân phối hợp với người dân tuần tra, bảo vệ những cây quế cổ thụ

quý được dùng nhiều trong Đông y và Tây y, có tác dụng làm tăng tuần hoàn máu, gây co mạch, tăng bài tiết, gây co bóp tử cung, sát trùng, chữa đau bụng, đi tả. Hiện quế Trà My được gọi là “cao sơn ngọc quế”, được thế giới ưa chuộng, có giá trị cao so với các loại quế khác, nên trên thị trường giá bán mỗi kg quế Trà My loại khô, dạng kẹp là 60.000 đồng/kg. Vì cây quế cho giá trị kinh tế như vậy, nên trong thời gian qua, đã xảy ra tình trạng “quế tặc” trên địa bàn.

Để bảo tồn và phát triển cây quế Trà My, năm 2017, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quy hoạch và phát triển cây quế Trà My đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Với mục tiêu, phấn đấu đến năm 2025 sẽ phát triển và ổn định vùng nguyên liệu với diện tích trồng cây quế Trà My đạt 7.777 ha, trong đó, trồng mới là 4.017 ha và 3.760 ha diện tích hiện có, đến năm 2003, diện tích trồng quế đạt 10.000 ha. Theo đó, huyện Nam Trà My là chủ lực trong 4 địa phương của tỉnh quy hoạch phát triển cây quế, với diện tích hiện có là 2.641 ha, trồng mới khoảng 3.000 ha. Thực hiện Quy hoạch trên, chính quyền huyện Nam Trà My đã xây dựng Đề án đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây quế, với diện tích hơn 2.864 ha. Đề án sẽ được triển khai tại 10/10 xã, trong đó 3 xã

Trà Mai, Trà Leng và Trà Đơn chiếm 1.888 ha. Giống quế được huyện chọn trồng là giống quế gốc Trà My, với mục tiêu đến năm 2020, nâng tổng diện tích trồng quế toàn huyện lên 6.000 ha (2.796 ha tập trung và 3.206 ha phân tán), trong đó hơn 2.500 ha vùng chuyên canh. Hàng năm, sẽ cung ứng ra thị trường hơn 3.600 tấn vỏ quế và 16.000 tấn cành, lá, nhánh để phục vụ cho nhu cầu chế biến sản phẩm thủ công mỹ nghệ, chưng cất tinh dầu. Toàn bộ sản lượng quế thu hoạch nằm trong vùng Dự án sẽ cung cấp cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh, các cơ sở chế biến quế nhỏ lẻ và các thương lái trong, ngoài tỉnh.

Thời gian tới, nhằm quản lý phát triển, mở rộng vùng chuyên canh quế, bảo tồn nguồn gen quý, tạo nên hệ sinh thái đa dạng về thành phần loài, giữ vững vốn rừng hiện có, đồng thời, đẩy mạnh công tác xã hội hóa nghề rừng ở địa phương, tỉnh Quảng Nam đã đề ra một số giải pháp như: Hồ

trợ, tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư chế biến để nâng cao chất lượng và sản phẩm quế; Thực hiện chính sách ưu đãi về vốn vay và thuế cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển quế Trà My; Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng quy hoạch trồng quế dưới tán rừng nghèo; Khuyến khích người dân chuyển đổi diện tích cây trồng lâm nghiệp hiệu quả thấp sang trồng quế; Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng áp dụng các quy trình kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thu hái, bảo quản hạt giống và ương tạo cây giống; Khen thưởng những hộ nông dân sản xuất sản phẩm quế giỏi; Phát triển và quảng bá thương hiệu quế Trà My cho các thị trường trong, ngoài nước; Kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, chất lượng sản phẩm quế trong lưu thông, tiêu thụ, gắn tem nhãn, bao bì cho sản phẩm; Triển khai các đề tài khoa học nghiên cứu về chất lượng tinh dầu quế Trà My, góp phần bảo tồn nguồn gen bản địa...■



Sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải khí nhà kính - Hướng đi mới cho sản xuất lúa gạo tại Thái Bình

Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo là trụ cột sinh kế cho hơn 70% dân số nông thôn. Theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (BĐKH), nông nghiệp chiếm tới 33% tổng lượng phát thải khí nhà kính (KNK), trong đó sản xuất lúa gạo chiếm gần 50%.

Để giải quyết thách thức trên, Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) đã thiết kế Dự án “Sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải KNK AgResults” (AVERP) nhằm xây dựng, thử nghiệm, nhân rộng các công nghệ, công cụ, phương pháp tiên tiến, với mục tiêu giảm phát thải KNK trong quá trình canh tác, sản xuất lúa gạo, góp phần nâng cao sinh kế, BVMT, ứng phó với BĐKH. Do phần lớn lượng KNK phát thải ở giai đoạn chuẩn bị đất và trồng lúa nên Dự án tập trung chủ yếu vào các giải pháp giảm phát thải hiệu quả trong hai giai đoạn này. Các hoạt động của Dự án tập trung vào các nông hộ, nhà cung cấp đầu vào, nhóm hội, viện nghiên cứu, trường đại học, cơ quan nhà nước, hợp tác xã, tổ chức phi chính phủ và tổ chức phát triển, đây là những đơn vị có tiềm năng góp phần giảm phát thải KNK trong sản xuất lúa gạo. Đặc biệt, Dự án sử dụng “cơ chế kéo” - một cơ chế thưởng bằng tiền dựa trên kết quả nhằm đạt mục tiêu giảm phát thải KNK.

Sau khi khảo sát, Ban quản lý Dự án đã lựa chọn tỉnh Thái Bình là địa phương triển khai Dự án trong 5 năm (2016 - 2021). Khi kết thúc, Dự án có thể hỗ trợ phát triển sinh kế cho khoảng 75.000 hộ nông dân khu vực đồng bằng sông Hồng; Giảm 375.000 tấn CO₂ tương đương; Giảm khoảng 15% chi phí cho các nông hộ do sử dụng hiệu quả vật tư đầu vào; Đề xuất các phương pháp canh tác lúa giảm phát thải KNK bằng những biện pháp như dùng phân vi sinh, sử dụng công nghệ hiện đại, không đốt rơm...

Đặc biệt, cách thức thực hiện Dự án hoàn toàn mới, đó là không hỗ trợ kinh phí trước cho tổ chức, cá nhân mà tiến hành lựa chọn, thẩm định các giải pháp, đề tài sáng tạo xuất sắc, đáp ứng tiêu chí giảm thiểu BĐKH và nâng cao sinh kế cho người dân trồng lúa. Với tổng giải thưởng trị giá lên tới hơn 3 triệu USD, Dự án AVERP tại Việt Nam mang đến cơ hội bình đẳng cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tại Thái Bình.

Dự án được chia làm 2 giai đoạn chính. Giai đoạn 1 gồm hai vụ thử nghiệm được bắt đầu



▲ Lễ khởi động Dự án “Sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải KNK AgResults tại Việt Nam”

vào vụ mùa năm 2017, kéo dài đến vụ xuân năm 2018. Các đơn vị tham gia giải thưởng được lựa chọn (tối đa 15 đơn vị) sẽ thử nghiệm các giải pháp công nghệ trong 2 vụ này. Kết quả về sản lượng và phát thải KNK sẽ được Công ty Geo-Solutions kiểm định, SNV và Sở NN & PTNT tỉnh Thái Bình đồng giám sát. Những công nghệ hoặc phương pháp canh tác lúa được kiểm chứng và đạt hiệu quả cao nhất về giảm phát thải KNK, tăng năng suất sẽ được trao giải thưởng Sơ kết vụ 1 và giải Tổng kết giai đoạn thử nghiệm vào cuối vụ 2. Các công nghệ đáp ứng tiêu chí giảm phát thải KNK và tăng năng suất nhưng chưa đoạt giải cũng được chọn tham gia vào Giai đoạn 2. Giai đoạn 2 gồm 4 vụ liên tiếp, sẽ bắt đầu vào Vụ xuân năm 2019, kết thúc vào vụ mùa năm 2020. Các giải Sơ kết sẽ được trao vào cuối mỗi vụ của giai đoạn 2, giải Chung kết được trao vào cuối vụ thứ 6. Các giải thưởng sẽ được tính toán và xếp hạng theo thể lệ cuộc thi. Để giành được giải thưởng, các công nghệ cần chứng minh được hiệu quả về số lượng nông hộ, tiềm năng

sử dụng công nghệ, tổng lượng KNK được cắt giảm và mức tăng năng suất. Kết quả của 4 chỉ số này sẽ được Công ty Applied Geo-Solutions kiểm định.

Đến nay, sau 6 tháng công bố, Ban quản lý Dự án đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, lựa chọn được 11 đơn vị tham gia, với mục tiêu tìm các giải pháp làm giảm khí phát thải nhà kính, tạo môi trường sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững. Đồng thời, 11 giải pháp nông nghiệp bền vững đã được triển khai tại 11 xã trong tỉnh, bước đầu được đánh giá thực hiện theo đúng quy trình và tiến độ.

Dự án AVERP thực hiện tại tỉnh Thái Bình nằm trong Đề án AgResults, với sự đồng tài trợ của chính phủ các nước: Ôtôralia, Canada, Anh, Mỹ và Quỹ Bill & Melinda Gates. Tổng trị giá tài trợ là 122 triệu USD, với mục tiêu khuyến khích và trao thưởng cho các sáng kiến nông nghiệp mang lại tác động bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực, sức khỏe, dinh dưỡng toàn cầu, vì lợi ích của các nông hộ nhỏ.

NGUYỄN MINH DUY



CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC SÁN DÌU:

Phát triển sinh kế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

ThS. NGUYỄN XUÂN HÒA

Viện Địa lý nhân văn

ĐINH THỊ THANH

Trường Cao đẳng Sơn La



▲ Người dân tộc Sán Dìu gói bánh chưng gù vào các dịp lễ, Tết

Đạo Trù là một xã thuộc vùng đệm của Vườn quốc gia (VQG) Tam Đảo, Vĩnh Phúc, với 87,5% dân số là người dân tộc Sán Dìu. Tổ tiên của người Sán Dìu có nguồn gốc Trung Quốc, khi du nhập vào Việt Nam đã mang theo những kiến thức sinh kế truyền thống về trồng trọt, chăn nuôi và săn bắt, hái lượm, đặc biệt là những tri thức về BVMT.

Trải qua nhiều thế kỷ, đồng bào dân tộc Sán Dìu đã tích lũy kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp. Người Sán Dìu thường trồng lúa nước trên ruộng cạn, ở những đồi thấp, có độ dốc thấp thích hợp với mọi loại cây trồng. Với những ruộng lấy thụt nằm trong các thung lũng hẹp, lúc nào cũng có nước, người Sán Dìu không dùng trâu cày mà dùng cuốc rồi lấy chân dẫm cho nhuyễn, sau đó, mới cấy lúa. Để sản xuất nông nghiệp, người Sán Dìu tận dụng tối đa hệ thống mương và các ống tre để đưa nước vào các đồng ruộng phục vụ canh tác, làm giảm lượng nước thất thoát ra ngoài. Đối với nước sinh hoạt, họ sử dụng nước giếng, hoặc hệ thống máng dẫn từ các mạch suối ở rừng chày

về. Trong chăn nuôi, người Sán Dìu quan niệm rằng, muốn gia đình thịnh vượng thì phải nuôi đủ 7 loại gia súc, gia cầm là trâu, bò, chó, mèo, lợn, gà, vịt. Mỗi gia đình đồng bào dân tộc Sán Dìu thường nuôi hàng chục con lợn và hai loại gà ri (gà nhỏ), gà tổ (loại to hơn) để làm các mâm cơm cúng vào các dịp lễ, Tết. Ngoài ra, người Sán Dìu thường vào rừng khai thác gỗ và các sản vật từ rừng. Gỗ được khai thác quanh năm, nhưng thời gian khai thác nhiều nhất là vào mùa thu - đông. Người Sán Dìu ít khai thác gỗ vào mùa hè vì gỗ bị mối mọt, cong vênh, còn mùa xuân là thời điểm cây sinh trưởng và phát triển.

Ngày nay, để ổn định đời sống của đồng bào dân tộc

Sán Dìu, chính quyền xã Đạo Trù đã vận động bà con phát triển các loại hình sinh kế bền vững như phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đưa các giống mới có sức chống chịu sâu bệnh vào sản xuất và chăn nuôi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Cùng với đó, địa phương tập trung phát triển du lịch sinh thái, gắn với nhiều lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc như “Đến với Phật, về với Mẫu” Tây Thiên; hát giao duyên Soọng Cò; tham quan chùa Tây Thiên, vườn cò tự nhiên, suối nước nóng... Đặc biệt, đồng bào dân tộc Sán Dìu có những sản phẩm ẩm thực được du khách ưa chuộng như bánh chưng gù, bánh gio chấm mật, xôi đen, bánh trứng kiến...

Những năm gần đây, do người dân xã Đạo Trù khai thác rừng trái phép làm diện tích rừng bị suy thoái nghiêm trọng. Để bảo vệ rừng, chính quyền địa phương đã ban hành chính sách quản lý và kiểm soát lâm sản chặt chẽ. Việc khai thác gỗ để làm nhà đã bị cấm hoàn toàn và người dân cũng không được săn bắt các loài động vật hoang dã, thu hái các sản vật từ rừng, chặt phá cây dược liệu, thu bắt côn trùng... Đồng thời, chính quyền xã cũng vận động bà con trồng rừng, trong 5 năm (từ năm 2005 - 2010), toàn xã đã trồng mới 228 ha rừng,



đưa tổng diện tích rừng trồng năm 2015 lên 777,3 ha. Ngoài việc trồng rừng, người Sán Dìu cũng áp dụng những tri thức địa phương trong việc khai thác, phục hồi đất hoang hóa, qua cách nhận biết màu sắc của đất để cải tạo đất.

Để BVMT, các thôn ở xã Đạo Trù đều có Hương ước riêng quy định cụ thể về BVMT. Theo đó, Hương ước quy định, tất cả gia đình phải cùng nhau xây dựng làng văn hóa, cơ sở hạ tầng, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, ổn định an ninh. Hương ước cũng nghiêm cấm những hành vi đổ phế thải, rác thải, xác động vật bừa bãi làm lây lan dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước...; phải có công trình vệ sinh (hố tiêu, nhà xí) và giếng, bể nước, nhà tắm hợp vệ sinh. Các xác chết động vật phải được chôn lấp, không vứt bừa bãi vào kênh, mương, sông, hồ, gây ô nhiễm môi trường... Các hộ dân không chăn thả gia súc trong rừng; săn, bắt, bẫy động vật trái phép. Trong mùa hanh khô, các cá nhân, hộ gia đình và chủ rừng chủ động làm đường băng cản lửa tại những khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng ở các khu rừng tự nhiên, rừng trồng; việc canh tác nương rẫy trong rừng, ven rừng phải tuân thủ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của trưởng thôn, cán bộ lâm nghiệp và kiểm lâm trên địa bàn. Khi chủ rừng khai thác rừng đã đến tuổi khai thác thì phải làm đơn xin phép khai thác và thống kê số cây, diện tích, khối lượng cần chặt hạ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác. Đặc biệt, các khu rừng thiêng là nơi trú ngụ của các thần linh, từng gốc cây, ngọn cỏ cho đến các loài động vật đều được thần linh bảo vệ, không ai được chặt cây, đốn củi, săn bắn, hái lượm tại các khu rừng, nếu không tuân theo sẽ bị thần linh trừng phạt.

Hương ước cũng quy định rõ về chế tài xử phạt, cụ thể, nếu cá nhân, hộ gia đình, tổ chức nào vi phạm về bảo vệ rừng và môi trường sẽ bị phê bình, nhắc nhở trước cuộc họp toàn dân và lập biên bản gửi cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật. Ngoài ra, để bảo vệ nguồn nước, người Sán Dìu đặt ra những quy ước riêng cho việc sử dụng tài nguyên nước và được lưu truyền trong cộng đồng như “cấm chặt cây ở những khu vực rừng đầu nguồn nước để không ảnh hưởng tới đời sống của cộng đồng dân cư. Nếu ai



▲ Hương ước của xã Đạo Trù quy định, các hộ dân không săn bắt, bẫy động vật trong các khu rừng

cố tình chặt bị bắt được sẽ phạt tiền, hoặc lễ vật để dâng cúng nguồn nước”.

Có thể nói, sử dụng tri thức địa phương trong quản lý tài nguyên thiên nhiên của đồng bào dân tộc Sán Dìu đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong công tác BVMT. Ngày nay, mặc dù khoa học kỹ thuật phát triển, bê tông hóa kênh mương đến từng thôn bản, nhưng tri thức truyền thống của đồng bào dân tộc Sán Dìu trong việc sử dụng, quản lý tài nguyên đất và nước vẫn còn nguyên giá trị. Điều này không những góp phần quan trọng trong đời sống hàng ngày của đồng bào, mà còn đóng góp tích cực trong việc thực hiện pháp luật của Nhà nước trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở các địa phương trên cả nước.

Để giúp cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc, chính quyền địa phương cần tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, chợ để phục vụ du lịch, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe cho người dân; phát huy các

tiềm năng tài nguyên rừng tự nhiên của VQG Tam Đảo và những đặc trưng văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Sán Dìu nhằm phát triển du lịch sinh thái. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ dân trong công tác chăm sóc, bảo vệ rừng tự nhiên, đồng thời, tiếp tục nghiên cứu và tư liệu hóa các kiến thức quản lý tài nguyên rừng để lồng ghép những tri thức phù hợp vào các hoạt động bảo tồn các nguồn gen; khuyến khích và phát huy cơ chế quản lý hiện tại của thôn, xây dựng hương ước và lưu giữ thành văn bản. Các Chi cục Kiểm lâm trên địa bàn cần xây dựng mô hình nông lâm kết hợp, khoanh nuôi bảo vệ và khai thác bền vững các loài thực vật lâm sản ngoài gỗ, vận dụng các kiến thức bản địa có sự kết hợp với kiến thức khoa học hiện đại, kết hợp tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho người Sán Dìu về sử dụng hợp lý và quản lý bền vững tài nguyên rừng...■



Quyền “được sống” của các dòng sông

Sông Hằng (còn gọi là sông Ganga) và Yamuna là 2 con sông thiêng liêng nhất ở Ấn Độ hiện đang bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi rác thải công nghiệp và sinh hoạt chưa qua xử lý của các nhà máy, người dân sống trên lưu vực sông (LVS) thải ra mỗi ngày. Trước tình trạng ô nhiễm của 2 con sông trên, mới đây, chính quyền địa phương đã phải công nhận 2 con sông là thực thể sống có tư cách pháp nhân đầy đủ với quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tương ứng như con người.

NHỮNG CON SÔNG “LINH THIÊNG” ĐANG “KÊU CỨU”

Sông Hằng là con sông nổi tiếng nhất ở Ấn Độ, dài 2.510 km, bắt nguồn từ dãy núi Himalaya, chảy theo hướng Đông Nam qua Băng-la-đét vào vịnh Bengal. Sông Hằng có lưu vực rộng 907.000 km², cung cấp 40% lượng nước ngọt cho hơn 1 tỷ dân số của Ấn Độ. Sông Hằng có tầm quan trọng đặc biệt đối với những người theo đạo Hindu (chiếm phần lớn dân số Ấn Độ), được người Hindu rất coi trọng và tôn kính. Tên của con sông được đặt theo tên nữ thần Hindu Ganga và còn được gọi là sông Mẹ, đây là nơi khởi nguồn của nền văn minh Ấn Độ. LVS Hằng là nơi sinh sống của hơn 140 loài cá, 90 loài động vật lưỡng cư và cá heo. Theo tín ngưỡng của đạo Hindu, tắm trên sông Hằng sẽ gột rửa mọi tội lỗi và mỗi năm, hàng triệu tín đồ đạo Hindu hành hương về sông Hằng để tắm rửa nước “thiêng”.

Sông Yamuna là phụ lưu lớn nhất của sông Hằng, dài 1.376 km, khởi nguồn từ sông băng Yamunotri, trên sườn phía Tây Nam của đỉnh Banderpooch. Đây là nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho 57 triệu người dân, trong đó có hơn 20 triệu người sống ở Thủ đô New Delhi. Giống như sông Hằng, Yamuna được tôn kính trong Ấn Độ giáo và tôn thờ như nữ thần Yamuna trong nhiều thiên niên kỷ qua. Đây là hai con sông lớn và có vai trò đặc biệt quan trọng đối với người dân Ấn Độ cả về đời sống và tâm linh.

Tuy nhiên, hai con sông đang nằm trong top các con sông ô nhiễm nhất thế giới. Ước tính, sông Hằng phải hứng chịu khoảng 2,9 tỷ lít nước thải mỗi ngày, trong đó 1,1 tỷ lít được xử lý bởi các nhà máy, còn lại 1,8 tỷ lít đang thải trực tiếp ra sông. Nước cống từ các TP, khu dân cư dọc 2 bên bờ sông, chất thải công nghiệp, thuốc trừ sâu và chất thải sinh hoạt của người dân đều được thải xuống dòng sông. Ngoài ra, người dân có phong tục hỏa táng thi thể người chết rồi thả trôi sông, rác thải trực tiếp từ các bệnh viện do thiếu lò đốt cũng là



▲ Nguồn nước sông Hằng (Ấn Độ) bị ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng

nguyên nhân làm gia tăng tình trạng ô nhiễm. Một số nghiên cứu gần đây cho thấy, hiện tại, nước sông ô nhiễm đến mức không thể dùng ăn uống, tắm giặt, cũng như dùng cho sản xuất nông nghiệp. Theo các nghiên cứu, tỷ lệ các kim loại trong nước sông khá cao như thủy ngân, chì, crôm, nickel và asen. Con sông ô nhiễm đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của 400 triệu người dân sống phụ thuộc vào sông.

Sông Yamuna, đoạn từ sông băng Yamunotri ở dãy Himalaya đến đập Wazirabad, kéo dài khoảng 400 km thì chất lượng nước sông còn khá tốt, nhưng khi chảy qua Thủ đô New Delhi, nước sông bị ô nhiễm nặng do phải tiếp nhận lượng nước thải lớn từ 15 cống thoát nước của Thủ đô. Đoạn sông trên được ví như là một “mương nước thải khổng lồ”, đen ngòm và tràn ngập rác thải. Các nguồn chính gây ô nhiễm dòng sông gồm chất

thải từ các hộ gia đình và cư dân đô thị, phân bón, thuốc diệt cỏ, trừ sâu, chất thải từ hoạt động thương mại, công nghiệp. Qua một số cuộc kiểm tra của cơ quan quản lý môi trường cho thấy, nước sông bị ô nhiễm rất nghiêm trọng, chỉ những sinh vật có khả năng kháng khuẩn mạnh nhất mới có thể tồn tại được. Hầu hết các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng ở gần sông đã không hoạt động, khiến cho tình trạng ô nhiễm của sông Yamuna thêm trầm trọng.

NỖ LỰC “GIẢI CỨU” DÒNG SÔNG CỦA CHÍNH PHỦ ẤN ĐỘ

Để giải quyết vấn đề ô nhiễm của các dòng sông trên, đặc biệt là sông Hằng, từ năm 2014, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã phát động Chiến dịch “Làm sạch Ấn Độ” trên toàn đất nước và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm cần phải giải quyết trong



nhệm kỳ của mình. Ngay sau đó, hàng loạt chính sách về BVMT đã được ban hành, đồng thời, Chính phủ đã cam kết sẽ chi 3 tỷ đô la Mỹ trong vòng 5 năm để “làm sạch” sông Hằng. Cụ thể, Chính phủ đã phê duyệt 20 dự án xây dựng mới các nhà máy xử lý nước thải, nâng cấp những nhà máy xử lý nước thải hiện có và thiết lập hệ thống lưu thông nước thải tại các TP trong LVS Hằng. Chính phủ cũng cam kết sẽ xây dựng hàng nghìn nhà vệ sinh công cộng dọc bờ sông Hằng dài hơn 2.400 km và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực BVMT. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm của 2 con sông trên vẫn không suy giảm. Sự thất bại trong việc “làm sạch” các con sông là do công tác quản lý LVS chưa hiệu quả; cán bộ thiếu chuyên môn kỹ thuật; quy hoạch môi trường chưa tốt và nhất là không có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Đặc biệt, các chuyên gia môi trường cho rằng, sự chống chọi trong công tác quản lý, kiểm soát môi trường sông của rất nhiều cơ quan liên quan chính là nguyên nhân dẫn đến việc đầu tư “làm sạch” sông trở nên vô ích. Vì thế, bên cạnh sự nỗ lực của Chính phủ, điều quan trọng là cần phải thay đổi cách thức quản lý sông hiện nay, đồng thời, nâng cao ý thức về BVMT của người dân thì môi trường của các dòng sông mới có hy vọng cải thiện.

CÁC DÒNG SÔNG LÀ “NHỮNG THỰC THỂ SỐNG”

Tháng 3/2017, Tòa án Tối cao bang Uttarakhand ở miền Bắc Ấn Độ đã đưa ra quyết định, sông Hằng và Yamuna là “những thực thể sống” có đầy đủ tư cách pháp nhân như con người nhằm bảo vệ 2 con sông “linh thiêng” trước nạn ô nhiễm môi trường. Con sông được trao quyền như một thực thể sống

và được pháp luật bảo vệ trước những hành vi gây hại của con người. Theo đó, bất kỳ ai có hành vi gây ô nhiễm sông sẽ bị xử lý với tội danh gây tổn hại cho “người khác”. Ngoài ra, Tòa án cũng đưa ra Chỉ thị thành lập một Ban giám hộ để bảo vệ nguồn nước của 2 con sông. Sông Hằng và Yamuna sẽ được xem như trẻ vị thành niên, cần được giám hộ. Những người giám hộ sẽ chịu trách nhiệm bảo đảm các con sông không bị “lạm dụng”, hay sử dụng sai mục đích. Họ có thể đại diện cho 2 con sông để kiện những tổ chức, cá nhân không bảo vệ 2 con sông linh thiêng.

Quyết định này đã nhận được nhiều ý kiến phản hồi đa chiều. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ấn Độ Chris Finlayson cho rằng, việc trao quyền con người cho một con sông là một việc làm “độc nhất vô nhị”. Các con sông sẽ có tư cách pháp nhân riêng với tất cả quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ như một con người. Việc này sẽ giúp bảo vệ các con sông. Luật sư MC. Pant, đại diện cho những người dân kêu gọi chính quyền giải tỏa lấn chiếm bờ sông Yamuna cũng khẳng định, nhờ vào Quyết định trên, các con sông đã có đầy

đủ các quyền pháp định như con người, bao gồm quyền “được sống”. Ông Gerrard Albert, Trưởng nhóm đàm phán của Bộ tộc Whanganui nhấn mạnh: “Chúng tôi luôn xem 2 dòng sông linh thiêng trên như tổ tiên của mình, nên chúng tôi đấu tranh để pháp luật thừa nhận điều đó và tất cả mọi người đều phải đối xử với con sông như một thực thể đang sống, là một phần tổng thể không thể tách rời”. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cũng cho rằng, việc xem sông Hằng và Yamuna là “thực thể sống” sẽ không thể làm sạch 2 con sông ngay được, mà các quan chức, người gây ô nhiễm và người dân phải cùng hành động để cải thiện môi trường và ngăn chặn tình trạng gia tăng ô nhiễm của 2 con sông. Vấn đề cấp bách là cần phải nâng cao năng lực cho tất cả các bên liên quan để BVMT sông, đặc biệt là thay đổi thái độ văn hóa, phong tục, tập quán lâu đời của người dân Ấn Độ đối với 2 con sông “linh thiêng”.

Mặc dù vậy, quyết định của Tòa án Tối cao bang Uttarakhand vẫn là giải pháp cần thiết nhằm phục hồi môi trường sông Hằng và Yamuna. Đây là nền móng cho việc ban hành các đạo luật “tiến bộ và dân chủ” để thừa nhận các con sông trên khắp Ấn Độ là một quần thể sinh thái hợp nhất, tất cả các bên phải cùng quản lý, đồng thời, có sự tham gia của cộng đồng người dân. Việc công nhận tư cách con người không biến dòng sông thành một con người thực thụ, nhưng cho thấy tầm quan trọng của dòng sông đối với người dân sống trong khu vực nơi có dòng sông chảy qua■

THU QUỲNH

(Theo UNEP và The Guardian)



▲ Vớt rác trên sông Yamuna



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)
Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Dr. **Mai Thanh Dung**
Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**
Prof. Dr. **Trần Thục**
Dr. **Hoàng Văn Thức**
Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Prof. Dr. **Lê Văn Trình**
Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

OFFICE

● **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing board: (024) 66569135
Editorial board: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcm@gmail.com
<http://www.tapchimoitruong.vn>
● **Ho Chi Minh City:**
A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875
Email: tcmthphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:
Conference on sustainable and
climate-resilient development of the
Mekong Delta of Viet Nam

Photo by: VNA

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 9/2017

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [5] ● Transforming for sustainable and climate resilient Mekong Delta Conference
- [7] ● Clean up the World 2017: Proactively overcoming challenges and difficulties of environmental protection in rural areas
- [8] ● Enhancing cooperation in natural resources and environmental protection
- [9] ● Successful pilot of dioxin remediation using microbiology technology in A Lưới



LAW - POLICY

- [13] HÀ THU: Need for revising and complementing medical wastewater technical regulations
- [10] NGUYỄN THU HÀ: Introduction on draft Decree on revising and complementing government decrees providing guidance on implementation of Law on Environmental Protection
- [14] PHẠM VĂN LỢI: Difficulties and obstacles in compensation for environmental damage due to environmental violation
- [16] PHAN XUÂN HẢO: Biodiversity conservation planning in Quảng Bình to 2025, vision to 2040
- [18] NGUYỄN YẾN: Nghệ An SubDepartment of Environmental Protection boosts administrative reforms in environmental management



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [20] VŨ NGỌC LÂN: From Presidential Palace relics: Some thoughts on environmental aspects in Uncle Ho's historical sites
- [22] LÊ THU HOA: Discussion on Bill for revising Law on Environmental Tax
- [26] LÊ HOÀNG LAN: Need for considering biodiversity restoration and improvement in forest use transforming decision-making



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [28] PHẠM VĂN SƠN: Enhancing capacity in responding to environmental incidents in Việt Nam
- [30] TRẦN ĐỨC HẠ: Selecting technologies and designs for hospital waste treatment facilities



GREEN GROWTH

- [35] NGUYỄN THẾ CHINH: Economic growth in line with environmental protection
- [37] TRẦN QUỐC THÁI: Construction sector gradually implements green urban development
- [39] TRƯƠNG SỸ VINH: Developing environmental indicators in tourism sites



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [43] VŨ ĐÌNH KIÊN: Thiên Nam Joint Stock Company pioneering in manufacturing artificial sand to meet construction demand and addressing environmental issues
- [49] LINH HUỆ: Sài Gòn Brewery Central Branch in Quy Nhơn: over 20 years of establishing trademarks, integrating and sustainable development



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [51] ĐẶNG HUY HUỖNH: Community is subject of biodiversity conservation
- [52] PHƯƠNG TÂM: Keeping up with effectiveness of community based environmental protection models in Quảng Trị
- [54] NGUYỄN VĂN CƯỜNG: Cát Bà National Park: Effective conservation of endangered species
- [56] HOA VŨ: Sao La Reserve Area in Thừa Thiên-Huế: ideal place for wildlife
- [57] TRẦN THU TRANG: Conserving and developing Trà My cinnamon in Quảng Nam
- [59] NGUYỄN MINH DUY: Rice sustainable development and greenhouse gas mitigation: new direction for rice production in Thái Bình
- [60] NGUYỄN XUÂN HÒA: Sán Dìu ethnic minority group: livelihood development in line with environmental protection



AROUND THE WORLD

- [62] THU QUỲNH: River's "right to live"



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM
PINACO

Số 321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84 28)39203062/063 - Fax : (84 28) 39203 060/061



Chào mừng

*Kỷ niệm 72 năm Cách Mạng
Tháng Tám và Quốc khánh 2/9*

UBND XÃ VINH THỊNH, HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

Địa chỉ: Xã Vinh Thịnh, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc
Chủ tịch: Ông Nguyễn Phùng Xuân - Điện thoại: (0211).3839630

**Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày giải phóng Thủ đô
10/10/1954-10/10/2017**



UBND XÃ HỢP CHÂU, HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC

Địa chỉ: Km 10, xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vinh Phúc
Chủ tịch: Ông Đào Xuân Định - Điện thoại: 02113705666 - FAX: 0211507599



**Chào mừng Kỷ niệm 63 năm Ngày Giải phóng Thủ đô
10/10/1954 – 10/10/2017**

UBND XÃ HƯƠNG SƠN, HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

Địa chỉ: Thôn Chân Sơn, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Chủ tịch: Ông Đào Xuân Bình - Điện thoại: 091 313 5196

*Chào mừng kỷ niệm 63 năm
Ngày giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017*



*Chung tay vì một môi trường
Xanh - Sạch - Đẹp*



TRUNG TÂM Y TẾ KHOÁI CHÂU

Số 6, đường Nguyễn Khoái, Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Giám đốc: Bà Vũ Thị Ngát - Điện thoại: 0221.391.0727



Chào mừng
Ngày Giải phóng Thủ đô
10/10/1954-10/10/2017

CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Đ/c: Số 2A Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

Chào Mừng

63 năm ngày Giải phóng Thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2017)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Địa chỉ: Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Chào Mừng Kỷ Niệm

72 Năm

Cách Mạng Tháng Tám và Quốc Khánh Ngày 2/9
(02/09/1945 - 02/09/2017)



CÔNG TY TNHH NHẬT HÒA VINH

Địa chỉ: 289 QL1A, Ấp Voi Lá, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Ngành nghề kinh doanh

Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
Chuyên cung cấp các loại máy nông ngư cơ

Chào Mừng Lễ Kỷ Niệm

13 Năm Ngày Doanh Nhân Việt Nam (13/10/2004 - 13/10/2017)
Và Ngày Nhà Giáo Việt Nam (20/11)



Chuyên cung cấp các loại máy nông ngư cơ



CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY AN ĐỒNG

Đ/c: Số 215A Đường 208 xã An Đồng, H. An Dương, TP. Hải Phòng

Tel: 0225.3913.229 | Fax: 0225.3913.228

Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy An Đồng là cung cấp các hoạt động liên quan đến đóng mới và sửa chữa tàu thủy, phục vụ ngành đóng tàu và công nghiệp có chất lượng để thỏa mãn nhu cầu của Khách hàng. Mọi hoạt động đóng mới và sửa chữa tàu biển, Gia công kết cấu thép phục vụ ngành đóng tàu và công nghiệp của Công ty được tổ chức thực hiện theo chính sách:

- Khách hàng là trung tâm
- Chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu
- Giao hàng đúng thời gian cam kết
- Giá cả hợp lý và cạnh tranh

Mục tiêu Chất lượng của Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy An Đồng là phục vụ nhu cầu và lợi ích của khách hàng, bảo đảm các sản phẩm đóng mới và sửa chữa tàu biển của Công ty thỏa mãn các quy định của Quy phạm, Quy chuẩn Quốc gia, của các Công ước Quốc tế có liên quan và các yêu cầu của Khách hàng, thông qua việc không ngừng đầu tư để hoàn thiện:

- Hệ thống quản lý chất lượng ngày càng có hiệu lực và hiệu quả;
- Đội ngũ cán bộ, nhân viên, công nhân của Công ty được đào tạo bài bản theo hướng chuyên môn hóa, có tính chuyên nghiệp cao;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với sự phát triển của Nhà máy, đổi mới trang thiết bị và công nghệ theo hướng hiện đại, tiến tiến phù hợp với yêu cầu về kỹ thuật, về chất lượng trong việc đa dạng hóa sản phẩm, ngày càng có khả năng đóng mới, sửa chữa những tàu biển lớn hơn, hiện đại hơn;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ kỹ thuật, đặc biệt hệ thống chăm sóc Khách hàng sau bán hàng.
- Hàng năm, Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy An Đồng xây dựng mục tiêu hoạt động cụ thể để thực hiện Chính sách Chất lượng và Mục tiêu nêu trên.
- Chính sách Chất lượng của Công ty được hiểu, thi hành và duy trì ở mọi cấp trong Công ty.





CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 9/230 Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư Tài Nguyên Môi Trường là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập. Là một đơn vị chuyên ngành khảo sát, đo vẽ thành lập bản đồ các loại tỷ lệ phục vụ các ngành kinh tế quốc dân, với kinh nghiệm quản lý, thi công các công trình đo đạc thành lập bản đồ, hồ sơ địa chính phục vụ quản lý đất đai, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng cùng với đội ngũ đông đảo cán bộ, công nhân viên lành nghề và trang thiết bị công nghệ hiện đại, chúng tôi có đủ năng lực tham gia thực hiện và cung cấp các dịch vụ, sản phẩm bản đồ phục vụ quản lý đất đai và các ngành kinh tế quốc dân khác đảm bảo chất lượng. Trải qua thời gian chuyên khảo sát, đo đạc thành lập bản đồ các loại phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế đất nước, đến nay Công ty có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên có bề dày kinh nghiệm và được đào tạo chính quy ở các trường đại học trong nước và nước ngoài. Trang thiết bị, công nghệ khảo sát, đo đạc thành lập bản đồ luôn được đổi mới và hiện đại hoá. Là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bản đồ số và hệ thống thông tin địa lý (GIS) nên hiện nay công tác khảo sát đo vẽ thành lập bản đồ của Công ty phần lớn đã được tự động hoá có thể thực hiện hoàn hảo các dịch vụ khảo sát, đo vẽ thành lập bản đồ trong phạm vi toàn quốc.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI 218

Địa chỉ: Tổ 22 khu 4, P. Hà Khánh, TP Hạ Long, Quảng Ninh



Kỷ Niệm

63 năm ngày Giải phóng Thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2017)

CÔNG TY TNHH ĐỨC DƯƠNG

Địa chỉ: Thị trấn Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Chào Mừng

63 năm ngày Giải phóng Thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2017)



CÔNG TY TNHH SX VÀ TM HÀ HƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Lâm Hộ, xã Thanh Lâm, H. Mỹ Linh, TP Hà Nội



Chào mừng 63 năm ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/54)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG THUẬN THIÊN

Địa chỉ: Phố Trung Yên, Thị trấn Yên Thịnh,
Huyện Yên Mô, Ninh Bình

Công ty Cổ phần Nước sạch và Môi trường Thuận Thiên được thành lập ngày 12/09/2016 với mã số doanh nghiệp 2700826772 do UBND tỉnh Ninh Bình cấp. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Nhằm cung cấp nước đảm bảo quy chuẩn của nhà nước, thực hiện nghiêm chỉnh, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Không chỉ hướng đến là một thương hiệu, một doanh nghiệp uy tín trong ngành môi trường mà Thuận Thiên còn mang tính chất nhân văn trong chính dịch vụ của mình – giữ gìn và bảo vệ môi trường cùng với sự phát triển vững mạnh của đất nước.



*Một số hình ảnh Nhà máy xử lý nước của
Công ty Cổ phần Nước sạch và Môi trường Thuận Thiên*



CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA CHỮA TÀU BIỂN NOSCO - VINALINES

Đ/c: Thôn 4, Xã Tiên Phong, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: (84-203) 3 684 688/ Fax: (84-203) 3 684 688

Email: nvsr@noscosy.com.vn / biz.dept@noscosy.com.vn

Website: <http://www.noscosy.com.vn>

Công ty cổ phần sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines là một Doanh nghiệp cổ phần hoạt động trong ngành công nghiệp sửa chữa và đóng tàu.

Công ty được xây dựng tại bờ phải sông Chanh thuộc địa phận Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, trên diện tích 105 ha. Với vị trí địa lý nằm trong khu vực có mạng lưới vận chuyển hàng hóa bằng đường biển năng động bậc nhất trên thế giới, nằm gần trên đường lưu thông, vận tải hàng hóa quốc tế bằng đường biển thuận lợi cho việc sửa chữa cũng như cung cấp các dịch vụ cho các chủ tàu trong nước và quốc tế.

Với hệ thống sản năng hiện đại, lớn nhất Đông Nam Á và lớn thứ hai tại khu vực Châu Á, có khả năng nâng hạ tàu có trọng tải đến 70.000 DWT, với công nghệ sản năng sử dụng bằng điện thân thiện với môi trường, quá trình nâng hạ tàu được diễn ra nhanh chóng, giúp giảm thời gian chờ sửa chữa của các chủ tàu, nâng cao hiệu quả đồng thời tiết kiệm chi phí thời gian, nhiên liệu trong quá trình sửa chữa.

Nơi ở tốt đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của chủ tàu và thủy thủ. Trong giai đoạn chờ tàu sửa chữa Nhà máy sẽ bố trí phương tiện đưa đón chủ tàu có thể tham quan du lịch các địa điểm đẹp như : Vịnh Hạ Long, Đảo Cát Bà, Khu nghỉ mát Sông Giá ... NVSRC luôn mong muốn thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác trong và ngoài nước trên tinh thần hợp tác hữu nghị và cùng phát triển.

Hoạt Động Kinh Doanh Chính :

- Sửa chữa và bảo dưỡng: Sửa chữa, hoán cải tàu thủy, thiết bị và các phương tiện nổi.
- Gia công thép: Công ty đáp ứng các hợp đồng gia công thép cho các dự án như: Xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp...
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Hoạt động của tàu lai dắt, tàu kéo, tàu đẩy, cần cẩu, phương tiện nổi.
- Tái chế phế liệu: Phá dỡ tàu cũ.

Tầm nhìn, sứ mệnh, phương châm và giá trị cốt lõi của Công ty

Tầm nhìn : "Được công nhận và trở thành biểu tượng hàng đầu trong lĩnh vực sửa chữa tàu biển tại những thị trường mà Công ty hoạt động".

Sứ mệnh : NVSRC cam kết mang đến cho khách hàng chất lượng và sự hài lòng bằng chính sự trân trọng, nỗ lực và không ngừng sáng tạo của mỗi con người trong Công ty.

Phương Châm : "Chất lượng, tiến độ là hàng đầu"

Giá trị cốt lõi : Trung thực – Tôn trọng – Công bằng Sáng tạo – Tuân thủ".



KHU ĐÔ THỊ ĐƯỜNG HÒA PHONG NỔI DÀI - KHU NHÀ Ở CAO CẤP WŨNG CƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG NÔNG TRANG - PHƯỜNG DŨU LÃO - PHƯỜNG TÂN DÂN



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẢI HÀ LAND - CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN WŨNG CƯỜNG
TRỤ SỞ CHÍNH: LỘ TỈNH 2 ĐƯỜNG HÒA PHONG Kéo dài - P. Tân Dân - TP. Việt Trì

Điện thoại: 0210 585 222 - Email: wungcuong@hailand.vn



KHU CHẾ XUẤT TÂN THUẬN CHÚ TRỌNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Hạt động sản xuất kinh doanh luôn có sự gắn bó và tác động đến môi trường. Vì thế, vấn đề bảo vệ môi trường song song với phát triển sản xuất ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm. Điều này một phần thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, một phần cũng tác động trực tiếp đến sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp. Nhận thức rõ điều đó, ngay từ khi được xây dựng, Khu chế xuất (KCX) Tân Thuận đã chú trọng đến việc bảo vệ môi trường. Tổng số vốn đầu tư cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường chiếm gần 20% vốn đầu tư cho KCX Tân Thuận.

Khu chế xuất Tân Thuận được hình thành và xây dựng từ năm 1991, với diện tích 300 ha, là KCX đầu tiên tại Việt Nam. Đến nay, với 197 nhà đầu tư đến từ hơn 20 nước trên thế giới, tổng số vốn đầu tư trong KCX Tân Thuận hơn 1,7 tỷ USD, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đạt hơn 2,5 tỷ USD, diện tích đất cho thuê đạt được gần 88,5% diện tích có thể cho thuê. Hoạt động của KCX ngày càng ổn định, bền vững, đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh và khu vực. Từ các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành công nghiệp truyền thống, thâm dụng lao động như cơ khí, dệt may, chế biến thực phẩm... đến nay đã có rất nhiều nhà đầu tư vào các ngành nghề kỹ thuật cao như thiết bị y tế, điện tử, linh kiện máy tính, linh kiện ô tô, sản xuất thuốc chữa bệnh...

Thành công của KCX đến từ nhiều lý do như hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiệu quả; chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn... và một yếu tố có sức ảnh hưởng "lâu dài" song rất hiệu quả là hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được xây dựng hoàn thiện nên các doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất trong KCX không phải tốn quá nhiều chi phí cho công tác này.

Hầu hết các công ty trong KCX trước khi được cấp phép xây dựng đều được đăng ký đạt tiêu chuẩn về môi trường, có phương án xử lý nước thải, khí thải cục bộ. Những công ty có phát sinh nước thải công nghiệp đều phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ, được HEPZA, Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt với Công ty Tân Thuận kiểm tra thường xuyên.

Hệ thống xử lý chất thải, bảo vệ môi trường trong KCX bao gồm các hạng mục chính là Nhà máy xử lý nước thải tập trung, Trạm thu gom phân loại chất thải rắn tập trung. Hệ thống van ngăn triều cường tại các cửa xả trong KCX. Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 15.000m³/ngày đêm hoạt động liên tục, hiệu quả từ cuối năm 1998, xử lý đạt tiêu chuẩn cột A-TCVN 5945-1995 (nay là cột B, QCVN40:2011/BTNMT). Công ty Tân Thuận đi đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, có khả năng truyền các thông số quan trắc đến cấp chỉ huy và các cấp quản lý nhà nước để thuận lợi kiểm tra giám sát. Trạm thu gom các chất rắn tập trung có đầy đủ thiết bị, dụng cụ thu gom, phân loại, vận chuyển để xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại theo đúng hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong hai năm qua, Công ty Tân Thuận đã phối hợp với tổng doanh nghiệp thực hiện công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn hiệu quả, góp phần tích cực cho quá trình thực hiện giải pháp 3R của thành phố. Hệ thống van ngăn triều cường tại các cửa xả được nghiên cứu lắp đặt kịp thời để giải quyết vấn đề ngập úng khi triều cường trong KCX.

Đứng trước những diễn biến bất thường của khí hậu, tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, tình trạng thiếu nước trong mùa khô diễn ra ngày càng phổ biến, Công ty Tân Thuận đã nghiên cứu, áp dụng công nghệ xử lý sử dụng nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn để nuôi cây xanh, tiết kiệm khá nhiều lượng nước sạch. Công ty Tân Thuận cũng sử dụng bùn thải của Trạm xử lý nước thải tập trung kết hợp với cát, lá cây băm nhỏ, vôi bột và men vi sinh vật để ủ phân hữu cơ bón cây xanh trong nội bộ KCX nhằm tiết kiệm chi phí xử lý chất thải và giảm tải lượng chất thải rắn cho các bãi chôn lấp của thành phố. Để tiết kiệm năng lượng điện một cách triệt để, toàn bộ đèn chiếu sáng trong KCX đã được thay thế bằng đèn siêu tiết kiệm, với công nghệ mới giảm gần 70% điện năng tiêu thụ mà vẫn đảm bảo độ chiếu sáng cao hơn trước, tiết kiệm hàng năm gần 700.000 kWh. Đèn chiếu sáng trong các tòa nhà văn phòng làm việc cũng được lắp đặt năng lượng phân quang, trong tương lai Công ty Tân Thuận sẽ thực hiện lắp hệ thống năng lượng mặt trời để giảm thiểu tối đa lượng điện sử dụng.

Trong suốt những năm qua, hệ thống bảo vệ môi trường trong KCX Tân Thuận luôn hoạt động nghiêm túc, hiệu quả, chưa có sự cố môi trường nào xảy ra. Trong các đợt kiểm tra đều được đánh giá tốt. Công ty Tân Thuận đã được tặng nhiều giải thưởng lớn về môi trường như: Giải thưởng Doanh nghiệp xanh, Thương hiệu xanh vì sự phát triển bền vững, Thương hiệu xanh thân thiện, Giải thưởng Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, KCX và CN hấp dẫn đầu tư nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (năm 1999)...

Từ một vùng đất ngập mặn, sinh lý này trở thành một KCX hiện đại với môi trường cảnh quan trong lành, sạch đẹp đã cho thấy nỗ lực tái sinh của Công ty TNHH Tân Thuận trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Quận 7 và khu vực phía Nam thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, với gần 60 ngàn lao động, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm hơn 2,5 tỷ USD, KCX Tân Thuận đang đóng góp tích cực vào sự phát triển của Thành phố. Với những thế mạnh về hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường, đây sẽ tiếp tục là điểm đến lý tưởng của các nhà đầu tư.





Center of Global Green Network HẠT NHÂN CỦA MẠNG LƯỚI XANH TOÀN CẦU

KEITI tạo dựng một thế giới xanh và sạch bằng cách phổ biến công nghệ thân thiện môi trường và thiết lập các mạng lưới hợp tác toàn cầu để mỗi quốc gia đều có thể tận hưởng những lợi ích mà môi trường đem lại.

Trung tâm Hợp tác Môi trường Việt Hàn (Vietnam - Korea Environmental Cooperation Center, VKECC) là cơ quan do Bộ Môi trường Hàn Quốc thành lập và giao Viện Công nghệ và Công nghiệp Môi trường Hàn Quốc (KEITI) quản lý và tổ chức hoạt động. Trung tâm được giao các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Xúc tiến và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực môi trường giữa Việt Nam và Hàn Quốc;
- Quản lý các nguồn vốn hỗ trợ hợp tác và xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ;
- Hỗ trợ các doanh nghiệp Hàn Quốc và Việt Nam xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam;
- Nghiên cứu và tìm hiểu thị trường công nghệ phục vụ công tác xúc tiến và phát triển hợp tác, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững.



Để biết thêm thông tin về hoạt động của chúng tôi, xin vui lòng tham khảo tại:
Website: www.keiti.re.kr
Văn phòng đại diện tại Việt Nam: Tầng 14, tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Hà Nội
Tel: 84-024-22208210; Fax: 84-024-22208211
Giám đốc: JUNG GUN YOUNG